TỦ SÁCH TINH HOA THĂNG LONG - HÀ NỘI

36 NGHỆ NHÂN Hà Nội

QUỐC VĂN
(Tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HÀ NỘI
CÓ NHIỀU HƠN MỘT BA SÁU

(THAY LỜI GIỚI THIỆU)

Cuốn sách *Hà Nội ba sáu phố phường* gắn liền với tên tuổi nhà văn tài hoa Thạch Lam đã trở nên nổi tiếng và quá đỗi thân thuộc với nhiều lớp bạn đọc người Việt. Cho đến bây giờ cũng chưa hề có con số thống kê rằng nó đã được xuất bản bao nhiêu bận, số lượng tới nay đạt bao nhiêu bản, những nhà xuất bản nào đã từng in? Chỉ biết rằng, khi nói tới những áng văn đẹp viết về mảnh đất Kẻ Chợ, không thể lãng quên *Hà Nội ba sáu phố phường*, không thể không kể tới Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng... hay một vài nhà văn tên tuổi khác.

Có thể bạn chưa biết nhiều về Hà Nội, có thể bạn chưa một lần đặt chân tới Hà Nội, cũng đâu có sao, chỉ cần bạn có trong tay *Hà Nội ba sáu phố phường* của Thạch Lam, *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng... thì Hà Nội với những gì tinh túy nhất, tinh tế nhất, hào hoa thanh lịch nhất, tựa hồ đã nằm trong tay bạn. Bạn có thể thả hồn trong một biệt thự tiện nghi sang trọng nào đấy, hoặc thảy trong một căn hộ ọp ẹp, trên một ghế đá cạnh một mặt hồ thơ mộng nào đấy, hoặc bất kỳ một chỗ nào đó tùy bạn chọn lựa ở trên khắp miền đất Việt để mà thưởng

những trang viết tưởng không có gì đẹp hơn, không có gì hay hơn, thú hơn về những nét văn hóa của chốn văn vật ngàn đời Thăng Long - Kẻ Chợ đã được "cô" cả vào trong những ngòi bút tài hoa ấy. Vậy thì tới Hà Nội làm gì cho nhọc xác, cho bụi bặm đường trường, cho tàu xe đầy bất trắc. Hà Nội vẫn có thể gần bạn hơn qua từng trang sách nhỏ. Hà Nội bây giờ đã không còn trầm mặc, bình lặng như cái thời của Thạch Lam, Vũ Bằng hồi tưởng qua từng nét bút nữa. Hà Nội bây giờ đã rộn ràng hơn trong thời mở cửa, trong cái thời hội nhập bốn phương tám hướng. Có thể có chút gì đó hơi xô bồ đã chen vào, đấy là tôi cứ mạo muội cảm vậy. Vẫn rất mong, vẫn hi vọng mình sai. Hà Nội hiên ngang hơn, hiện đại hơn bởi những cao ốc chọc trời, bởi những panô, biển hiệu xanh đỏ đủ màu, bởi những con phố mới thênh thang dài và rộng, cho mỗi khi mưa nước lại ngập tràn. Hà Nội dường như còn ồn ào hơn bởi vô vàn tiếng còi ôtô, xe máy inh ỏi mỗi khi tắc đường, cũng phong phú gương mặt phố phường cùng những cô chiêu cậu ấm tóc với đủ màu xanh, đỏ, vàng, nâu cưỡi những chiếc xe máy đắt tiền lượn vù vù các phố. Hà Nội khói. Hà Nội bụi. Đủ cả. Không chỉ có vậy. Hà Nội còn nhiều những mặt trái khác. Ấy là tôi cứ cả nghĩ vậy. Một lẽ vì Hà Nội là nơi hội tụ của dân tứ chiếng. Từ Nam chí Bắc, từ xuôi tới ngược. Thảy đều dồn về Hà Nội. Như lũ thượng nguồn đổ nơi hạ nguồn. Như trăm dòng sông xuôi về biển lớn. Có vác xin nào cho Hà Nội yêu dấu của tôi đây! Này nhé, sau những náo nhiệt, ồn ào đấy, chỉ dáng vẻ bề ngoài thôi bạn ạ! Hà Nội vẫn toát lên nét hào hoa thanh lịch, rêu phong trầm mặc tự ngàn đời của mảnh đất Kinh Kỳ xưa - Kinh đô của bao vương triều phong kiến. Hà Nội biết tự đào thải, biết tự sàng lọc cho riêng mình những gì tinh túy nhất, tao nhã

nhất để làm nên hai tiếng yêu thương cho ai đã từng đến, từng đi và cả những ai chưa từng một lần đặt chân tới mảnh đất thiêng này cũng không khỏi rưng rưng xúc động cõi lòng khi nhắc đến hai tiếng: Hà Nội!

Hà Nội có trong tôi, trong bạn, trong tất cả chúng ta. Bởi Hà Nội là Thủ đô của cả nước. Hà Nội mang trong mình vinh quang và trọng trách lớn lao. Tôi, bạn, cũng như tất cả con dân nước Việt đều phải có trách nhiệm vun đắp, tô đẹp thêm Hà Nội của mình, bằng những việc làm dù là nhỏ nhất, đôi khi chỉ là ý nghĩ đẹp cũng đã đủ lắm rồi, cũng đáng quý, đáng trân trọng xiết bao. Thủ đô nghìn năm tuổi, còn sẽ thêm nhiều tuổi nữa. Ý thức trách nhiệm, tấm lòng của một người con đất Việt mong muốn góp chút gì để mừng cho Thủ đô ta trường thọ đã khiến *Tủ sách tinh hoa Thăng Long - Hà Nội* được hình thành; đã khiến Hà Nội giờ đây không chỉ dừng ở *Hà Nội ba sáu phố phường* như tiền nhân Thạch Lam phóng bút. Hà Nội đã có nhiều hơn một ba sáu, với: *36 kiến trúc Hà Nội, 36 bài thơ Hà Nội, 36 nghệ nhân Hà Nội, 36 phóng sự Hà Nội, 36 làng nghề Hà Nội, 36 lễ hội Hà Nội, 36 đình - đền - chùa Hà Nội, 36 truyện ngắn Hà Nội, 36 danh thắng Hà Nội, 36 đoản văn Hà Nội, 36 tạp văn tùy bút Hà Nội, 36 ngôi nhà Hà Nội, 36 món ngon Hà Nội, 36 gương mặt Hà Nội*... 36 và 36. 36 đã trở thành phiếm chỉ chứ không đơn thuần về mặt số học. Ở tủ sách này, người biên soạn, tuyển chọn vẫn muốn ấn định con số 36 cho các bài viết trong các tập của tủ sách như một sự nhắc nhủ, tri ân cùng Thủ đô về một thời Kẻ Chợ - Thăng Long - Hà Nội 36 phố phường ngàn xưa. Tầm vóc của Hà Nội ngàn năm tuổi, ấy cũng chỉ tính từ vua Lý Thái Tổ hạ chiếu dời đô nơi cố đô Hoa Lư chật hẹp tới chốn rồng cuộn hổ ngồi

- để mưu nghiệp lớn muôn đời cho con cháu về sau. Chứ thực ra mảnh đất mấy nghìn năm tuổi này đã có từ thuở hồng hoang của lịch sử, từ khi Nữ Oa đội đá vá trời, từ buổi Lạc Long Quân - Âu Cơ kết duyên Tiên Rồng để khai thiên mở cõi dựng gây dòng giống Lạc Hồng. Mà thôi, kể làm chi những điều xa xưa ấy. Khi mà Thăng Long - Hà Nội trường tồn cùng lịch sử như một lẽ tiền định. Chỉ biết rằng mỗi thời khắc qua đi, mảnh đất thiêng lại thêm nhiều sự tích, nhiều huyền thoại và kỳ tích mà thôi.

Sự ghi nhắc của những trang sách trong tủ sách này chắc sẽ là khiên cưỡng, chưa thể đủ đầy với vóc dáng Phù Đổng thiên vương nơi Thủ đô ngàn tuổi. Song hy vọng, đây sẽ là nốt ruồi son tô đẹp thêm nhan sắc nàng thiếu nữ Hà Nội yểu điệu duyên dáng yêu kiều của mỗi chúng ta.

Mùa Đông Kỷ Sửu

Quốc Văn

Doanh nhân - Nghệ nhân Đỗ Văn Thuân và cả đời với nghề sơn thếp

Sinh ra và lớn lên ở miền quê có nhiều nghề truyền thống vốn là nơi tổ nghề của nước Việt Nam. Làng Hạ Thái, xã Duyên Thái, chỗ chôn nhau cắt rốn của ông cũng là đất tổ nghề sơn thếp.

Gia đình ông đã mấy đời làm sơn thếp, hoà bình lập lại cả làng Hạ Thái vào làm ăn chung trong hợp tác xã Bình Minh. Ông Đỗ Văn Thuân ban đầu cũng là một xã viên, sau mấy kỳ đại hội xã viên, ông được bà con tín nhiệm bầu vào Ban chủ nhiệm. Hợp tác xã của ông thuở những năm 60 đến 70 nổi lên như gió Đại phong, Ba nhất... Khi ông lên làm Chủ nhiệm thì Bình Minh đã chuẩn bị vào giai đoạn cuối mà mấy ai biết trước. Phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, bạn hàng tiêu thụ của Bình Minh mất hẳn thị trường, xã viên nháo nhác, Hợp tác xã Bình Minh đóng cửa hoạt động. Ban Chủ nhiệm mỗi người một ngả đi tìm kế

mưu sinh mới, chỉ có Chủ nhiệm Đỗ Văn Thuân một mình trụ lại, ngày ngày xuống văn phòng trông mấy quyển sách và thay thủ kho che đậy mấy thứ đồ nghề của thợ mài sơn. Văn phòng thuở ấy lại đặt nhờ ở Đình làng, thành thử thần Thành Hoàng có người thi thoảng đèn nhang nên cũng đỡ cô quạnh trong những tháng năm cả xã hội bài trừ mê tín đến cực đoan.

Ông Chủ nhiệm mất hết xã viên, vò võ một mình cai quản toàn bộ cơ ngơi nhà xưởng rộng đến cả ngàn mét trong suốt mấy năm trời. Cực chẳng đã, lương tâm người thợ bỗng dưng mất nghiệp tổ làm ông Thuân ăn ngủ chẳng yên. Ông bắt đầu xách cặp lên Hà Nội, xuống Hải Phòng tìm lại những cơ sở, đối tác nhận ủy thác xuất khẩu của Hợp tác xã ngày xưa, xem xét tình hình khả năng tiêu thụ hàng sau cơn bĩ cực ra sao. Thì ra, trên thế giới này tiềm năng tiêu thụ hàng thủ công mỹ nghệ sơn mài của Việt Nam làm ra vẫn còn. Ông trở về động viên gia đình dồn hết vốn liếng rồi đề nghị với chính quyền địa phương cho thuê lại toàn bộ nhà xưởng của Hợp tác xã sơn mài Bình Minh cũ, bắt tay khôi phục lại một tổ hợp sản xuất sơn mài theo quy mô gia đình là chủ yếu. Làng Hạ Thái sống lại nghề sơn mài, sơn thếp cổ truyền có lẽ bắt đầu từ doanh dân này. Ngày xưa cụ Trần Lư đi sứ mang nghề về dạy cho dân. Ngày nay cả làng mất nghiệp, ông Thuân cùng với ông Mùi (cũng là thành viên trong ban Chủ nhiệm cũ) dựng lại để cả làng tiếp tục khôi phục nghề sơn.

Các cụ ta xưa đã dạy: "Qua cơn bĩ cực đến ngày thái lai" làng Hạ Thái đã qua cơn bĩ cực thực sự sau những ngày đổi mới. Các tổ hợp gia đình được khôi phục. Tổ hợp gia đình ông Thuân thì tiến lên thành doanh nghiệp, đủ tư thế pháp nhân giao dịch, hợp đồng làm ăn với khách hàng trong và ngoài nước. Vừa tiêu thụ hàng của bản thân doanh nghiệp, vừa ủy thác tiêu thụ cho các doanh dân của cả làng.

Đến Công ty Sơn mài Mỹ Thái hôm nay do ông Đỗ Văn Thuân làm giám đốc, vẫn trên nền đất cũ của xưởng sản xuất Hợp tác xã Sơn mài Bình Minh xưa là một cơ ngơi bề thế, khang trang. Toà văn phòng và hàng mẫu mấy tầng lầu đầy ắp các mẫu đơn hàng đã sản xuất và cả đang chờ mời ký kết. Khu sản xuất với hàng trăm công nhân trên các dây chuyền từ bó vóc đến phết sơn, mài và kiểm tra chất lượng Việt Nam mở cửa, hội nhập toàn cầu cũng là sự khởi đầu cuộc cạnh tranh quyết liệt đối với Công ty Mỹ Thái. Giám đốc Đỗ Văn Thuân, vừa là nghệ nhân đã từng được sinh vì nghệ thì nay sẽ phải phất lên vì nghệ. Ông tập trung sáng tạo rất nhiều mẫu hàng mới với đủ các loại chất liệu làm ra vóc như nhựa tổng hợp, tre trúc, bột giấy... Đặc biệt là sơn phủ thếp cũng rất đa dạng kết hợp cổ truyền với hiện đại một cách rất khoa học để làm cho sản phẩm giàu chất nhân văn Việt Nam hơn. Bởi thế mà sản phẩm sơn mài của Mỹ Thái luôn luôn có mặt ở rất nhiều nước trên toàn thế giới. Sự sáng tạo sơn thếp trên các loại chất liệu vóc của Minh Thái, kéo theo sự phát triển tiêu thụ hàng hoá cho những làng

nghề ở Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội và Cát Đằng, Ý Yên, Nam Định.

Kết quả sản xuất, kinh doanh của Mỹ Thái, sự có mặt của sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ sơn mài Hạ Thái trên thị trường thế giới là công lao, đóng góp của một doanh nhân vừa là nghệ nhân cả đời vì nghệ tổ không bao giờ ngơi nghỉ nghĩ suy. Vừa giữ nghề vừa góp phần làm cho nghệ tổ thăng hoa.

Theo Việt Báo

Độc đáo làng gỗ Sơn Đồng

Những pho tượng Adiđà, tượng Di Lặc... mang đậm màu sắc tín ngưỡng và tâm linh đã được những người thợ của làng Sơn Đồng (Hoài Đức - Hà Nội) chế tác dưới đôi tay khéo léo. Có dịp về Sơn Đồng, mới thấy hết nỗi gian truân, nhọc nhằn và cả những vinh quang, niềm tự hào của người dân nơi đây về nghề truyền thống của quê mình.

Sức sống một làng nghề

Vừa tới đầu làng, chúng tôi đã nghe rõ tiếng đục đẽo lách cách bởi người người, nhà nhà cùng làm nghề. Lớp thợ trẻ bây giờ không ai còn nhớ rõ xuất xứ của nghề, chỉ biết rằng sản phẩm của làng nghề đã được xác định từ hàng trăm năm nay. Đó là những bức tượng Phật Bà nghìn tay, nghìn mắt, tượng ông Thiện, ông Ác, tượng La Hán, kiệu bát cống, những bức hoành phi, câu đối... Người làng còn kể lại, nghề sơn, tạc tượng thờ đã mang lại vinh quang cho làng khi rất nhiều nghệ nhân ở đây từng được vua Khải Định (1916-1925) ban thưởng.

Hiện làng Sơn Đồng có tới 300 hộ chuyên làm nghề điêu khắc tạc tượng sơn son, thếp vàng thếp bạc thu hút

4.000 lao động trong làng và một số vùng lân cận. Mỗi năm, làng sản xuất vài vạn sản phẩm xuất đi khắp các miền Trung Nam Bắc và có cả một số sản phẩm xuất ra nước ngoài. Nhiều người đã trở thành những ông chủ lớn như: Nguyễn Chí Quảng, Nguyễn Chí Dũng, Trần Đình Cường, Nguyễn Viết Hồng, Nguyễn Viết Thạch, tuổi đời chỉ đều trên dưới 40 nhưng đều có 3 xưởng sản xuất, quanh năm có từ 30 - 50 thợ làm thuê.

Theo nghệ nhân Nguyễn Viết Thạc, những năm đầu thập kỷ 60 thế kỷ XX, làng nghề trải qua nhiều thăng trầm bởi quan niệm chống mê tín dị đoan, nhiều nhà phải bỏ nghề. Tới năm 1983, ông Nguyễn Đức Dậu, nghệ nhân từ thời thuộc Pháp liền đứng ra tổ chức lớp học nghề chạm khắc gỗ và sơn mài, cốt truyền nghề cho con cháu. Hơn ba chục học viên ngày đó, bây giờ người là thợ giỏi, người là giáo viên, đang tiếp tục truyền nghề cho lớp trẻ trong làng. Bản thân ông Thạc cũng là người tâm huyết với nghề truyền thống. Quen hơi, bén tiếng với nghề từ lúc còn để chỏm, ông Thạc không nhớ mình đã tạc bao nhiêu bức tượng nhưng hàng trăm pho tượng ông làm cho các chùa Quán Sứ, Liên Phái, Trấn Quốc, Hưng Ký, chùa Hương, chùa Trăm Gian vẫn còn mang dấu ấn của một nghệ nhân tài hoa.

Yêu nghề, thế nên đến nay, bên cạnh lớp nghệ nhân xuất sắc, ở làng Sơn Đồng, người ta còn thấy có cả một thế hệ thợ sơn, tạc trẻ trung, sức dài vai rộng và đặc biệt rất chí thú theo nghề tổ. Lớp trung niên ở làng gỗ, tay nghề giỏi

có đến hơn 40 người, mỗi người một thế mạnh khác nhau, đang được chọn lựa, đề nghị cấp trên phong tặng danh hiệu nghệ nhân.

Những tinh hoa đặc sắc

Ông Thạc cho biết, dù thể hiện sản phẩm theo cách thức nào, người thợ Sơn Đồng cũng phải tuân thủ theo tính chất tôn giáo một cách nghiêm khắc. Cái khó của chế tác tượng thờ còn là phải đảm bảo những yêu cầu trên nhưng cũng không được quá cứng nhắc mà phải giàu nét hiện thực với vẻ mặt dịu dàng, đôn hậu, có thiện có bi, dáng dấp tôn nghiêm vừa uy nghi vừa gần gũi với con người. Chỉ một nét chạm thôi, người thợ cũng có thể tạo nên cái thần cho cả một tác phẩm.

Hàng tượng Phật chỉ có thể tạc bằng gỗ mít, vì theo quan niệm, đó là loại gỗ "thiêng" - rất thích hợp cho việc đóng đồ thờ cúng. Hơn nữa, gỗ mít có đặc tính dẻo, mềm, thớ dặm, có độ bền cao, ít nứt, dễ gọt. Gỗ chở về loại bỏ hết phần rác, chỉ dùng lõi để đục. Dụng cụ đo đạc duy nhất trong tay người thợ là dây đo và một "thước tầm". Đầu, mặt tượng bao giờ cũng được gia công trước tiên. Đục phác thảo những khối mũ (nếu có) rồi trán, mũi, môi, tai vv... Tai Phật thường to và chảy, phải tính đặt cân đối hợp lý trong khoảng cách từ chân tóc (2 bên đầu) tới cằm, có khi tai chạm vai.

Kỹ thuật sơn son thếp vàng tượng cũng kỳ công như nghệ thuật làm vóc sơn mài. Sau mỗi công đoạn đều phải mài tượng bằng đá và nước. Sơn lên rồi lại mài đi, rồi lại

sơn lên..., cứ thế bao giờ thấy bề mặt tượng phẳng nhẵn và mọng lên thì dùng một lớp sơn (gọi là sơn cầm thếp) phủ lên. Để sơn cầm thếp se (sờ tay thấy còn hơi dính) thì dán bạc hoặc dán vàng (bạc, vàng quỳ) tùy theo yêu cầu của khách. Chính vì vậy, mỗi pho tượng do nghệ nhân Sơn Đồng làm lại mang một dáng vẻ khác nhau. Tượng Di Đà bản mệnh khác với tượng Di Đà Quan Âm nghìn tay nghìn mắt đau đáu nỗi trần ai; còn tượng Di Lặc tài lộc trùng phùng với dáng ngồi no đủ nét cười rạng rỡ khác với tượng Di Lặc gọi gió điêu phàm. Các tượng về thánh, mẫu cũng nhiều vẻ siêu linh không kể hết. Những câu đối, hoành phi những ông Ngựa, ông Hạc lớn bé, tất cả ánh lên rực rỡ màu vàng, tía hồng trong nắng sớm. Mỗi sản phẩm ở đây vừa mang nét hài hòa, vừa khắc hoạ sinh động những đặc tính riêng, đòi hỏi cả tâm trí tài lực con người ở đây.

Về Sơn Đồng, được chứng kiến sự thành kính đối với mỗi ông tượng, ngài tượng, chúng tôi cảm nhận được lòng yêu nghề và tâm huyết của những người thợ nơi đây. Phải chăng, vì thế mà nghề cũng chẳng phụ người, đã mang lại cuộc sống ấm no cho bao thế hệ người dân Sơn Đồng.

Nỗi niềm nghệ nhân làng mộc

Làm quen với nghề mộc từ thuở lọt lòng, đến nay, ông Nguyễn Tư Viện, một trong không nhiều nghệ nhân của làng mộc Chàng Sơn (huyện Thạch Thất) đã vinh dự được phong tăng Nghệ nhân giỏi của Hội Nghệ nhân thợ giỏi Hà Nội.

Gần 50 năm gắn bó với nghề mộc xóm Chàng, ông cũng là người hiểu hơn ai hết những thăng trầm của nghề và không khỏi trăn trở cho những bước đi tương lai của làng nghề truyền thống này.

"Tôi lớn lên trong tiếng ru của...chàng và đục.."

Ông Nguyễn Tư Viện sinh năm 1947, khi đó nghề mộc quê ông (xã Chàng Sơn) đã có hàng trăm năm hình thành và phát triển. Trước khi biết đến cây bút, quyển vở, cậu bé Viện đã được làm quen với cái chàng, cái đục, đã quen với mùi thơm nồng của những khúc gỗ Trắc, gỗ Mun như là hương vị đặc trưng của quê hương. Tuy gia đình ông có truyền thống làm nghề mộc nhưng cha mẹ ông vẫn muốn hướng cho con đi theo con đường học vấn. "Cần phải có tri thức, ra ngoài làm mới giàu được con ạ!" - cha mẹ ông đã không ít lần nói với ông như thế. Tuy nhiên, dường như cái "máu" thợ mộc -như chính lời ông thú nhận - đã ngấm vào

ông từ lúc nào không hay. Sau khi học xong bậc phổ thông, ông quyết định gắn bó với nghề mộc. Quyết định ấy đã khiến cho không ít người phản đối. Sau nhiều lần thuyết phục, ông cũng được sự ưng thuận của gia đình. "Thôi thì nó đã muốn thế, cứ cho nó chọn. Dẫu sao đó cũng là đam mê của nó" - người cha nghiêm khắc là người đầu tiên trong gia đình lên tiếng ủng hộ ông.

Quyết tâm theo đuổi đam mê là thế nhưng không phải không có lúc ông Viện cảm thấy chùn bước. Suốt ngày vùi mặt vào những khúc gỗ, số tiền nhỏ nhoi kiếm được từ một vài đơn đặt hàng làm cái giường hay bộ bàn ghế không đủ để trang trải sinh hoạt hằng ngày chứ đừng nói đến xây nhà xây cửa. "Đã có lúc tôi nghĩ đến việc bỏ nghề. Nhưng bỏ được một thời gian rồi lại ngứa ngáy chân tay không chịu được, lại phải làm lại" - ông Viện vừa nói, vừa giơ đôi bàn tay "dùi đục" sần sùi đầy những sẹo ra để minh chứng. Chỉ trong khoảng chục năm trở lại đây, mốt "chơi" đồ gỗ của những bậc "đại gia" từ các thành phố lớn nổi lên, người ta đua nhau tìm về Chàng Sơn đặt hàng thì gia đình ông mới có của ăn của để. Đến giờ, khi đã trở thành một nghệ nhân nổi tiếng, cuộc sống gia đình cũng đã ổn định, ông Viện cũng không hiểu nổi tại sao mình có thể yêu nghề đến thế. Ông cười hiền: "Có lẽ tại vì từ bé tôi đã lớn lên trong những tiếng chàng, tiếng đục. Những âm thanh ấy đã ru hồn tôi như tiếng ru của mẹ từ thuở lọt lòng".

"Không thiếu người tài, chỉ thiếu tiền đầu tư..."

Câu nói của ông Viện cũng là nỗi trăn trở của tất cả những nghệ nhân làng mộc Chàng Sơn. Ở làng nghề này,

số hộ có tiền mở nhà xưởng chỉ đếm được trên đầu ngón tay, nhưng phần lớn họ là dân kinh doanh chứ không phải người có tay nghề. Họ bỏ tiền ra thuê thợ và ăn tiền bán sản phẩm. Còn chính những người thợ lại chỉ là những...anh làm thuê! Bản thân gia đình ông Viện, dù được tiếng là có nhà xưởng, lúc nào cũng có trên dưới chục thợ làm nhưng thực chất xưởng của ông chỉ là một cơ sở mang tên một người chủ Đài Loan. Cách đây vài năm, họ sang đây bỏ vốn đầu tư, mở nhà xưởng, mở lớp đào tạo thợ lành nghề và ông Viện, với trình độ tay nghề nổi tiếng của mình được mời về làm, vừa là thầy, vừa là thợ. Từ lúc xưởng được mở ra, ông có điều kiện "kéo" thêm nhiều anh em, con cháu, hàng xóm vào làm. Xưởng tại nhà ông luôn nhận được những đơn đặt hàng trị giá đến hàng trăm triệu đồng. Tuy nhiên, tất cả những sản phẩm đó, ngay sau khi rời xưởng lập tức mang nhãn hiệu "Made in Dai Loan" chứ không phải là sản phẩm của Chàng Sơn. Do không có vốn để tự mở xưởng sản xuất cho mình nên ông Viện và nhiều nghệ nhận mộc Chàng Sơn vẫn đang phải miễn cưỡng chấp nhận nhìn những "đứa con" của mình mang tên khai sinh của người khác. "Sản phẩm của chúng tôi vẫn liên tục ra lò và xuất xưởng, nhưng thực chất, chưa một lần chúng tôi biết được mặt mũi người khách thật sự mua chúng là ai" - ông Viện trăn trở.

Hồng Quý

Gặp người giữ hồn chèo Tàu

- Cụ vẫn mê hát lắm. Năm nay cụ đã 93 tuổi, tiếng hát không còn "tròn vành rõ chữ" như khi mái tóc còn xanh nhưng vẫn có sức cuốn hút rất lạ. Những người mê hát chèo Tàu ở quê cụ vẫn gọi cụ là "người giữ hồn của quê hương" bởi cụ là một kho tư liệu sống về chèo Tàu. Đó là cụ Tiến Thị Lục, người làng Tân Hội huyện Đan Phượng (Hà Nội), người vừa được Hội văn nghệ dân gian Việt Nam tặng danh hiệu Nghệ nhân dân gian bởi những đóng góp to lớn trong việc khôi phục, bảo lưu, gìn giữ vốn văn hoá cổ.

Tháng 5/2003, lần đầu tiên hội văn nghệ dân gian Việt nam tổ chức phong tặng danh hiệu nghệ nhân dân gian cho 15 nghệ nhân. Đây là hình thức tôn vinh tài năng sáng tạo, công lao giữ gìn, thực hành, truyền dạy những giá trị, kỹ năng, bí quyết về văn hoá văn nghệ dân gian của các tộc người Việt Nam.

Được ra Hà Nội nhận danh hiệu Nghệ nhân dân gian lần này, cụ Lục vui lắm. Kèm với danh hiệu ấy là một phần thưởng tuy ít ỏi nhưng cứ nhắc tới là cụ lại rưng rưng xúc động. Cụ vui nên mặc dù việc đi lại của cụ giờ đây rất khó khăn nhưng cụ vẫn một tay chống gậy, một tay vịn vào tường đi đến nhà những "bạn hát" vốn là những học trò để

được chia sẻ niềm vui. Cụ còn đem khoản tiền nhỏ bé ấy "phát lộc" cho các con cháu.

Tuổi của cụ đã cao, lại nặng tai nên việc giao tiếp phải có người "phiên dịch" nhưng cụ vẫn còn khá minh mẫn. Trong câu chuyện chậm chạp mà cụ kể, vẫn toát lên một tình yêu, niềm say mê và sự tâm huyết với lối hát chèo Tàu vốn là truyền thống riêng và đặc trưng của quê hương Tân Hội của cụ. Khi con cháu đề nghị cụ hát một bài, cụ hồ hởi hát cả... 3 bài mà vẫn còn muốn hát thêm nữa. Con dâu của cụ là bà Nguyễn Thị Cúc, năm nay cũng đã ngoài 70 tuổi, cho biết: "Cụ vẫn mê hát lắm. Hễ có bạn hát hoặc bạn nghe là cụ thích lắm, có khi hát liền một lúc 5 bài".

Hát chèo Tàu là lối hát dân gian gắn bó chặt chẽ với hội hát chèo Tàu của tổng Gối xưa, nay là 4 thôn của xã Tân Hội. Hội hát chèo Tàu là hội diễn xướng phong tục gắn với nghi lễ hội hè mùa xuân. Những làn điệu của hội chèo Tàu mang đậm màu sắc riêng biệt của dân ca vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Gọi là hát chèo Tàu bởi vì các "ca nhi phường" đứng trên thuyền rồng, tay cầm mái chèo được trang trí cách điệu múa hát theo điệu chèo thuyền. Trong hội còn có quản tượng là nữ tuổi từ 13 đến 16 hoá trang mặt hoa da phấn, mình mặc bào chiến, đội mũ đầu mâu của thần võ. Quản tượng ngồi trên lưng voi bằng tre hoặc gỗ bồi giấy có bệ gỗ và 4 bánh xe đẩy đi lại nhịp nhàng với những điệu hát. Thuyền và voi được coi là kỳ quan của đám hội, đồng thời biểu trưng cho sức mạnh của tượng binh và thuyền chiến trong chiến tranh của người Việt ta xưa. Trước đây hội hát

chèo Tàu 25 năm mới được tổ chức một lần trong sự trông đợi của bao nhiêu người dân xứ Đoài.

Cụ Lục trở thành "ca nhi" của hội chèo Tàu đã được 82 năm, khi mới chỉ là một bé gái 11 tuổi xinh đẹp, hát hay được làng tuyển chọn vào phường để luyện tập. Vốn sáng dạ nên cụ học thuộc các làn điệu một cách nhanh chóng. Cụ nói run run với vẻ đầy luyến tiếc: "Mẹ tôi từng là chúa Tàu, chị tôi từng là cái Tàu. Tôi được tham gia hội hát chèo Tàu có một lần vào năm Nhâm Tuất (tức năm 1922). Gần 80 năm, chả được hội lần nào cho tới năm ngoái đây". Cụ nói "năm ngoái" chính là năm 1998 lần đầu tiên hội hát chèo Tàu được khôi phục sau 76 năm vắng bóng.

Việc khôi phục hội hát chèo Tàu tổng Gối bắt đầu từ những năm 1960 do Viện nghiên cứu âm nhạc (Bộ Văn hoá) tổ chức, hình thức sưu tầm chủ yếu là điền giã. Cụ Tiến Thị Lục cùng một số ít các "ca nhi" tham gia hội hát chèo Tàu lần cuối cùng năm 1922 lần lượt hát lại các bài hát tiêu biểu để các nhạc sĩ ghi âm, ghi chép lại. Quá trình diễn xướng của hội chèo Tàu cũng được các cụ hồi tưởng và thuật lại cho các nhà nghiên cứu, là cơ sở cho việc khôi phục hội hát chèo Tàu sau này, tránh nguy cơ bị thất truyền.

Thế hệ những người trực tiếp tham gia hội hát chèo Tàu xưa đến nay duy nhất chỉ còn lại cụ Lục. Từ năm 1970, cụ Lục đã được mời làm "giảng viên" cho các lớp tập huấn khôi phục chèo Tàu theo đúng lời cổ, nhạc cổ. Cụ đã mang "vốn liếng" cổ truyền của mình ra truyền dạy được cho 5 thế hệ ca nhi phường. Đó là cơ sở để hội hát chèo Tàu mở lại lần đầu tiên năm 1998 thành công. Nghệ nhân Tiến Thị

Lục còn tham gia nhiều chương trình diễn xướng chèo Tàu nhằm giới thiệu một nét văn hoá đặc sắc của Hà Nội tới bạn bè quốc tế.

"Người giữ hồn chèo Tàu" tuy tuổi cao nhưng vẫn đầy lửa nhiệt tình. Những người mê hát chèo Tàu ở quê cụ vẫn gọi cụ như vậy bởi cụ là một kho tư liệu sống về chèo Tàu. Nói như GS.TS.Tô Ngọc Thanh, những người như cụ Lục chính là "báu vật nhân văn sống, giữ gìn tài sản tinh thần vô cùng quý giá của đất nước ta".

Việt Hà

Khảm trai Chuon Ngọ sống mãi với thời gian

Với lịch sử 1.000 năm, trải qua bao sóng gió, thăng trầm, nghề khảm trai Chuôn Ngọ được người dân xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội, đời này qua đời khác, tiếp tục lưu truyền và phát triển, tạo nên sức sống bền bỉ cho cho một làng nghề cổ.

Theo truyền thuyết và thần phả đình làng Chuôn Ngọ thì nghề khảm trai có ở Chuyên Mỹ từ rất sớm, khoảng thế kỷ XI-XIII, do ông tổ nghề là Trương Công Thành, một tướng tài đời Lý gây dựng nên.

Một trong những nghệ nhân được xem như người "giữ lửa" cho làng nghề - ông Trần Bá Dinh, năm nay 71 tuổi cho biết, cách đây khoảng hơn 100 năm, nghề khảm trai bắt đầu hưng thịnh, người dân Chuôn Ngọ thường gọi sản phẩm là "hàng lái" bán cho các lái buôn người Huế, Quảng Ngãi mang lên kinh thành xưa.

Giai đoạn chiến tranh, có lúc nghề tưởng như mai một, đến năm 1954, giải phóng miền bắc, xã khôi phục lại nghề khảm trai, sản xuất các sản phẩm khảm trai, sơn mài lên các sản phẩm gỗ dán xuất khẩu cho các nước Liên Xô, Ba Lan...

Đặc biệt 30 năm trở lại đây, do nhu cầu của thị trường, nghề khảm trai ở Chuôn Mỹ phát triển mạnh, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo, hiếm nơi nào có được.

Sản phẩm khảm trai của Chuôn Mỹ hơn hẳn các sản phẩm khảm trai các nơi khác, kể cả Đồng Kỵ nhờ đường nét tinh xảo, có hồn. Chính vì thế, giá trị của một sản phẩm không hề rẻ. Đối với những hàng đặt như tủ chè, sập gụ khảm ốc giá tới 15-100 triệu đồng tùy theo chất liệu khảm, tủ chè gỗ trắc khảm ốc đỏ từ 80-200 triệu đồng.

Nguyên liệu dùng cho nghề khảm trai ở Chuôn Ngọ gồm đủ loại cả trong nước và nhập của nước ngoài, hiện tại nguyên liệu vỏ ốc nhập ngoại từ các nước như Hongkong, Singapore, Indonesia... đang được khách hàng ưa chuộng.

Để làm ra một sản phẩm khảm trai phải mất khá nhiều thời gian và công sức, bắt buộc phải qua 5-6 công đoạn, vẽ mẫu, cắt theo họa tiết mẫu, dán miếng cắt đó vào gỗ và đục theo các họa tiết, sau đó dán miếng trai, dùng đá mài mài phẳng và dùng dao bằng thép tách tỉa ra các họa tiết nhỏ, dùng giấy ráp đánh cho nổi họa tiết lên. Cuối cùng toàn bộ sản phẩm được đánh vécni cho bóng lên để họa tiết nổi lên sống động như một bức tranh.

Sản phẩm khảm trai ở Chuôn Ngọ có đủ loại từ tủ, sập, bàn ghế, đến câu đối, hoành phi trong nhà thờ, đình đền; những bức tranh treo tường phỏng theo các tích trong truyện Tam Quốc và các truyện cổ và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ khách du lịch.

Nửa đời người gắn bó với nghề, nghệ nhân Trần Bá Dinh cảm thấy vinh dự nhất là được làm ảnh chân dung Bác Hồ vào dịp ra mắt hợp tác xã thủ công Mỹ Thịnh để biếu Văn phòng Chủ tịch nước và Văn phòng Tỉnh ủy Hà Tây cũ. Bức chân dung đó đã được Bác Hồ ưng ý.

Đến năm 1968, Bác Hồ chuẩn bị sang thăm Cuba và đặt ông làm bức ảnh Chủ tịch Fidel Castro. Đang làm thì ông bị ốm, biết tin này, Bác cử ngay người mang tới 1kg đường và 10 gói chè để động viên ông.

Vô cùng cảm động, ông thấy người khỏe hẳn lên, như khỏi hết bệnh tật và đã hoàn thành bức ảnh chân dung Chủ tịch Fidel Castro, kịp thời gian Bác đi thăm Cuba. Kỷ niệm đó cho đến ngày hôm nay ông không thể nào quên được.

Mong muốn lưu giữ nghề cổ truyền cho con cháu, từ rất sớm, nghệ nhân Trần Bá Dinh đã tham gia tổ chức các lớp dạy nghề cho thanh thiếu niên trong xã, các cháu khuyết tật và truyền nghề cho con cháu trong nhà. Hiện xã Chuyên Mỹ có hàng ngàn thợ khảm trai. Nhiều học trò của ông đã trở thành thợ giỏi, mang nghề đi khắp nơi trên đất nước.

Ông từng đoạt nhiều giải thưởng tại các hội chợ, triển lãm, 2 lần được tặng danh hiệu "Bàn tay Vàng", với tác phẩm Bộ tứ bình, và Quan Thế Âm Bồ Tát. Ngoài ra, ông còn được công nhận danh hiệu Nghệ nhân dân gian Việt Nam 2005, Huy chương vì sự nghiệp Văn nghệ dân gian...

Hiện nay, để sản phẩm đồ gỗ khảm trai của Chuyên Mỹ vươn ra thị trường thế giới, những người thợ khảm ở

Chuyên Mỹ đang rất cần các cơ quan chuyên môn giúp đỡ biện pháp kỹ thuật chống co ngót đối với sản phẩm gỗ để có thể thích nghi với các nước khí hậu lạnh.

Một bộ ghế gỗ khảm trai bán ở trong nước được khoảng 17 triệu đồng thì sang Mỹ sẽ là 45 triệu đồng. Nếu khắc phục được yếu điểm co ngót của gỗ tự nhiên, sản phẩm gỗ Chuyên Mỹ xuất khẩu được sang các nước trên thế giới, thì chắc chắn thu nhập của người thợ khảm trai Chuyên Mỹ sẽ cao gấp nhiều lần mức thu nhập 1,5-3 triệu đồng/tháng như hiện nay.

Theo Việt Báo

Làm giấy sắc: Nghề độc nhất vô nhị đất Hà Thành

Cách đây khoảng 300 năm, dòng họ Lại ở Nghĩa Đô, ngoại thành Hà Nội được chúa Trịnh Tráng giao cho đặc ân làm giấy sắc.

Cái nghề cao quý một thời nổi tiếng chốn kinh kỳ này, có lúc tưởng chừng không còn tồn tại do những biến đổi của lịch sử. Nhưng vì tâm huyết với nghề, dòng họ Lại vẫn quyết giữ gìn và phát triển nghề đến tận hôm nay.

Ông Lại Phú Thạch, người duy nhất còn biết được bí kíp làm nghề hiện nay, khẳng định: "Kể từ khi cha tôi là cụ Lại Phú Bàn mất (năm 2003), mọi người đã tưởng nghề làm giấy sắc cũng biến mất theo. Nhưng gia tộc họ Lại chúng tôi làm sao có thể để mất đi một nghề cao quý như vậy được. Tôi là người con trai duy nhất của cụ Lại Phú Bàn được cha truyền lại cho nghề này!".

Ông Thạch cho biết, nhiều người lầm tưởng nghề làm giấy sắc đã bị thất truyền do một thời gian dài không thấy xuất hiện. Nhưng vì không có khách hàng đặt mua (kể từ khi vua Bảo Đại thoái vị năm 1945), nên ở thị trường nội

địa không có. Thực tế, gia tộc họ Lại vẫn làm giấy theo đơn đặt hàng ở nước ngoài, mà chủ yếu là khách hàng đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Ông Thạch cho xem những tờ giấy sắc làm theo đơn đặt của khách hàng người Nhật Bản và nói: "Nếu đến chậm chục ngày nữa thì trong nhà không còn tờ giấy nào để giới thiệu, vì lúc đó đến hạn phải giao hàng. Chỉ một tờ giấy với kích cỡ 150x80cm này thôi mà có giá bán tới 2 triệu đồng cơ đấy!".

Sở dĩ giấy sắc có giá thành cao như vậy vì đây là loại giấy độ bền cao, có thể tới hai ba trăm năm nếu được bảo quản tốt. Tờ giấy đanh mà lại mềm mại như lụa, dai, không hút ẩm, không giòn, không bị mùn...

Loại giấy này lại rất quý vì trên mỗi nét vẽ hoa văn đều có vàng mười tô điểm lóng lánh và còn quý hơn nữa còn vì đây là lộc vua, lộc nước nhuần thấm trong mỗi đạo sắc, là sự kết tinh bền vững, trường tồn của bàn tay lao động người thợ thủ công trong mỗi sợi tơ tạo nên tờ giấy.

Vật liệu để làm cũng là cây dó, nhưng phải là dó Thao (dó trồng ở vùng đất Lâm Thao-Phú Thọ). Các công đoạn kỹ thuật làm cơ bản giống như làm các loại giấy dó khác, song kỹ hơn và có thêm một số các công đoạn kỹ thuật mà các loại giấy khác không có.

Vỏ cây dó mang về được ngâm nước lã 3 ngày, ngâm nước vôi 3 ngày rồi đổ lên vạc đun 2 ngày đêm. Sau đó cho vào bể, ngâm cho nát rồi giã nhừ, bóc lấy phần ruột quẩy ra cối giã dó.

Sau đó đến công đoạn seo giấy bằng khuôn seo, trên đặt liềm seo (là loại mành rất nhỏ để lọc nước đi, giấy ở lại). Thợ seo vụ nước vào khuôn, đung đưa cho nước róc hết, lột tờ giấy ướt trên seo đặt chồng lên nhau thành xếp. Sau đó uốn đi ép cho kiệt nước, rồi bóc ra từng tờ.

Để tờ giấy thật mịn, thật dai, mỗi tờ phải nghè cho thật kỹ. Đặt tờ giấy lên hòn đá tảng, dùng chày gỗ để nghè. Hai người đàn ông khỏe mạnh, mỗi người một chầy cùng nghè lên giấy. Khi tiếng chày đanh tiếng là được.

Sau đó giấy được quét nước hoa hòe cho có màu vàng tươi. Và khâu cuối cùng là vẽ hình long, ly quy phượng lên tờ giấy sắc. Tùy theo phẩm trật mà triều đình ban tặng, tờ giấy sắc được vẽ theo một quy củ nhất định.

Sắc phong cho bách quan có ba hạng là Nhất cao sắc, Nhị cao sắc, Tam cao sắc (có tài liệu gọi là Nhất đẳng quan, Nhị đẳng quan và Tam đẳng quan). Sắc phong cho bách thần có ba hạng là Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Hạ đẳng thần.

Xưa kia, loại giấy này được vua dùng để ra sắc phong cho các vị quan lại trong triều và cao hơn là cho các vị thần, thành hoàng làng. Những sắc phong này được rước về đình, đặt lên hương án để thay thần tạ ơn vua.

Sắc phong hạng nhất cho bách quan xung quanh vẽ 8 con rồng nhỏ, mặt trước vẽ 1 con rồng lớn, mặt sau vẽ tứ linh (long, ly, quy, phượng). Sắc phong hạng nhì cho bách quan xung quanh vẽ mây hoặc họa tiết hồi văn, mặt trước đôi rồng, mặt sau vẽ nhị linh (long, ly)...

Ngày trước, đều đặn mỗi năm, họ Lại cung cấp cho triều đình khoảng 2.000 tờ giấy sắc.

Năm 2003, Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Việt-Nhật (VJCC) phối hợp với Viện nghiên cứu Hán Nôm, Khoa sử học Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quốc tế KIBI do Sứ quán Nhật bản tài trợ đã tổ chức hội thảo, triển lãm giấy sắc, gọi giấy sắc là tinh hoa của kỹ thuật làm giấy Việt Nam và mong khôi phục lại nghệ thuật làm giấy cổ truyền quý hiếm này.

Ông Thạch chỉ trăn trở: "Vào thời đại mới, để lưu giữ các loại bằng cấp, chứng chỉ, huân chương của Nhà nước mà làm bằng giấy sắc thì tốt biết bao, vì sẽ lưu giữ được nhiều đời. Nếu có thể tiến hành khôi phục lại một xưởng làm giấy sắc trong dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Theo Kinh tế đô thị

Làng nghề tò he Xuân La -Một nét văn hóa dân gian

Không nhộn nhịp và rộn ràng như nhiều làng nghề truyền thống khác, làng Xuân La (Xã Phượng Dực - Phú Xuyên - Hà Nội) dường như trầm lắng hơn. Thế nhưng những sản phẩm thủ công của làng nghề này đã nổi tiếng từ lâu và vẫn hàng ngày theo chân các nghệ nhân tới khắp các tỉnh thành trong cả nước, góp phần giữ gìn và phát huy văn hóa cổ truyền của dân tộc.

Người hơn 70 năm nặn tò he...

Sinh ra và lớn lên ở làng nghề Xuân La, cụ Đặng Văn Tố (81tuổi) đã có gần trọn cuộc đời gắn bó với nghề này. 5-6 tuổi đã lăng xăng theo người lớn nặn những trái na, trái bưởi, quả chuối, những con vật gần gũi như chó mèo, lợn, gà,... giờ đây, nhắm mắt cụ Tố cũng có thể nặn được nhiều hình phức tạp khác nhau. Theo lời cụ, tò he cũng đã có lúc tưởng bị mất đi. Chiến tranh, loạn lạc, dân tình đói khổ,... chẳng còn ai nghĩ đến việc mua tò he về ngắm chơi cả. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, cuộc sống ổn định hơn, người dân làng ông lại mau chóng khôi phục nghề này. Và

tò he khi ấy chủ yếu xuất hiện vào dịp Trung thu. Trong mâm ngũ quả "trông giăng" của bọn trẻ bao giờ ngoài các loại hoa quả cũng có tò he. Chúng khoe với nhau í ới, ngắm thoả thích rồi cùng nhau ăn ngon lành. Tò he khi ấy vừa là một thứ đồ chơi vừa là món ăn mà trẻ con rất thích.

Cụ Đặng Văn Tố đã rong ruổi hơn 70 năm trời, đi không biết bao nhiêu vùng miền, mang hình ảnh những "chú tò he" của văn hoá dân gian đến với mọi người. Bàn tay gầy, gân guốc của cụ dường như vẫn còn đủ khéo léo và dẻo dai để nặn ra vô vàn những con vật, hình thù khác nhau. Đến năm 78 tuổi, con cháu tha thiết quá, cụ Tố mới "đành" thôi đi nặn. Và ở tuổi 81, cụ vẫn rất minh mẫn và linh hoạt khi nói về nghề tò he. Ai mời cụ nặn, cụ vẫn làm nhiệt tình và bất kì khi nào có giấy mời tham dự các triển lãm, hội chợ cụ lại "khăn gói" đi ngay.

Năm 2004, cụ vinh dự là đại diện duy nhất của nghề làm tò he, cùng 3 nghệ nhân (vẽ tranh, thêu, đan nón Huế) sang Nhật dự triển lãm. Và niềm hạnh phúc nhất của cụ Tố "không phải là giới thiệu cho mọi người biết tài nghệ của mình mà là mang được Văn hoá dân gian của đất nước mình giới thiệu cho bạn bè thế giới biết". Và cũng trong năm này, cụ được nhận những danh hiệu:"Nghệ nhân dân gian", "Ngôi sao quê lụa" do Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam và UBND tỉnh Hà Tây phong tặng. Đó thực sự là những phần thưởng quý giá dành cho người có nhiều cống hiến trong việc giữ gìn và phát huy làng nghề truyền thống-nghề làm tò he.

Giữ gìn nét văn hóa dân gian

Cả làng hầu như ai cũng biết nặn tò he. Nhưng không phải tất cả đều theo nghề này. Trung bình có khoảng 100 người đi nặn tò he "lưu động". Họ phân tán đi các tỉnh, đặc biệt dừng lại ở các điểm vui chơi, trường học, công viên, những nơi có nhiều khách du lịch qua lại. Không giống như nhiều mặt hàng khác là được làm sẵn từ nhà mang đi. Người làm tò he chỉ phải chuẩn bị vật liệu, "đồ nghề", sau đó đến nơi sẽ định bán hàng, luộc bột và trộn màu. Có như thế mới đảm bảo được độ dẻo và sự tươi mới của bột. Tạo màu sắc cho tò he cũng không mất nhiều thời gian như trước. Nếu như trước đây, các màu được lấy từ thiên nhiên (màu đỏ lấy từ gấc, màu vàng từ nghệ, màu xanh từ lá cây,...) và cách chắt lọc rất cầu kì, thì ngày nay tất cả được thay thế bằng phẩm màu. Chỉ cần một động tác và sự khéo tay của nghệ nhân là đã có ngay những màu thật đẹp. Một sản phẩm sẽ được làm ngay sau vài phút trước yêu cầu và sự chứng kiến của người mua. Với khách nước ngoài hay với những người Việt ít biết đến tò he, việc đứng quan sát các nghệ nhân trổ tài quả thật là một điều thú vị.

Người làm tò he bây giờ cũng năng động rất nhiều trước thị hiếu của khách hàng. Nếu như ngày trước các đối tượng để nặn tò he chủ yếu là các loại cây quả, con giống, hình người là Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới,.. thì bây giờ tò he phong phú hơn rất nhiều. Với riêng đối tượng thiếu nhi, họ rất để ý đến những phim hoạt hình mới mà các em được xem. Nếu "chẳng may" các em yêu cầu được mua

những hình mình thích thì chỉ cần nhìn qua là các nghệ nhân có thể nặn giống được. Và để nắm vững được thời gian cụ thể của những ngày hội, ngày lễ họ có trong tay cả quyển sách ghi lại các ngày lễ tết của tất thảy mọi vùng miền trong cả nước. Họ cũng quan tâm cả đến thời tiết, nhiệt độ... vì đó cũng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng cũng như số lượng tò he bán được.

Theo nghề nhiều năm, nhưng với người dân nơi đây thì hình như tò he vẫn chưa được coi là nghề chính. Nghệ nhân Đặng Văn Tẫn - người có thâm niên trên 20 năm trong nghề cho biết: "Mỗi năm chúng tôi sống chủ yếu nhờ vào 3 tháng hội đầu năm, còn những ngày bình thường thì lang thang ở các công viên, khu du lịch hay các hội chợ". Nếu đến các hội chợ lớn hay may mắn gặp được khách Tây thì thu nhập có thể lên tới cả trăm nghìn nhưng cũng có ngày chỉ đủ tiền đi đường. Vợ chồng anh Kiệt ngoài việc nặn tò he thì còn bán kèm cả đồ chơi. Nếu không bán kèm theo thì không đủ sống...". Thu nhập thấp lại phải phiêu bạt nay đây mai đó nên thế hệ trẻ Xuân La mặc dù yêu thích cũng chỉ coi đây là một nghề phụ để họ làm trong lúc nông nhàn.

Tìm hướng đi mới cho nghề làm tò he...

Đã có một thời gian, nghề làm tò he truyền thống này tưởng chừng như bị mai một do không cạnh tranh nổi với nhưng món đồ chơi nước ngoài. Đặc biệt là đồ chơi Trung Quốc vừa rẻ, bền đẹp lại đa dạng về mẫu mã, màu sắc. Tuy nhiên, nhờ những chính sách nhằm duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống của Đảng và Chính phủ, làng nghề

Xuân La đã và đang gìn giữ được một loại hình nghệ thuật đặc sắc của văn hoá dân gian.

Song, cũng như nhiều làng nghề truyền thống khác ở nước ta là đều vướng mắc ở "đầu ra" cho sản phẩm. Xuân La cũng đang vươn mình tìm đến những thị trường rộng lớn hơn. Người ta thích tò he không giống như sự yêu thích những thứ đồ chơi hiên đại, đắt tiền. Mà thích ở cái mộc mạc, đậm tính dân tộc của tò he, ở tính thủ công từ những đôi tay khéo léo. Sở dĩ tò he chưa được quảng bá rộng rãi ra nước ngoài là vì nhược điểm của chất liệu tạo ra chúng. Bột gạo rất rẻ và dẻo khi nặn nhưng lại không để được lâu, dễ bị mốc và khô, nứt. Mỗi sản phẩm tò he thông thường chỉ để được từ 3 đến 30 ngày (tuỳ thuộc vào tay nghề của thợ nặn, thời tiết và cách bảo quản). Gia đình nghệ nhân dân gian Đặng Văn Tố từng đón tiếp rất nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến tìm hiểu về nghề nặn tò he. Trong số những vị khách ấy, có không ít người đặt vấn đề đưa tò he ra nước ngoài. Thế nhưng sản phẩm làm ra, đem đóng hộp mang sang đến nước bạn thì bị khô nứt. Kế hoạch đưa tò he ra thị trường thế giới đành phải tạm dừng ...vô thời hạn.

Một mặt, người dân Xuân La vẫn cố gắng duy trì nghề truyền thống của mình. Mặt khác, họ không ngừng thử nghiệm, tìm kiếm những chất liệu mới. Gia đình bà Dền là gia đình đầu tiên và duy nhất ở Xuân La thử nặn tò he bằng bột đao. Tò he làm bằng bột đao có thể để được rất lâu (khoảng 1 năm) mà không sợ nứt, mốc. Nhưng nhược điểm là rất khó nặn và không đẹp bằng tò he làm từ chất liệu bột

gạo. Hơn nữa, khi nặn xong phải đem luộc lại - mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, thợ nặn phải làm trước ở nhà rồi mới đem bán. Chính điều này làm mất đi cái hay của tò he - người mua được chứng kiến tận mắt bàn tay khéo léo của thợ nặn...

Mong muốn lớn nhất của người dân Xuân La là có được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng trong việc định hướng phát triển cho làng nghề. Đặc biệt là sự giúp đỡ của các nhà khoa học trong việc nghiên cứu, tìm ra chất liệu mới để làm tò he không những đẹp mà còn bền hơn rất nhiều lần. Có như thế, làng nghề Xuân La mới phát triển hết nội lực của mình và tò he Việt Nam mới có thể bước chân vào "sân chơi" lớn hơn.

Theo *Báo ĐCSVN*

Làng nghề Vạn Điểm vượt khó

- Cùng với các làng nghề nổi tiếng của Hà Nội như đồ gỗ Vân Hà, tạc tượng Sơn Đồng, khảm trai Chuyên Mỹ... thì nghề mộc ở xã Vạn Điểm (huyện Thường Tín) cũng trở thành một thương hiệu được nhiều người biết đến. Tuy mới phát triển trở lại ngót hai chục năm nay nhưng nghề mộc ở Vạn Điểm đã nhanh chóng khẳng định được tên tuổi trên thị trường và đem lại cho người dân nơi đây một cuộc sống sung túc.

Người khởi đầu tâm huyết

Nhắc đến nghề mộc ở Vạn Điểm không thể không nhắc đến một trong những người gắn bó tâm huyết, đó là ông Nguyễn Văn Thọ (SN 1944), chủ Doanh nghiệp tư nhân Đức Tín bây giờ. Xuất phát từ nghề buôn bán đồ cổ và sửa chữa đồ cũ (chủ yếu là giường, tủ và đồ thờ cúng bằng gỗ), ông đã đưa nghề mộc về làng Vạn Điểm, tạo dựng lên một làng nghề. Năm 1992, ông đứng ra thành lập doanh nghiệp chuyên sản xuất đồ gỗ cao cấp xuất khẩu. Lúc đầu, với số vốn ít ỏi là 65 triệu đồng, doanh nghiệp của ông chỉ có một nhóm thợ, chủ yếu là người thân, họ hàng và bà con hàng xóm. Nhưng chỉ vài năm sau, do biết tìm tòi, sáng tạo nhiều

mẫu mã, đầu tư máy móc thiết bị phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng nên quy mô doanh nghiệp của ông ngày càng mạnh hơn. Hàng hoá được bán khắp các tỉnh, thành trong cả nước. Từ năm 1995 đến nay, Doanh nghiệp Đức Tín đã tham gia xuất khẩu đồ gỗ đi các nước như: Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Campuchia, Tiệp Khắc, Hungari, Hàn Quốc... Hiện số vốn tự có của Doanh nghiệp đã tăng lên trên 20 tỷ đồng, lao động thường xuyên trong doanh nghiệp có gần 100 người, chưa kể lượng lao động vệ tinh và thời vụ lên tới vài trăm người. Doanh nghiệp có trên 6.000m^2 nhà xưởng và bãi vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Hiện Doanh nghiệp này cũng đang xúc tiến hoạt động xuất khẩu tới các thị trường mới như Mỹ, Nhật và Newzealand...

Không chỉ là người khởi đầu, ông Thọ còn dành nhiều tâm huyết cho việc tạo dựng và phát triển làng nghề. Là chủ doanh nghiệp nhưng ông luôn hết mình tham gia các công tác xã hội. Hiện ông là Chủ tịch hiệp hội làng nghề Vạn Điểm; Phó chủ tịch hiệp hội sản xuất kinh doanh thủ công mỹ nghệ của tỉnh Hà Tây (cũ) và là Phó chủ tịch Hiệp hội làng nghề Việt Nam.

Gắng sức vượt qua khó khăn.

Từ điểm khởi đầu là một vài xưởng sản xuất của những người thân trong gia đình ông Thọ, đến nay nghề mộc ở Vạn Điểm đã lan ra khắp xã và các vùng lân cận. Toàn xã có tới 90% số hộ gia đình có người tham gia vào làng nghề, trong đó có 350 hộ gia đình là chủ cơ sở sản xuất. Số công

nhân tham gia vào làng nghề là 1.500 người, chưa kể hàng nghìn lao động vệ tinh và thời vụ ở các địa phương lân cận. Ông Nguyễn Văn Thọ, Chủ tịch Hiệp hội làng nghề Vạn Điểm cho biết: Hiệp hội làng nghề có 350 thành viên tham gia (đại diện cho 350 cơ sở sản xuất), hoạt động theo phương châm đoàn kết, nhất trí và giúp đỡ lẫn nhau. Hiệp hội có trách nhiệm triển khai những chủ trương, chính sách của Nhà nước và cơ chế của địa phương để phục vụ sản xuất. Không những thế, Hiệp hội còn chủ động tìm hiểu thông tin thị trường, tìm kiếm khách hàng cho làng nghề; nếu gặp đơn hàng lớn thì liên kết với nhau cùng sản xuất. Thành công lớn nhất là năm 2006 - 2007, Hiệp hội đã đưa được 150 hộ sản xuất ra điểm công nghiệp làng nghề, giải quyết mặt bằng sản xuất cho làng nghề và tạo điều kiện để hàng hoá tập trung, thu hút khách tham quan và khách hàng từ mọi miền đất nước. Ông Thọ cũng cho biết, Hiệp hội còn thường xuyên tìm hiểu và đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm cho làng nghề. Năm 2007, đồ gỗ Vạn Điểm được người miền Nam rất ưa chuộng, do đó hàng sản xuất ra bao nhiêu bán hết bấy nhiêu, đời sống người dân rất khấm khá. Năm 2008, doanh thu của làng nghề đạt 250 tỷ đồng.

Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay, sự suy thoái của nền kinh tế thế giới đã tác động không nhỏ tới làng nghề Vạn Điểm. Với tâm lý tích trữ nguyên liệu, năm 2008, nhiều chủ sản xuất ở Vạn Điểm đã mua gỗ để tích trữ (với giá 200 triệu đồng/m^3), nay giá giảm mạnh (30-40 triệu đồng/m^3) nên việc bán ra là rất khó khăn. Ông Thọ cho biết, có tới 50% cơ sở sản xuất của làng nghề rơi vào khủng hoảng;

40% khó khăn và 10% nợ khó trả. Hiện số vốn mà các cơ sở sản xuất vay của Nhà nước lên tới 142 tỷ đồng. Vì vậy, để giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp làng nghề nói chung và Vạn Điểm nói riêng, ông Thọ kiến nghị được hưởng vốn vay từ gói hỗ trợ 4% của Chính phủ càng sớm càng tốt. Cùng chung sức để giải quyết khó khăn, ông Thọ cũng kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu về đồ gỗ thì hãy đến các làng nghề đặt mua để hàng Việt Nam được gần gũi và tôn vinh người Việt Nam.

Theo Việt Báo

Lê Công Hành - Ông tổ nghề thêu

Ngay từ thế kỉ 1, người Việt đã dệt được vải cát bá mịn, dệt khăn sợi bông thêu chữ nhỏ và các thứ hoa rất khéo, đẹp mắt, gọi là bạch diệp. Thế kỉ 11 - 12 (thời Lý), nghề thêu Việt Nam đã đạt trình độ cao về kĩ thuật và nghệ thuật, số lượng sản phẩm khá lớn. Ở nửa cuối thế kỉ 17 (thời Lê) có Lê Công Hành (1606 - 61), người làng Quất Động, huyện Thường Tín, Hà Nội đã học được nghề và truyền dạy cho dân thêu theo kĩ thuật Trung Hoa, trở thành ông tổ nghề thêu.

Lê Công Hành nổi tiếng thông minh từ lúc còn nhỏ, đỗ tiến sĩ vào thời vua Lê Chân Tông. Năm 1646, Lê Công Hành được cử đi sứ Trung Quốc. Do phật ý vua quan Trung Quốc, họ nhốt ông trên một lầu cao, rút thang đi, không cho ai lai vãng, cũng không cho ông ăn uống. Trên lầu có pho tượng Phật, ông nhanh trí bẻ tượng ra ăn nên suốt mấy ngày không bị đói. Trên lầu cao ông tỉ mỉ lấy tấm nghi môn xuống tháo ra rồi đan lại. Ông cẩn thận xem và nhớ kỹ cách thêu thùa. Sau đó ông quan sát mấy chiếc lọng thờ, cũng tháo ra chắp vào, xem xét vải sơn vải lợp, cùng cách lắp cán, lắp chân. Nhờ vậy ông hiểu được cách làm lọng, kỹ thuật thêu của Trung Quốc.

Mãi không thấy họ cho ra khỏi lầu, ông có sáng kiến lấy hai chiếc lọng kẹp chặt hai bên hông, nhảy ra ngoài xuống đất an toàn. Triều đình Minh đành phải cho ông về nước. Lê Công Hành đã đem kinh nghiệm thu lượm được về thêu lọng dạy cho dân làng Quất Động và sau đó ở nhiều làng khác. Dân các làng thêu ở Hà Nội hành nghề, lập các phường phố, tôn ông làm tổ sư ngành thêu. Có đình chợ thêu tên chữ là Tú Đình Thị, nay còn ở phố Yên Thái, Hà Nội. Ngày 12-6 âm lịch được lấy làm ngày giỗ tổ nghề thêu ở Việt Nam. Ông tổ nghề thêu cũng truyền cả nghề làm lọng cho dân. Phố hàng lọng ở Hà Nội trước đây cũng có đền thờ ông, nhưng nay không còn nữa".

Tại lễ tế tổ nghề thêu, sau các nghi lễ thông thường có đọc bài văn cúng tổ sư. Lời văn cũng thể hiện tấm lòng tôn kính của thợ đối với ngài Tổ sư. "Tiên sinh tài cao xuất chúng, trí vượt tiên tri, là vầng trăng sáng Nam Triều, là ngôi sao lành đất Bắc. Lòng tựa gấm, miệng tựa thêu, đã lấy văn chương soi sáng đời thạnh trị, mũi kim, sợi chỉ, lại truyền tinh xảo đến phương Nam. Tài khéo sáng tỏ, ngắm sao Bắc Đẩu, Thái Sơn. Có công thì thờ tự, dù dâu biển cũng chẳng hề quên. Gặp lúc xuân tiết, kính dâng lễ mọn, nguyện soi xét lòng son, ban cho ơn phước lớn. Kính mong thượng hưởng".

Tục truyền, trong lần đi sứ sang Trung Quốc. Ngài Lê Công Hành còn xẻ thịt, giấu hạt bắp nếp và đậu xanh mang giống về nước để sản xuất. Nhớ công ơn ấy, trong lễ cúng Tổ, người thợ thêu Huế không bao giờ làm bánh cúng, hoặc chế biến thức ăn cúng giỗ bằng hạt đậu xanh hoặc hạt bắp nếp.

Theo Việt Báo

Nghệ nhân bàn tay vàng Nguyễn Ngọc Trọng: vui vì 'cha truyền con nối'

Mở đầu câu chuyện, ông Nguyễn Ngọc Trọng bồi hồi nhớ lại một thuở thịnh vượng của nghề chạm bạc mà ông được chứng kiến. Đó là những năm 50 của thế kỷ trước. Lúc ấy, ông Trọng là cậu bé 12 tuổi từ làng nghề gò đồng Đại Bái (Gia Bình, Bắc Ninh ngày nay) cùng hai người anh họ tìm đến đất kinh kỳ để hội tụ tại phường nghề gò đồng, khảm ghép tam khí, chạm bạc trên phố Hàng Đồng. Đó là thời kỳ, mà nhiều vật dụng trong đời sống hằng ngày của các gia đình giàu có và những gia đình nền nếp ở Hà Nội được làm bằng bạc.

Theo ông Trọng, nếu như với người châu Âu vào các dịp đặc biệt trong năm, người ta mới mang những bộ đồ bằng bạc ra dùng thì đối với nhiều gia đình châu Á, đồ dùng bằng bạc không chỉ nói lên nếp sống rất mực phong lưu và quy củ của họ mà còn được coi là công cụ hữu hiệu để kiểm tra "vệ sinh an toàn thực phẩm" (nói theo cách bây giờ). Nếu rượu có độc thì lập tức chiếc cốc bạc sẽ biến màu, nếu thức ăn có vị lạ thì đầu bạc của đũa sẽ đen sạm...

Chính vì vậy mà nghề chạm bạc mà ông theo đuổi, say mê từ thuở ấy cũng rất phát triển. Thế nên, vốn nghề của quê hương có truyền thống đến trên 1.000 năm tuổi đã thấm đẫm trong ông từ lúc lọt lòng, lại được rèn dũa trong phường nghề càng thêm phong phú và thăng hoa.

Rồi hoà bình lập lại, ông được làm việc ở HTX Tinh Hoa, nơi hội tụ rất nhiều người thợ tài năng của các làng nghề nổi tiếng như Đồng Xâm (Thái Bình), Châu Khê (Hưng Yên) và Đại Bái (Bắc Ninh) quê ông. Đây lại là môi trường để ông được trao đổi, học tập tinh hoa nghề của các làng nghề có tiếng, làm phong phú thêm kiến thức nghề nghiệp của mình. Vì có tay nghề khá, ông được tuyển dụng vào Cty xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Artexport để làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới.

Đây cũng là thời kỳ, ông Trọng được đi nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nhà văn hoá để mở rộng kiến thức về nền văn hoá đầy bản sắc của dân tộc. Vốn văn hoá ấy được đúc rút, thể hiện trên từng đường chạm, nét khảm trong các tác phẩm thủ công mỹ nghệ của ông. Điều mà ông luôn tâm niệm là dù làm mặt hàng thủ công nào thì cũng phải luôn giữ được bản sắc để qua đó thấy được nét đặc trưng văn hoá Việt.

Nhiều năm làm việc tại Liên hiệp xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ và giữ những trọng trách quan trọng, năm 1983 ông Nguyễn Ngọc Trọng về hưu. Lẽ thường, về hưu người ta được nghỉ ngơi nhưng với ông Trọng đây mới là lúc ông có nhiều thời gian làm nghề. Căn nhà nhỏ của ông ở 51 ngõ Tiến Bộ, Khâm Thiên trở thành một xưởng mỹ

nghệ ngổn ngang đồng, bạc, búa, đe... Rồi nhiều sản phẩm từ đây lần lượt ra đời. Tham gia nhiều kỳ hội chợ lớn trong nước, tác phẩm của ông Nguyễn Ngọc Trọng luôn được đánh giá cao với đường chạm trau chuốt, nét gò điêu luyện. Các sản phẩm của ông cũng được đánh giá là độc đáo trong kỳ hội thi bình tuyển nghệ nhân của Tp. Hà Nội. Vì vậy mà ngay trong lần xét duyệt nghệ nhân đầu tiên (năm 1986), ông đã được Liên minh các HTX Việt Nam và Tp. Hà Nội trao huy chương Nghệ nhân Bàn tay vàng. Các bộ sản phẩm chạm đồng trên tranh, khảm tam khí trên tượng đồng, đỉnh đồng, các bộ đồ chạm bạc... của Nghệ nhân Nguyễn Ngọc Trọng đã nhiều lần được trao huy chương vàng, bạc tại nhiều kỳ hội chợ nghề thủ công trong cả nước. Riêng bộ đồ uống cà phê bằng bạc do ông chạm trổ, đã có không dưới 3 lần được trao huy chương vàng vì nét độc đáo và tinh xảo của sản phẩm. Nghệ nhân Trọng cũng đã nhiều lần được đại diện cho Việt Nam tham dự các kỳ hội chợ, hội thảo nghề thủ công các nước ASEAN. Tai đó, ông đã cùng một số nghệ nhân tiêu biểu Việt Nam trình diễn các thao tác nghề thủ công trước sự thán phục của bạn bè nhiều nước trong khu vực. Qua bộ Văn hoá, nhiều sản phẩm đặc sắc của nghệ nhân Trọng đã được đưa đi giới thiệu tại các nước Ấn Độ, Pháp, Bỉ... Tổ chức JICA Nhật Bản cũng trao huy chương vàng và giải thưởng kỹ năng tinh xảo cho các bộ đồ chạm bạc của ông.

Nếu đã một lần được chiêm ngưỡng bộ tranh tứ bình tố nữ chạm trên đồng của Nghệ nhân Nguyễn Ngọc Trọng, bất cứ ai cũng sẽ bị ấn tượng vì nét tài hoa được ghi dấu trên từng đường chạm. Bốn thiếu nữ "chị cũng xinh, mà em

cũng xinh" nghiêng mình trong các tư thế thổi sáo, cầm quạt, đánh đàn được trạm trên chất liệu đồng cứng cáp nhưng khi nhìn vào người xem vẫn cảm nhận dáng vẻ mềm mại, sống động như đang thấy họ ngoài đời. Các thiếu nữ có dáng đứng uyển chuyển, duyên dáng mà vẫn giữ được nét kín đáo, đoan trang mang vẻ đẹp ngàn đời của phụ nữ Việt. Theo ông Trọng, để làm được bức tranh như thế, người nghệ nhân phải nghiền ngẫm thật lâu để nhập tâm cái hồn của nhân vật, đến khi cầm búa đưa nét chạm lên đồng thì cảm xúc cứ theo đó dẫn dắt ông sáng tác.

50 năm gắn bó với nghề gò đồng, khảm tam khí và chạm bạc, đến nay đã bước vào tuổi cổ lai hy, Nghệ nhân Nguyễn Ngọc Trọng rất vui mừng vì đạt nhiều thành công trong nghề nghiệp. Ông còn tự hào vì vẫn giữ được nếp "cha truyền con nối" trong nghề mà nhiều gia đình khác không làm được. Cậu con trai thứ của ông đã quyết tâm theo cha gìn giữ nghề tổ. Tuy nhiên, ông luôn tôn trọng những chí hướng rất mới của con khi tìm tòi nhiều hướng thể hiện sản phẩm trang sức mới bằng trai, ốc, ngà, sừng, đá, gỗ kết hợp với bạc chạm. Nguyễn Ngọc Anh, con trai Nghệ nhân Trọng luôn thừa nhận, rất mê các hoành phi câu đối, tranh tứ bình, bộ đồ trà cổ của cha. Đó mới thực sự là các tác phẩm công phu, phải học hỏi suốt đời.

Theo Hà Nội mới

Nghệ nhân được Chính phủ 'đặt hàng'

Có một Bát Tràng cổ kính ngàn năm với men ngọc, men rạn, với các sản phẩm gốm mang đậm hồn Việt. Có một Bát Tràng với những nghệ nhân "nhất nghệ tinh - nhất thân vinh". Cũng có một Bát Tràng được vinh hạnh "chọn mặt gửi vàng" để làm quà tặng cho các chính khách đến thăm và làm việc tại Việt Nam. "Người may mắn" nhất của làng nghề ấy, đồng thời cũng là một nghệ nhân tài hoa trẻ tuổi: nghệ nhân gốm Trần Độ!

Trần Độ lúc nào cũng mải miết chạy đua cùng thời gian để tìm hồn cho gốm, khôi phục lại những di vật quý mà cha ông để lại, dẫu biết rằng những mảnh gốm kia cũng chỉ là sự mô phỏng chứ không thể đại diện cho một nền văn hoá đã chìm trong quá vãng.

Duyên số

Năm 1996, một đồng chí lãnh đạo cấp cao của Chính phủ về thăm làng gốm Bát Tràng. Lò gốm của gia đình Trần Độ cũng là một trong các điểm dừng chân của đoàn. Biết Trần Độ là một nghệ nhân trẻ tuổi có niềm đam mê

nghề, có tâm huyết giữ gìn những tinh hoa của làng gốm, ông đã động viên Trần Độ tìm hiểu và đi sâu vào gốm VN, nghiên cứu bằng được những chất liệu gốm cổ xưa đang được lưu giữ trong các bảo tàng hoặc trong các bộ sưu tập. Sự kiện ấy bắt đầu định hình cho Trần Độ ý tưởng đi sâu vào dòng gốm phục cổ, giả cổ.

Những gì mà anh có được ngày hôm nay là ước mơ vươn tới của bất cứ người thợ nào suốt cả cuộc đời gắn bó với bàn xoay, với cọ sơn, đất sét và lửa lò: Huy chương "Bàn tay vàng" do Liên hiệp HTX Thủ công nghiệp trung ương tặng năm 1990; Giải thưởng Hà Nội vàng do Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng cùng ban tổ chức Hội chợ Doanh nghiệp VN hướng tới 1000 năm Thăng Long-HN phong tặng (2002); Giải vàng Ngôi sao VN (Hội Mĩ thuật VN); Từng tổ chức thành công triển lãm "Hành trình về quá khứ"; là 1 trong 5 thợ gốm trẻ của làng gốm Bát Tràng nhận danh hiệu nghệ nhân do Bộ văn hoá phong tặng...

"Nghiệp" làm các sản phẩm gốm tặng quà cho các chính khách, các vị nguyên thủ quốc gia tới thăm và làm việc tại Việt Nam, nói "nôm na" là làm quà tặng các VIP, đến với Trần Độ cũng hết sức tình cờ. Năm 2004, hội nghị cao cấp ASEAN 5 tổ chức tại VN năm 2004, Trần Độ được Chính phủ Việt Nam "đặt hàng" sản phẩm gốm làm tặng vật gồm những sản phẩm phục cổ, giả cổ, trong đó có một chiếc bình rượu cổ triều Mạc. Sau "đơn đặt hàng" đầu tay đó, người nghệ nhân may mắn có các sản phẩm gốm theo chân các nhà lãnh đạo cấp cao xuất du, thực hiện sứ mạng đại diện cho nền văn hóa Việt Nam.

Tiếp đó, Chính phủ giao cho Trần Độ thực hiện hơn 100 sản phẩm làm quà tặng cho các chính khách. Một chiếc đỉnh triều Nguyễn được tặng cho Tổng thống Mỹ, một đôi bình thời Trần có hình ảnh vợ chồng Thủ tướng Canada, chiếc bình tặng Thủ tướng Nhật Bản... "Trước tiên, tôi thấy đó là một niềm vinh dự lớn đối với làng gốm Bát Tràng, với những người nghệ nhân làm gốm như tôi. Dù chỉ là một gam màu trong bức tranh văn hóa tổng thể của Việt Nam, Bát Tràng hạnh phúc được góp phần nhỏ để tạo nên những ấn tượng trong lòng các chính khách nước ngoài về một Việt Nam thân thiện, mến khách và giàu văn hóa!".

"Nghệ nhân không trường lớp"

Sinh ra và lớn lên trong cái nôi của làng gốm Bát Tràng - một làng cổ có nghìn năm tuổi, gia đình nghèo, đông anh em, 10 tuổi, anh bước vào thế giới của gốm. "Thời điểm ấy, bàn tay non nớt của một đứa trẻ phải giã từ những trò chơi cùng chúng bạn đồng trang lứa, tôi không có tham vọng trở thành một nghệ nhân gốm như bây giờ". Thế nhưng, sự kì diệu không báo trước và mối lương duyên tiền định đã chọn Trần Độ là người đại diện khơi nguồn cho hồn gốm cổ. Với tài năng thiên bẩm, sự tinh tế và đồng cảm tuyệt vời cộng với một trái tim đầy rung cảm nghệ thuật, Trần Độ sớm nhận thấy và lĩnh hội được những tinh tuý mà cha ông đã ngàn năm đúc kết: "Những bí ẩn của men, những đường nét tạo hình, khắc khối... đâu có nằm ở nơi nào xa xôi. Nó gần gũi ngay bên ta, hồn hậu và dung dị. Những gì cha ông để lại là tài sản vô giá muôn đời...".

Với Trần Độ, nghề gốm không phải là con đường mưu cầu những danh lợi vật chất mà chỉ là sự thoả mãn khát vọng vực dậy dòng gốm cổ đang chìm dần vì sự "đè nén" của dòng gốm thương mại đang "tung hoành". Mỗi dòng gốm anh tạo ra là sự giao thoa của những giây phút thăng hoa nghệ thuật, là thứ sản phẩm kết tủa của đất, lửa và cái tâm của người thợ. Những giải thưởng, bằng khen không làm anh bằng lòng mà trái lại trở thành động lực thôi thúc anh khát khao hướng tới một nghệ thuật đích thực. Sắp tới kỉ niệm 1.000 năm Thăng Long-Đông Đô, anh đang gấp rút chuẩn bị 1.000 sản phẩm gốm giả cổ phục chế các mẫu vật của di tích Hoàng thành...

Theo Hà Nội mới

Nghệ nhân và bài học của chữ 'Thành công'

Gặp nghệ nhân Vũ Văn Sinh - cựu nghệ nhân làm pháo đất Hà Tây (cũ), chúng tôi hơi ngạc nhiên khi ông giới thiệu tuổi của mình. Quả thật ông trông già hơn rất nhiều so với cái tuổi 47. Khuôn mặt sạm đen và hằn in những dấu vết của cuộc đời nhưng vẫn luôn nở nụ cười. Sự giản dị "quê mùa" và thân thiện của ông khác hoàn toàn phong thái của nhiều "ông chủ" khác.

Ông chậm rãi kể về cuộc đời của mình. Và theo như ông nói, ông cũng chỉ kể với những người mà ông cảm thấy là sẽ hiểu và cảm thông cho ông.

Gian nan bước đầu...

Vũ Văn Sinh sinh ra tại làng quê vốn có truyền thống về sản xuất pháo Cao Viễn - Thanh Oai - Hà Nội. Sống trong thời buổi chiến tranh, gia đình ông rất khó khăn và cái khó khăn đó lại càng được nhân lên nhiều lần khi bố mẹ ông thường xuyên ốm đau và hầu như không thể lao động được. Bữa cơm bữa cháo trong nhà phụ thuộc tất cả vào 7

anh em ông. Cũng vì một bữa cơm no luôn là niềm mong ước nên ông Sinh ốm yếu, gầy gò. Năm 17 tuổi, cũng như bao thanh niên trong làng, ông hăng hái đi tuyển nghĩa vụ quân sự để ra trận. Thế nhưng cân nặng chỉ được có 36 cân nên ông phải ở nhà. Từ đó ông bắt đầu làm thuê để kiếm sống qua ngày.

Cuộc sống làm thuê làm mướn vô cùng vất vả. Chỉ với việc kiếm 1 bộ quần áo cho ra hồn để mà mặc cũng là 4 tháng ròng ông chắt chiu, dành dụm. Rồi ông quen một người bạn học cùng quê thế là 2 anh em bàn nhau đi nấu thuốc pháo lậu để kiếm tiền. Quê ông có nghề pháo từ lâu đời, bản thân hồi nhỏ cũng đã học được một ít nên công việc này đối với ông là tương đối dễ dàng. Những tưởng như thế rồi cuộc sống sẽ ổn định, nhưng rồi việc làm thuốc pháo lậu của ông cũng bị phát hiện và ông đã bị công an bắt. Thời bấy giờ, nhà nước vẫn chưa quá mạnh tay trong việc xử lí các hành vi làm thuốc pháo lậu nên ông chỉ bị giam 7 ngày rồi được thả. Bảy ngày trong tù tưởng như là rất ngắn nhưng đó cũng là quãng thời gian đủ để chàng thanh niên 23 tuổi suy nghĩ về cuộc đời mình và quyết tâm làm cho ra những đồng tiền trong sạch. Từ đó cuộc đời ông rẽ sang một chặng đường khác.

Thất bại từ sự trớ trêu của số phận

Năm 1986, ông Sinh vào miền Nam lập nghiệp cùng với người anh em trong họ. Thời điểm đó, ông chịu khó

học hỏi người ta cách làm giàu và rồi ông nghiệm ra rằng kinh nghiệm làm pháo ở quê ông là một tài sản vô giá, việc sản xuất và sử dụng pháo không bị cấm nên ông hoàn toàn có thể phát triển bằng nghề đó được. Ông đã cùng người anh em mở ra một cơ sở sản xuất pháo ở Sài Gòn. Lúc đó nghề pháo đang là một nghề khá xa lạ ở miền Nam, cộng với tay nghề khá nên việc làm ăn của ông rất phát triển. Ông kiếm được một số vốn kha khá, định đầu tư tiếp để phát triển nghề pháo một cách thịnh vượng. Thế nhưng tính thật thà, chất phác đã khiến ông bị chính người anh em của mình lừa và lấy đi toàn bộ tài sản. Một lần nữa cuộc đời ông lại trắng tay. Thế rồi ông hồi hương.

Về quê với 2 bàn tay trắng, ông định tìm đến cửa phật để rời xa cõi đời đầy rẫy những sự dối trá, lừa bịp. Cũng chính vì thế ông tìm đến thầy đồ Đạt, một người cùng quê học chữ nho cốt để sau này có thể xin tu tại chùa Hương để viết sớ. Tại lớp học của thầy đồ Đạt, ông Sinh không chỉ được học chữ nho mà còn được học cả về đạo lí, về nhân cách. Chính lời dặn: "Cuộc đời là bài học của chữ thành công" của thầy đã giúp ông có nghị lực để vượt qua nỗi tuyệt vọng. Thế là ông quyết định thôi đi tu mà quyết tâm làm lại cuộc đời.

Lúc đó là vào năm 1993, ông Sinh thấy người dân ở khắp nơi vẫn rất mê pháo nổ, pháo hoa thế nhưng pháo ở Việt Nam lại đa số là nhập về từ Trung Quốc. Điều đó đã không thể không làm ông cảm thấy băn khoăn, suy nghĩ. Ý

thức giữ gìn truyền thống quê hương cũng như quyết tâm làm giàu đã thôi thúc ông trở lại với nghề pháo. Ông bỏ tiền đi học làm pháo ở khắp nơi, thậm chí là sang cả Trung Quốc để học hỏi bí quyết, nâng cao tay nghề. Rồi xưởng sản xuất pháo của ông một lần nữa lại ra đời. Đó cũng là mong mỏi của bà con trong vùng cũng như những nơi khác bởi pháo của Việt Nam rẻ hơn nhiều và không thua gì pháo Trung Quốc. Người người xếp hàng ở xưởng của ông để mua pháo và lúc đó, 1 ngày kiếm được 1 cây vàng với ông là không khó.

Thế nhưng sự khó khăn, gian nan vẫn cứ bám riết lấy ông. Cuối năm 1994, Nhà nước ra chỉ thị cấm pháo trên phạm vi toàn quốc. Lúc đó cũng là lúc gia đình ông đang sản xuất pháo để bán trong dịp tết sắp tới. Hàng sản xuất không bán được chất đầy kho và đem bán giấy vụn dần. Rồi chính quyền lại đưa người đến tiêu hủy hầu như hoàn toàn số pháo nổ, pháo hoa tại cơ sở sản xuất của ông.

Cũng từ đó, ông đâm ra chán nản. Rồi những tháng năm theo như ông nói là "hành tẩu giang hồ", làm hầu như đủ thứ nghề để sống. Những tháng năm lang thang hết nơi này đến nơi khác, sống hầu như dựa vào đồng tiền mà bạn bè hỗ trợ đã khiến ông quên đi nghề pháo, cái nghề đã 2 lần đưa ông đến tột cùng đắng cay. Thế rồi niềm đam mê với nghề truyền thống của quê hương vốn vẫn cháy im ỉm trong lòng ông lại bỗng bùng cháy dữ

dội, đó là vào năm 2000, lúc đất nước đang chuẩn bị làm quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

"Tái ông thất mã" và bước ngoặt lớn của cuộc đời.

Năm đó, cả nước đang háo hức chờ đón ngày đại lễ. Là một người dân, ông Sinh cũng muốn góp 1 chút công sức vào phục vụ lễ giỗ Tổ. Cũng chính vì thế ông đã đến gặp trực tiếp UBND tỉnh Phú Thọ và đề nghị được lo toàn bộ tiết mục pháo hoa cho lễ hội, tất nhiên là hoàn toàn miễn phí. Nhận thấy tấm lòng nhiệt thành cùng với tấm bằng nghệ nhân pháo bông đầy thuyết phục của ông Sinh, phó chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ lúc đó là ông Trần Kim Tho đã thanh mặt ủy ban tỉnh chấp nhận giao trọng trách đó cho ông.

Ông Sinh nhận việc và hăm hở trở về nhà, tập trung nguyên vật liệu hồi trước còn sót lại và cùng với nhiều nghệ nhân pháo cao tuổi trong làng tức tốc lên Phú Thọ. Tưởng mọi chuyện sẽ xuôi chèo mát mái, thế nhưng ông Sinh đã gặp một trục trặc không hề nhỏ. Lúc chở chuyến xe thứ 2 lên Phú Thọ thì xe ông bị cảnh sát bắt lại, kiểm tra thấy có thuốc pháo lập tức họ bắt tạm giam ông Sinh và tịch thu toàn bộ xe nguyên vật liệu pháo hoa. Rất may là chỉ với xe vật liệu đầu tiên, buổi lễ cùng thành công tốt đẹp nhưng với ông Sinh lại là những tháng ngày gian nan. Bị kết tội vận chuyển hàng cấm, nhưng rất may là lí do của ông cũng rất đặc biệt nên cuối cùng ông cũng chị bị phạt 36 tháng tù treo.

Tưởng như sự kiện đó sẽ khiến ông Sinh suy sụp hẳn. Nhưng rồi "Tái ông thất mã", không ngờ với buổi biểu diễn rất thành công trong dịp giỗ tổ vua Hùng đã giúp ông được người ở khắp nơi biết. Chính điều đó đã mang lại cho ông rất nhiều đơn đặt hàng làm pháo bông trong những buổi lễ long trọng. Thế nhưng bài học của lần trước vẫn còn đó, ông Sinh biết rằng mình phải mở doanh nghiệp, có giấy tờ hẳn hoi mới có thể hành nghề được. Thế nhưng để mở một doanh nghiệp sản xuất như thế quả thực không dễ dàng, đặc biệt là nước ta đã ban hành lệnh cấm pháo từ lâu. Vì thế ông đã nhờ ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây lúc bấy giờ triệu tập một cuộc hội thảo khoa học về loại hình kinh doanh của ông và cuối cùng tất cả đã đi đến thống nhất về cái tên "Doanh nghiệp sản xuất kỹ xảo cháy nổ Trường Sinh" với mục đích phục vụ phần cháy nổ trong các phim truyện hay pháo bông trong các lễ hội.

Cuộc đời là bài học của chữ "Thành công"

Hiện tại đang là giám đốc của một doanh nghiệp đang ăn nên làm ra, thế nhưng khi chúng tôi đến gặp, ông đang cởi trần giữa cái nắng hè như đổ lửa để làm những chiếc đèn kéo quân phục vụ cho lễ hội sắp tổ chức ở địa phương. Giọng nói vô cùng dân giã, ông không giấu nổi tự hào khi mình vẫn đang nắm giữ kỉ lục là người làm chiếc đèn kéo quân lớn nhất Việt Nam.

Rồi nhiều bằng khen, giấy khen nữa của Bộ văn hóa thông tin, UBND các cấp, các tỉnh...cũng được ông lần

lượt giới thiệu như để chứng minh những cống hiến không hề nhỏ của ông. Nghề của ông, cũng là nghề truyền thống của mảnh đất Cao Viễn - Thanh Oai - Hà Nội đã được ông gìn giữ, phát huy. Thế nhưng với ông như thế vẫn là chưa đủ. Ông còn muốn truyền nghề cho nhiều người nữa để nét văn hóa này ngày một lan rộng ra khắp cả nước, được nhiều người biết đến bởi để được như bây giờ, ông còn nợ 2 chữ "Nghệ nhân".

Nhấp một ngụm trà cuối, ông nói : "Nếu chỉ nói về cuộc đời tôi thì tôi cũng như những người bình thường khác mà thôi. Có khác là để được như bây giờ, tôi đã trải qua quá nhiều đớn đau, bất hạnh. Càng sống tôi càng thấm thía câu nói của thầy tôi trước kia "Cuộc đời là bài học của chữ thành công". Chính câu nói đó đã cho tôi nghị lực sống, giúp tôi vươn lên trong những phút giây khăn khó nhất".

Hoàng Đức Nhã

Nghệ nhân ca trù Nguyễn Văn Khôi và mối duyên nợ tiền kiếp

88 tuổi đời, nhưng có đến 70 năm tuổi nghề và vẫn say mê hát, ông là nghệ nhân ca trù "giàu có" nhất Việt Nam vì đã sưu tầm và "sở hữu" tới 50 làn điệu, trong đó có nhiều làn điệu mà người trong nghề cũng phải ngạc nhiên khi lần đầu tiên được nghe như: Dựng khúc tương tư, Khúc ca trường hận, Dương đường thân điểu... Ông là Nguyễn Văn Khôi (làng Yên Lộ, xã Yên Nghĩa, Hoài Đức, Hà Nội), người hát ca trù đầu tiên được Hội Văn nghệ Dân gian phong tặng nghệ nhân.

Mối tình với cô chủ trò đoản mệnh

Cuộc đời của nghệ nhân này cũng thăng trầm. Khi còn nhỏ tuổi, cậu bé Khôi sớm mồ côi, được người ta thương dẫn đến học đàn ở nhà trò Bông Đỏ (Hà Đông, Hà Nội). Và ở đây, Khôi đã có những tháng ngày hạnh phúc với cô đào Nhiên - con gái ông chủ nhà trò và cũng là thầy dạy, dẫn dắt Khôi vào làng ca trù. Bây giờ ông yêu nó và thường lý giải: "Không phải chỉ vì bản thân ca trù, mà còn vì tình yêu của tôi dành cho đào Nhiên. Tôi phải hát cả cho đào Nhiên,

phải say mê cho cả đào Nhiên và hát cho mối tình đầu đẹp đẽ nhưng đoản mệnh". Vì cô đào Nhiên đã sớm lìa xa người yêu của mình sau một lần ngã bệnh khi cô còn chưa kịp bước sang tuổi 18.

Thế là Văn Khôi phải ôm theo mối tình đầu thơ mộng nhưng đau đớn của mình gửi gắm vào lời ca, tiếng nhạc của ca trù. Chàng đã dồn tình yêu của mình cho việc học đàn và hát ca trù: một chân gõ cảnh, một chân gõ phách, một tay thổi sáo và một tay đánh đàn. Tiếng tom, chát cứ vẳng xa vào trời đất nghe xa xôi như tiếng gọi của tình yêu. Trên nền nhạc réo rắt ấy là tiếng hát nỉ non, da diết như rút ruột của một người con trai cứ mãi nhớ thương đi tìm bóng dáng người yêu.

Ngày xưa, đàn ông thường đi xem ả đào hoặc nghe hát cô đầu. Nhưng đến nhà trò Bông Đỏ, họ không xem "ả" và cũng chẳng nghe "cô" nào hát cả, mà họ rủ nhau đi nghe giọng hát mê hoặc lòng người của một "cậu" say mê ca trù. Cảm vì mối tình đầu của hai người và vì tài năng của Khôi, đã có rất nhiều người con gái đem lòng si mê người nghệ sĩ tài hoa này. Một bà giáo Dùng (ở bản Mường) đã làm tặng Khôi một bài thơ: *Đời em chưa thấy có hai/Sáo, đàn, cảnh, phách một bài hoa chung/ Tài riêng anh thật lạ lùng/Một mình bốn việc ung dung nhịp nhàng...*

Rồi ông khoe cả một tập các bài thơ của những người yêu mến tiếng hát mình ở khắp nơi gửi tặng. Những lời thơ động viên đó đã khích lệ và nuôi dưỡng tình cảm của ông dành cho ca trù trong suốt 70 năm qua.

32 năm lưu lạc với tiếng đàn

Năm 1937, ông rời nhà trò Bông Đỏ và đi theo tiếng gọi của Cách mạng. Năm 1940, ông được kết nạp Đảng. Năm 1941, ông là Phó Bí thư phụ trách tổ chức và tuyên truyền xây dựng cơ sở Đảng của xã Yên Lộ. Trong thời gian từ năm 1941-1945, ông đã đi xây dựng được 8 chi bộ Đảng ở các cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh... Nhưng đến năm 1955, do bị kẻ xấu vu là Quốc dân Đảng nên ông bị bắt, bị khai trừ khỏi Đảng và bị tước quyền công dân. Từ đây, ông phải sống cuộc đời lưu lạc trong suốt 32 năm. Nhưng đến đâu, ông cũng mang tiếng đàn, tiếng sáo và giọng hát ca trù đằm thắm của mình phục vụ cho hoạt động văn hóa ở các tỉnh. Và trong khoảng thời gian này, ông đã có điều kiện đi khắp đất nước, vừa sáng tạo vừa sưu tầm các làn điệu ca trù cổ.

Đến năm 1990, ông được minh oan, được phục hồi danh dự. Ông được mời về xây dựng đội ca trù ở địa phương. Đây là cả một thách thức lớn. Không có lấy một cây đàn đáy, ông phải dùng đàn mandolin; không có phách, ông nghĩ ra việc dùng đôi đũa cả làm phách. Nhiều người không thích đi hát và tham gia học hát, bởi thời kỳ này, đời sống của người dân vẫn còn hết sức khó khăn. Ông vẫn cố gắng thuyết phục mọi người tham gia, thậm chí, không được trả một đồng tiền công nào mà ông lại còn phải trích tiền lương hưu để thưởng hoặc nuôi học trò mình ăn học.

Đời cách mạng vui với tiếng phách, sênh

Bây giờ thì ông sung sướng cho biết, ông đã có 50 học trò và sở hữu 4 cây đàn đáy. Đối với ông đó quả là một gia

sản đáng mơ ước suốt đời. CLB ca trù ở thôn do ông thành lập cũng đã thu hút được hơn 10 người tham gia sinh hoạt và cả CLB có tới 10 chiếc đàn các loại.

Hiện tại, ông sống cùng một người cháu trai. Ông vẫn rất tinh tường và minh mẫn, vẫn truyền dạy cách đàn và hát ca trù cho 3 đứa cháu và học trò. Ông vừa là một vị lão thành cách mạng và là bố của một liệt sĩ, lại vừa là một nghệ nhân dân gian. Không những hát hay, đàn giỏi và là người sưu tầm được nhiều làn điệu ca trù nhất trong nước, ông còn là người am hiểu và tinh tường về tử vi. Ông quan niệm đó là một môn khoa học và phải được học bài bản thì mới xem tử vi được. Nhiều người bảo ông xem tử vi đúng lắm, nhưng không biết ông có xem được vận hạn cho mình không mà số ông lận đận, có những quãng vui và cũng có cả những quãng buồn lặng như ca trù vậy.

(Theo TT & VH)

Nghệ nhân cuối cùng của dòng tranh Hàng Trống

Nhiều năm nay, ông Lê Đình Nghiên, nghệ nhân tranh Hàng Trống cuối cùng, vẫn một mình miệt mài làm việc, hy vọng hồi sinh dòng tranh nổi tiếng một thời, nhưng tương lai của dòng tranh này vẫn vô cùng mờ mịt.

Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Vũ Ngọc Khánh, tranh Hàng Trống có từ cách đây khoảng 400 năm và phát triển hưng thịnh vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, là sự giao thao giữa văn hoá Phật giáo và Nho giáo; giữa loại hình tượng thờ, điêu khắc ở đình chùa với những nét đẹp giản dị trong cuộc sống thường ngày. Tranh Hàng Trống gồm hai dòng, tranh thờ và tranh tết, với những bức vẽ nổi tiếng như: *Ngũ hổ, Ông hoàng cưỡi hổ, Mẫu thoải...*

Cứ dịp Tết đến, dọc vỉa hè những con phố cổ, nghệ nhân Hàng Trống lại bày bán tranh. Những chiếu tranh này bao giờ cũng tấp nập người đến thưởng lãm và mua. Để có hàng bán Tết, những gia đình làm tranh ở Hàng Trống phải bận bịu suốt từ đầu tháng tám âm lịch đến cuối tháng Chạp, may ra mới đủ đáp ứng nhu cầu của khách. Cả khu phố đâu

đâu cũng thấy giấy dó, bản khắc và màu vẽ. Các nghệ nhân vẽ tranh say sưa quên cả thời gian, những đứa trẻ chăm chú, háo hức với nét tô màu vụng về đầu tiên.

Tuy Hàng Trống là dòng tranh dân gian, phục vụ đông đảo các tầng lớp trong xã hội, nhưng những người sành chơi tranh thời bấy giờ vẫn đến yêu cầu làm những bức tranh dát vàng, dát bạc để tăng thêm sự trang trọng khi thờ cúng.

Thế nhưng cả dòng tranh nổi tiếng này giờ chỉ còn một người còn theo đuổi nghề tổ, đó là ông Lê Đình Nghiên. Nghệ nhân cuối cùng kể: "Tôi bắt đầu học nghề từ lúc mới lên 10 tuổi, đến nay chứng kiến đủ những giai đoạn thăng trầm của nó. Những năm 50- 60 của thế kỷ trước, tranh Hàng Trống vẫn đang ở thời kỳ rực rỡ. Cả khu phố Hàng Trống, Hàng Nón bấy giờ nhà nhà làm tranh. Cũng như câu đối ngày Tết của các thầy đồ, tranh Hàng Trống lúc đó được người dân Hà Nội coi là thứ không thể thiếu trên bàn thờ tổ tiên".

Còn một mình vẫn không bỏ nghề

Chiến tranh khắc nghiệt và sự biến động liên tục của lịch sử khiến dòng tranh Hàng Trống mai một và suy tàn. Thú chơi tranh của người Hà Nội thay đổi khiến cho thu nhập của những nghệ nhân Hàng Trống vô cùng bấp bênh. Vì mưu sinh, nhiều người đã bỏ nghề gia truyền mà chuyển sang kinh doanh buôn bán. Không ít gia đình còn vứt bỏ hết các dụng cụ làm tranh như ván, bản khắc. Nhiều bản khắc của những bức tranh nổi tiếng vì thế đã bị mất đi và

vĩnh viễn không thể phục hồi. Những hình ảnh về một Hàng Trống phồn thịnh với nghề làm tranh dân gian giờ chỉ còn là hoài niệm trong ký ức nhiều người. Thậm chí nhiều người dân sống ngay trong lòng phố cổ cũng không hề biết rằng Hà Nội 36 phố phường từng có một dòng tranh dân gian nổi tiếng.

Ông Nghiên tâm sự: "Đến bây giờ tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng về sự biến mất nhanh chóng của cả một dòng tranh dân gian nổi tiếng một thời. Hiện người ta chỉ còn thấy nó trong những viện bảo tàng". Cũng theo ông Nghiên, chỉ trong vòng 50 năm mà trên những gian hàng lưu niệm bày dọc Hàng Ngang, Hàng Đào, thậm chí ngay cả trong những cửa hàng bán tranh trên phố Hàng Trống đều không còn xuất hiện bóng dáng của tranh Hàng Trống.

Quyết giữ lại nghiệp tổ, từ nhiều năm nay, nghệ nhân Nghiên tham gia vào công trình phục chế tranh Hàng Trống của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Ngoài những bản khắc và bức vẽ hàng trăm năm được gìn giữ cẩn thận, ông còn tích cóp những đồng tiền ít ỏi từ việc bán tranh để dành cho việc phục chế những bản khắc đã mất.

Người duy nhất trưng bày tranh của nghệ nhân Nghiên là ông Bùi Hưng Hoàng, chủ cửa hàng bán tranh trên phố Hàng Trống một thời, đã không còn. Thế nên giờ ông Nghiên chỉ thỉnh thoảng bán tranh tại căn nhà nhỏ của mình cho những khách hàng quen và thực sự yêu thích tranh Hàng Trống. Tiền thu được không nhiều, không thể đem lại một cuộc sống ổn định cho gia đình, nhưng đủ khiến ông

thêm vững lòng với việc gìn giữ nghề tổ, vì "chừng nào còn một khách mua thì chừng đó tranh Hàng Trống vẫn sống".

Để mình không phải là người cuối cùng của dòng tranh, suốt năm năm nay, ông Nghiên đã vận động con trai út Lê Hoàn học nghề để kế tục. Theo lời ông thì thời gian qua, Lê Hoàn mới chỉ học được những thao tác cơ bản, để trở thành một nghệ nhân thực thụ thì phải cố gắng nhiều. Vì vậy, dù đã dành cả đời mình để gìn giữ, ông Nghiên vẫn không khỏi lo rằng dòng tranh Hàng Trống có thể hoàn toàn mất dấu nếu không may mắn đào tạo được lớp nghệ nhân mới thực sự tâm huyết nối nghề.

Hương Thảo Nguyên

Nghệ nhân làng lụa

Ở tuổi thất thập cổ lai hy nhưng đêm nào ông Chỉnh (làng Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội) cũng trằn trọc, thao thức tìm ra những mẫu hoa văn mới, phương pháp sản xuất lụa không phai màu. Ông mong muốn sản phẩm lụa Vạn Phúc được ưa chuộng từ Bắc vào Nam, ra nước ngoài theo phương thức kinh doanh hiện đại.

Lụa Hoa Ban "độc nhất vô nhị"

Căn phòng nhỏ của ông Chỉnh trưng bày hàng chục mẫu lụa với hoa văn cầu kỳ, sang trọng, hàng chục tấm bằng khen, giấy khen, danh hiệu... treo trang trọng trên tường. Ông Chỉnh tự hào khoe: "Gia đình tôi có truyền thống dệt lụa từ lâu đời. Cụ thân sinh là nghệ nhân nức tiếng một thời Nguyễn Văn Thiệp, từng được mời dệt lụa cho Chúa Nguyễn, vì thế từ nhỏ tôi được tiếp xúc với nghề".

Từ lúc còn để chỏm, cậu bé Nguyễn Hữu Chỉnh đã theo cha mẹ đến xưởng dệt, xưởng nhuộm, chợ Đồng Xuân hay mang vải ra đồng phơi. Tiếng thoi đưa lách cách đã ngấm vào máu cậu và trở thành niềm khao khát được trở thành một nghệ nhân làng lụa.

Ông Chỉnh đã từng mày mò tìm công thức nhuộm vải không phai màu từ khi còn giữ cương vị Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật của Xí nghiệp dệt Sơn La. Sau này khi về nghỉ hưu, ông Chỉnh có nhiều thời gian chú tâm vào nghiên cứu, ông tìm ra hai nguyên tắc nhuộm cơ bản đó là: thời điểm và thuốc nhuộm phù hợp với chất liệu vải.

Ông Chỉnh cho biết: "Tơ tằm thường không chịu được độ kiềm cao, trong khi đa phần thuốc nhuộm vải hoá học lại chứa nhiều kiềm nên tôi đã đưa các chất liệu lấy từ thiên nhiên như: lá bàng, củ nâu, lá trầu không nhằm khống chế độ kiềm, sau khi nhuộm tiếp tục xử lý để đạt được độ bền mầu cao".

Theo ông, vuông lụa bền màu không chỉ phụ thuộc vào cách thức nhuộm mà còn phụ thuộc vào cả chất lượng tơ. Riêng tơ dùng để dệt loại lụa cao cấp này phải là tơ sợi to, đều, vàng óng. Đẹp nhất vẫn là tơ được làm ra ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), hiện trên thị trường bán với giá mỗi kg khoảng 370.000 - 390.000 đồng.

Sau nhiều lần thử nghiệm không thành, năm 2002, ông Chỉnh cho ra lò những vuông vải mộc đầu tiên với 75% protein và 25% petin. Ông nói: "Petin là chất keo dính nên dệt xong, tơ tằm phải cho vào nấu để loại bỏ chất keo, tạo sự mềm mại cho sợi vải, nếu trong quá trình nấu kết hợp với nhuộm thì màu sẽ rất bền, vải không bị phai". Sau khi thử nghiệm, ông mang tấm vải tới Viện Công nghiệp dệt may Việt Nam phân tích. Sản phẩm của ông đạt độ bền màu cao nhất: cấp 5. Cuối năm 2007, 500 m vải lụa đầu

tiên sản xuất theo quy trình dệt không phai ra lò, khách đến hỏi mua tới tấp.

Cả làng lụa, duy nhất gia đình ông Chỉnh có lụa "hoa ban" không phai màu. Đây chính là mẫu thiết kế đầu tiên của làng lụa có hình hoa ban, góp phần làm đổi mới và phong phú hoa văn trên vải. Năm 2007, tại hội thi Sáng tạo thủ công tiêu biểu lần thứ 4, sản phẩm lụa tơ tằm với sáng kiến nhuộm bền màu của ông được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao giải nhì. Ngoài ra, với mẫu thiết kế "Hoa ban" độc đáo, sang trọng, ông còn được trao danh hiệu: Nghệ nhân làng nghề Việt Nam, Giải thưởng Bàn tay vàng, Tinh hoa làng nghề Việt Nam...

Trăn trở với làng nghề

Hiện, lụa làng Vạn Phúc đã có mặt trên thị trường trong và ngoài nước, theo hành lý của khách du lịch nước ngoài đi khắp năm châu bốn bể. Tuy nhiên, trong thời buổi kinh tế thị trường, lụa Vạn Phúc với cách làm thủ công đã không cạnh tranh nổi với hàng pha nilon giá rẻ của Trung Quốc.

Nhiều nghệ nhân làng lụa Vạn Phúc thường bảo: "Một nong tằm bằng năm nong kén, năm nong kén bằng chín nén tơ. Mỗi một sợi vải, phải được chập từ 14 sợi tơ". Nghề dệt lụa vất vả, kỳ công, tỉ mỉ là thế mà giá bán mỗi mét cũng chỉ từ 22.000 đến 25.000 đồng, lụa cao cấp cũng chỉ khoảng 45.000 - 50.000 đồng mỗi mét. Vì vậy, nhiều người vì lợi nhuận trước mắt mà "quên" uy tín của làng lụa, bày bán

hàng Trung Quốc nhưng lại quảng cáo là hàng Vạn Phúc, vừa không mất sức dệt vừa thu được nhiều tiền. Với cương vị là Chủ tịch Hiệp hội làng nghề Vạn Phúc, ông Chỉnh đã phân tích và bày tỏ nỗi lo lắng, trăn trở của mình trước hiện tượng này và kêu gọi mọi người tham gia phong trào "lành mạnh hóa" thương hiệu lụa Vạn Phúc. Sau những nỗ lực không ngừng và nhiều lần tham gia hội chợ triển lãm, phiên chợ hàng tiểu thủ công nghiệp, chú trọng quảng bá, tiếp thị cho du khách nước ngoài, lụa Vạn Phúc cũng dần lấy lại được vị trí.

Trong xu thế công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập, nghệ nhân Nguyễn Hữu Chỉnh cũng chính là người sớm nhận ra yêu cầu tất yếu của làng nghề khi muốn phát triển thị trường, đó là xây dựng thương hiệu lụa Vạn Phúc. Ông đã mạnh dạn đi đầu trong việc xây dựng tên tuổi, xuất xứ cho lụa. "Người làng lụa ít người nghĩ đến việc đưa tên tuổi, thương hiệu của mình vào biên vải. Tôi quyết định phải làm thí điểm, đưa nhãn hiệu Thanh Hoà và địa chỉ "Vạn Phúc - Hà Đông" vào tất cả các biên vải của gia đình", ông Chỉnh cho biết. Hiện, lụa Vạn Phúc đã có mặt khắp nơi trong cả nước. Nhiều du khách nước ngoài khi đến Việt Nam đã chọn mua về làm quà. Năm 2006, lụa Vạn Phúc đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp thương hiệu độc quyền.

Tới đây, Hiệp hội làng nghề sẽ đề xuất với chính quyền địa phương xin kinh phí xây dựng cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm lụa Vạn Phúc tại các điểm du lịch từ Bắc vào

Nam, xây dựng website, tham gia sàn giao dịch điện tử, thúc đẩy kinh doanh với đối tác trong và ngoài nước theo phương thức kinh doanh hiện đại. "Để xây dựng một chiến lược có tầm, chúng tôi rất cần thời gian, sự hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý, nhất là khi các hộ sản xuất vẫn quen làm ăn kiểu cá thể, chưa có sự liên kết", ông Chinh cho biết.

Minh Đức

Nghệ nhân làng nghề Đại Bái ở Hà Nội

55 năm trước, làng gò đồng Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bị bom đạn giặc san bằng. Ngày ấy, một số người Đại Bái đã đến Hà Nội lập nghiệp. Hiện nay đã có hơn 1000 người Đại Bái sống trên đất Thủ đô, tập trung ở các phố Hàng Đồng, Khâm Thiên, Trương Định, Bạch Mai. Được sống giữa chốn hào hoa, thanh lịch, nơi nhân tài bốn phương hội tụ là điều kiện tốt để các nghệ nhân tiếp tục phát triển nghề truyền thống.

Nghệ nhân làng Đại Bái

Từ năm 1986 đến nay, tại các hội chợ và triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ, người ta thấy xuất hiện nhiều sản phẩm của người Đại Bái. 10 thợ giỏi đã được tặng danh hiệu Bàn tay vàng. Vào các năm 1971, 1980, 1986, 1988 và 2003, UBND thành phố tiến hành 5 đợt phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội cho 50 người thì riêng người Đại Bái ở Hà Nội đã chiếm 6. Sản phẩm của họ có mặt ở các công sở, tư gia đã làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người Thủ đô.

Ông Nguyễn Tấn Thiệu ở 14 Đê Tô Hoàng, năm nay 71 tuổi, được học nghề từ bé, trưởng thành trên đất Hà Nội và trở thành thợ giỏi. Năm 1989, ông làm bức cuốn thư bằng đồng cỡ 9m x 0,9m, gắn chữ Bảo tàng Hồ Chí Minh. Sản phẩm này được làm trong 3 tháng, đạt độ chính xác cao. Hiện bức cuốn thư được đặt ở cửa chính Bảo tàng Hồ Chí Minh. Ông Thiệu còn gò vành đèn bằng đồng, đường kính 2,5m, treo ở phòng khách Phủ chủ tịch.

Sau gần 50 năm vắng bóng, tại một hội chợ vào năm 1996 người Hà Nội lại thấy lọ hoa bằng đồng khảm ghép tam khí. Ông Vũ Viết Phi ở ngõ Thanh Miến, phố Nguyễn Thái Học là người đầu tiên khôi phục nghệ thuật tinh xảo này. Ông Phi còn khảm tam khí (gồm đồng đỏ, bạc, vàng) lên tượng Phật, lư hương, lọ hoa (có cái cao 1,8m). Các sản phẩm này được khảm tứ quý, tứ linh, một số tích trong truyện Kiều, Nhị Độ Mai. Tháng 6-2000, ông nhận chế tác lư hương để người làng Đại Bái dâng lên ban thờ ở quê Bác. Lư hương cao 40cm, miệng rộng 40cm nặng 25kg. Các hình hoạ khảm bằng vàng, bạc chạy chung quanh thân tạo thành một bức tranh đẹp, phần đế tạo rồng hoá, giữa thân là chữ thọ bằng vàng, quanh chữ thọ là 15 cánh sen...

Tiếp thu một cách sáng tạo nghệ thuật này, ông Nguyễn Ngọc Trọng ở 50 ngõ Tiến Bộ, phố Khâm Thiên đã tạo ra nhiều sản phẩm bày tại hội chợ ở Ấn Độ và Thái Lan. Cùng với ghép vàng, bạc, đồng lên các chất liệu, ông Trọng còn ghép tam khí lên chân đèn, các nhạc cụ bằng tre, trúc.

Dẫu đã ở tuổi 78 nhưng ông Nguyễn Đức Chỉnh ở ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai vẫn chăm chút với nghề. Tinh thông chữ nghĩa, lại viết chữ Hán đẹp, ông Chỉnh kết hợp hài hoà giữa gò liền, chạm với chữ Hán, chữ Nôm. Tráp chạm bạc, quanh thân chạm nhị thập bát tú, hộp trang sức hình lục lăng chạm nổi 6 cảnh trong cuộc đời Thuý Kiều - những tác phẩm giàu chất thơ, gắn kết tài tình giữa hội hoạ và thư pháp. Vừa qua, tại triển lãm Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc năm 2004, bộ ấm cà phê chạm bạc của nghệ nhân Nguyễn Ngọc Trọng được trao giải nhì, tác phẩm Mặt trống đồng Ngọc Lũ của nghệ nhân Nguyễn Viết Lâm được trao giải ba.

Những năm qua, nghệ nhân Đại Bái ở Hà Nội có nhiều hoạt động thúc đẩy sự phát triển các làng nghề truyền thống. Tháng 4-1997, tại thành phố Koblez (CHLB Đức) diễn ra hội thảo quốc tế về nghề cổ truyền với 20 nước tham dự, chỉ trong một ngày, nghệ nhân Nguyễn Viết Lâm đã vẽ mẫu và thể hiện Chùa Một Cột trên đĩa bạc trước sự khâm phục của bạn bè. Cuối tháng 12-2000 tại trường đại học Xanh Lo-ren (Hoa Kỳ), ông Lâm đã giới thiệu tiềm năng nghề truyền thống và một số làng nghề tiêu biểu của Việt Nam. Hàng năm, các nước ASEAN luân phiên tổ chức giao lưu nhân dân gặp mặt nghệ nhân làng nghề. Năm 2002 ông Nguyễn Ngọc Trọng đến Thái Lan, năm 2003 ông Nguyễn Viết Lâm đến Ma-lai-xi-a, cả hai đều là nghệ nhân làng Đại Bái ở Hà Nội. Năm 2004 cả hai nghệ nhân lại đại diện cho Việt Nam trong cuộc giao lưu nhân dân tổ chức tại Hà Nội.

Nghệ nhân các nước trong khu vực vô cùng ngạc nhiên trước sự phát triển của làng nghề truyền thống Việt Nam, trong đó có làng Đại Bái, cả sự tác động qua lại trong sự truyền nghề giữa những thợ giỏi ở chính quán và nghệ nhân sống ở Hà Nội. Năm 1999, với những đóng góp đặc biệt cho sự bảo tồn và phát triển nghề cổ truyền, các nghệ nhân Nguyễn Đức Chỉnh, Nguyễn Viết Lâm đã được Chương trình nghệ thuật Đông Dương, Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam tặng giải thưởng Bàn tay vàng.

Theo Hà Nội mới

Nghệ nhân Lê Hữu Quyết và quá vãng làng hoa Nghi Tàm

Ngồi bên bàn nước, ngó ra khu vườn có hàng trăm cây thế, tôi hỏi ông: "Vườn cây đẹp thế này, chắc khách hàng đến hỏi mua nhiều?". Ông cười: "Tôi giữ vườn để chơi thôi! Tuổi cao rồi, không còn trồng tỉa được như trước. Các con tôi cũng không muốn theo nghề này". "Làng còn bao nhiêu người giữ được vườn như vườn nhà ạ?", "Chẳng còn ai. Khu vườn này trên 100m2 là rộng nhất làng. Cũng không còn ai trồng hoa cây cảnh. Họ phá vườn xây biệt thự cho thuê hết. Vả lại nhà ai cũng phải chia đất cho các con khi ra ở riêng". Có bao nỗi niềm ưu tư ẩn sau tâm tư nhói lòng ấy!

"Hòa bình được lập lại ở miền Bắc, tôi từ chiến khu trở về quê hương. Ngôi nhà cũ xơ xác. Sau tám năm vắng bàn tay người chăm sóc, vườn nhà thành hoang. Phải ươm trồng lại từ đầu". Là hậu duệ đời thứ bảy của Bà Huyện Thanh Quan, ông cũng thừa hưởng được chất của người yêu nghệ thuật. Chẳng kể sáng sớm hay chiều tối, ông cần mẫn, lặng lẽ trồng đào, cúc, mai... và vườn hoa của ông đã sớm góp

mặt ở chợ hoa Hàng Lược mỗi dịp xuân về. "Hữu xạ tự nhiên hương", người dân Nghi Tàm theo gương ông khôi phục lại nghề truyền thống. Cả làng trở thành vườn hoa lớn với vài chục loại khiến ai qua cũng cảm thấy thích mắt. Nhưng chất nghệ sĩ đã khiến ông không chỉ dừng lại ở những giống cây hoa truyền thống mà còn đẩy ông đến với những nghệ thuật cây cảnh độc đáo hơn. "Ngày nghỉ, tôi lên Hòa Bình và các nơi khác sưu tầm giống cây lạ mà ở Nghi Tàm không có như tùng, trúc, du, la hán, xanh, si... mang về trồng, hàng ngày chăm sóc, uốn cành, tỉa lá thành các "thế" cây sao cho đẹp. Bố cục cây cảnh có hòn non bộ khó hơn rất nhiều so với cây cảnh trong chậu. Chính là cây dạy mình đấy. Thiên nhiên kỳ diệu lắm. Không yêu thiên nhiên, không có tâm hồn để hiểu cây, không thể tạo ra tác phẩm nghệ thuật có hồn được. Nghề chơi cũng lắm công phu là thế. Tôi tiếc vườn ông cha để lại, tiếc công mình chăm sóc cây nên nấn ná mãi mới xây cái nhà này". Tôi nhìn ảnh ngôi nhà cũ lợp rạ và khu vườn xưa, ngắm các loài cây đẹp mê hồn mà ông cho chụp thành bộ ảnh lưu niệm và tiếc cho một thời vàng son đã qua của làng Nghi Tàm.

Năm 1980, trong "Hội hoa xuân" Hà Nội, Nghi Tàm giành 12 Huy chương vàng, 20 Huy chương bạc, 12 Huy chương đồng. Danh hiệu "Nghệ nhân bàn tay vàng" cao quý mà Hội Mỹ thuật Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Chương trình nghệ thuật Đông Dương trao tặng ông và 16 nghệ nhân ở các nghề thêu, đúc đồng, đồ gỗ mỹ nghệ... Năm 1990 và năm 1999 là niềm tự hào của ông - người làm vườn có bàn tay vàng và tâm hồn nghệ sĩ. Một

đời gắn bó với cây và hoa nên ông vẫn giữ được cốt cách của kẻ sĩ "Tri túc thường túc, chung thân bất nhục" để tự biết mình, coi là đủ thì thường là đủ, không để tâm mình bị vẩn đục lòng tham. Ở tuổi ngoài 80, ông rút ruột tằm viết những lời tâm huyết đặng ký thác cho con cháu. Bản thảo "Lịch sử nghề trồng hoa cây cảnh Nghi Tàm" dày gần 200 trang, ông khảo về truyền thống trồng hoa cây cảnh của Nghi Tàm từ thời Lý, sự phát triển của làng nghề truyền thống đến những năm đầu thế kỷ XX với các hội thi hoa ở Đấu xảo (nay là Cung VHLĐ Hữu nghị Việt-Xô) và Hà Đông, trong đó, trồng và thi hoa thủy tiên là cầu kỳ, công phu nhất. Đọc những trang sách quý, tôi mới hiểu rõ hơn về các loài mai cốt cách, đào Mông Tự, đào màu trai pha sắc hồng và tím đẹp sang trọng rất khó kiếm. Những giống mai, đào quý hiếm ấy cứ mất dần trong quá trình đô thị hóa nửa thế kỷ qua. Ông đọc cho tôi nghe một đoạn của chương II bàn luận về cái hay cái đẹp, sự giao hòa tâm hồn giữa nghệ nhân và thiên nhiên trong từng dáng cây, hòn non bộ trong tác phẩm nghệ thuật. "Tâm tính, cốt cách người trồng cây thế nào thì tác phẩm nghệ thuật cây thế sẽ thể hiện ra như thế cháu ạ". Tôi nói với ông: "Một kho báu quý hiếm như vậy mà ông cất kỹ quá! Ông có thể ký thác bản thảo cho Hội Sinh vật cảnh Việt Nam hay UBND thành phố để truyền dạy nghệ thuật trồng hoa cây cảnh cho con cháu, giữ lấy nét đẹp của văn hóa người Hà Nội". Ông lắc đầu: "Tôi đã viết tham luận về các giải pháp để duy trì bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống của Thăng Long - Hà Nội cho Văn phòng Ban chỉ đạo 1000 năm Thăng Long rồi. Thì tôi đang ở làng nghề truyền thống đây mà làng còn giữ

được nghề đâu! Cách đây gần 30 năm, kinh tế bao cấp khó khăn là thế, nhưng chúng tôi đã mở được nhiều lớp học, truyền nghề cho các học sinh ở Hà Tây, Nam Định, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, từ đó mà sinh sôi thêm nhiều làng trồng hoa cây cảnh ở Tứ Liên (Tây Hồ), Đăm (Từ Liêm), Phụng Công (Văn Giang, Hưng Yên)... sau lan xa đến cả Mễ Sở, Đông Cảo (Khoái Châu, Hưng Yên). Những năm ấy vất vả mà vui. Tôi và một số nghệ nhân của Nghi Tàm dốc sức ra dạy cho các em. Tết đến làng tôi nhộn nhịp đón khách gần xa tấp nập đến xem hoa cây cảnh, chủ khách đàm đạo lại có thêm bạn mới tâm đầu, ý hợp, thú lắm. Ấy là trời ban cho chúng tôi cái lộc để làm đẹp cho đời và lòng mình than thản với cây với hoa đấy!". Đi qua những tháng ngày gian khổ với cây, với nghề, nâng niu từng chồi non, từng cành lá uốn cho cây ở thế siêu, thế trực hay huyền đề... đều là tuyệt tác của công trình nghệ thuật; đi qua vinh quang phải đổi bằng mồ hôi trí tuệ từ mảnh đất cha ông để lại và cô đơn giữa tầng tầng lớp lớp nhà bê tông của những tòa biệt thự, khách sạn ngất ngưởng, ông chỉ còn biết trút tất cả tâm huyết xuống những hàng chữ đều tăm tắp và dứt khoát không trao bản thảo cho ai cả, "để làm kỷ niệm thôi cháu ạ", ông ngậm ngùi nói.

Tiễn tôi ra ngõ, ông bảo: "Bây giờ không ai gọi là làng Nghi Tàm nữa. Lên phường rồi, nhà, ngõ đều đánh số. Làng hoa cây cảnh Nghi Tàm chỉ còn trong chuyện cổ tích thôi". Chợt nhớ năm 1990, tôi lên Nghi Tàm chơi, vẫn thấy con đường làng lát gạch bổ cau đỏ sẫm như dẫn du khách vào thế giới muôn sắc màu của cây và hương hoa trong các

khu vườn nho nhỏ, trên sân thượng. Vài năm sau, khách sạn ngất ngưởng mọc lên, án ngữ và choán hết không gian trước chùa Kim Liên. Rồi làn sóng tự phát xây nhà biệt thự cho thuê. Làng hoa không còn đất trồng hoa. Tôi hiểu nỗi đau của nghệ nhân. Ai nhớ, ai biết ông thì lên chơi, uống trà thưởng hoa đàm đạo chuyện gần, chuyện xa... Hà Nội vẫn tràn ngập hoa cây cảnh từ khắp mọi miền.Vậy mà tôi vẫn day dứt, xót lòng khi làng hoa cổ của Thăng Long - Hà Nội đi vào quá vãng. Trong ráng chiều đông màu chì, ngoái lại nhìn dáng ông đứng bên ngõ nhỏ, tựa như dáng trúc trước gió sương.

Theo Hà Nội mới

Nghệ nhân Lê Khang, Đời bàn tay vàng của Thủ đô

Giới chơi đồ đồng Hà thành yêu mến gọi ông bằng cái tên "vua đúc đồng" nhưng ông luôn khiêm tốn: "Những gì tôi làm vẫn chưa xứng đáng với các bậc tiền nhân...". Có rất nhiều tác phẩm để đời nhưng nghệ nhân Lê Khang, Phó chủ tịch Hội Nghệ nhân Hà Nội vẫn ngày đêm miệt mài chắt chiu từng giọt đồng, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật bất hủ.

"Chỉ biết thôi chưa đủ..."

Trong căn nhà nhỏ của ông ở 82 phố Hàng Khoai (Hà Nội) cơ man là đồ đồng, từ loại tân kỳ, giả cổ đến cổ chính hiệu. Bạn bè có người thắc mắc sao ông cứ mãi đeo đuổi cái nghề suốt ngày gắn với khói, bụi, màu, nước mà thu nhập chẳng đáng là bao ấy, ông chỉ cười: "Nghiệp ăn vào máu rồi, vả lại đồ đồng thường gắn với ý nghĩa tâm linh, tác phẩm của mình được đặt ở những nơi trang trọng, thiêng liêng là mãn nguyện lắm rồi". Vừa dẫn tôi thăm các tầng lầu, nơi bày biện những tác phẩm của ông trong hơn 40 năm qua, ông vừa kể về nghiệp đúc đồng của mình. Năm 1963, sau khi tốt nghiệp trung cấp cơ điện, ông trở thành giảng viên của trường. Tham gia nhiều đề tài khoa học cùng các nhóm sinh viên, có cơ hội mày mò, thử

nghiệm, những sáng chế của ông trong lĩnh vực đúc tămpua, đúc quả lô... đã mang lại nhiều lợi ích. Nhưng thời điểm đó, nghề đúc đồng thất thế, nghề đúc nhôm lên ngôi, cộng với các nghệ nhân đúc đồng dần dần khuất bóng, ông Khang trăn trở với ý định sẽ làm điều gì đó để nghề không bị mai một. Có lẽ, điều mà ông không thể quên là những ngày tháng lặn lội từ Bắc vào Nam, bước chân ông in dấu ở khắp làng nghề đúc đồng nổi tiếng như làng Vó (Bắc Ninh), làng Nôm (Hưng Yên)... để tầm sư học đạo. Đến khi làm ra được sản phẩm, không ít lần ông phải đạp xe mang hàng đi ký gửi tại các cửa hàng lưu niệm trong thành phố, thậm chí ông không dám quay lại vì hồi hộp, không biết số phận của chúng ra sao... Cuối cùng, niềm vui cũng đến với ông khi sản phẩm Khuê Văn Các và Trống đồng đã được chọn làm đồ lưu niệm cho các nguyên thủ quốc gia trong Hội nghị thượng đỉnh các nước sử dụng tiếng Pháp tổ chức tại Hà Nội năm 1997.

Ánh sáng nơi cuối đường

"Có dấn thân vào nghiệp đúc mới thấy hết gian truân. Nhưng chỉ lòng yêu nghề mới thấy hết vẻ đẹp toát ra từ mỗi tác phẩm", ông Khang tâm sự. Sau lần được bạn bè quốc tế biết đến, ông như được tiếp thêm nguồn sinh lực và bắt đầu đúc tượng nghệ thuật. Theo ông, cái khó nhất là, phải đúc thế nào để khi nhìn vào pho tượng, người ta thấy được cái thần, cái hồn toát ra từ tướng mạo của nhân vật. Say nghề, ông không từ chối bất kỳ yêu cầu nào của khách mà luôn cầu thị, tìm tòi, nghiên cứu để tác phẩm đạt tới sự hoàn hảo. Bởi vậy, tượng của các bậc tiền nhân như Hải Thượng

Lãn Ông Lê Hữu Trác, Tôn Thất Tùng, Hồ Đắc Di, Phan Bội Châu đều mang sắc thái riêng, toát lên được nét tinh, khí, thần. "Khó nhất là đúc tượng Bác Hồ", ông Khang tâm sự. Sau bao đêm trằn trọc mất ngủ, những tháng ngày vất vả tạo mẫu, lên khuôn, mài, giũa, tạo màu, ông Khang cũng hoàn thành pho tượng chân dung Bác cao 1, 6m đặt trong Văn phòng Chính phủ. "Hữu xạ tự nhiên hương", rất nhiều nơi tìm đến ông. Ở bảo tàng Phú Thọ, người ta vẫn trầm trồ trước bức tượng Bác bên những người lính (thể hiện chủ đề: Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước) nặng 2,5 tấn. Mới đây nhất, ông đã hoàn thành 150 bức tượng Sư tổ và các cố võ sư của phái Vịnh Xuân quyền, tạo được tiếng vang lớn trong giới đúc đồng. Mày mò, tự trau dồi kỹ thuật đúc hiện đại của nước ngoài, ông đã thành công trong việc tạo màu cho sản phẩm đồ đồng với tác phẩm pho tượng Phật Adiđà phát quang 7 màu tự nhiên đặt ở Thiền viện Trúc lâm Yên Tử. Sau này, bức tượng Quan âm nghìn tay, nghìn mắt của ông cũng đoạt giải thưởng Tinh hoa Việt Nam do Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch trao tặng.

Với tâm huyết và những đóng góp trong việc bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật dân tộc đặc sắc, năm 2003, UBND TP. Hà Nội đã phong tặng cho ông danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội. Và bây giờ, dù đã ở tuổi xưa nay hiếm, "đôi bàn tay vàng" ấy vẫn không ngơi nghỉ, vẫn cần mẫn bên từng tác phẩm, tạo ra nét đẹp cho đời.

Theo Thái Sơn - Báo Kinh tế nông thôn

Nghệ nhân Lê Minh Ngọc và ước mơ kỷ lục thế giới

Năm ngoái, chiếc lục bình cao 3,2m được khiêng từ làng cổ Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội) ra triển lãm tại Hà Nội đã khiến dân tình lắc đầu lè lưỡi. Bây giờ người ta lại đang bàn tán ầm ĩ, tay Ngọc "lọ" đó (tức nghệ nhân Lê Minh Ngọc) lại đang làm chiếc nữa "cao 5 mét", đã đổ "phơ" xong 2; "hắn" đang "đốt tiền"...

Sắp có một kỷ lục thế giới?

Khi chúng tôi đến xưởng của anh, những người thợ đang bắc thang... leo lên miệng khuôn! Chiếc khuôn khổng lồ, xung quanh được cuốn đến 1 tạ đai thép, có giàn giáo đỡ. Hai người thợ, một người tụt hẳn vào bên trong, một người ngồi vắt vẻo trên thành khuôn... Họ đang đập vỡ từng mảng thạch cao bị hỏng trong đó để chuyển ra ngoài giống như... dỡ gạch ra lò! Lại hỏng nữa sao? Công sức quần quật suốt 3 ngày qua thế là thành công dã tràng? - Chuyện nhỏ! Đây là lần hỏng thứ bốn mươi mốt kể từ đầu năm nay!

Thoạt nghe nhiều người tưởng làm chiếc bình lớn có gì khó, chẳng qua chỉ là một phiên bản phóng to của những

chiếc bình nhỏ vẫn được làm hàng loạt. Nhưng bản thân Lê Minh Ngọc - và cả cha anh, nghệ nhân Lê Minh Châu, người mà với chiếc bình nhỏ nhất trong xưởng cũng đến 1,05m, nghĩa là "to để đời" với nhiều xưởng khác trong làng - cũng phải lắc đầu lè lưỡi: "Từ kích cỡ 1,8m lên đến 2,5m là một thay đổi cách mạng! Chưa nói gì đến 3,2m như hai cái tôi làm năm trước, rồi 5m như bây giờ". Tại sao như vậy? - Thạch cao sống khi khô ngót đi 7-8%. Theo đó, nếu chiếc bình cao 1m thì khi khô đi, bình sẽ co mất 7-8 phân, không bị ảnh hưởng nhiều đến dáng bình. Nhưng lên đến 5m thì sai số rất lớn.

Khâu tạo hình tốn nhiều công sức nhất. Thành công trong khâu này coi như đã nắm chắc thắng lợi được đến 40%. Mà trong dáng bình thì điểm chốt, đòi hỏi sự nhạy cảm tinh tế nhất của nghệ nhân là ở vai bình. Đây cũng là nơi "khó tính" nhất, là "điểm chết" hay "khắc tinh" của hơn 40 chiếc bình bị hỏng kể từ khi Lê Minh Ngọc bắt tay vào làm (khởi công mùng 4 Tết Âm lịch). Khi bình ngót đi, chỗ vai bình bị rão ra khỏi khuôn sớm nhất, nó không được khuôn hút nước nữa, trở nên nhão và sụt xuống, trong khi những chỗ khác thì khô. Vài chục lần như vậy, nó đánh vào lòng kiên nhẫn và cả... túi tiền của chủ nhân. Theo Ngọc, mỗi lần đổ ra đổ vào như vậy tốn mất khoảng 1 triệu.

Quá trình nung là một nỗ lực không kém phần kỳ khu: là kỹ năng điều khiển nhiệt, gió, là nghệ thuật "kéo lửa". Khi cái vật được nung trong đó cao đến 5m, thì phải làm thế nào để cho cái vòi lửa bình thường chỉ cao đến 2m là cùng có thể phun lên bằng tầm. Làm thế nào để lửa đều, vì

ở gốc vòi lửa, nhiệt bao giờ cũng yếu hơn, nếu không phía trên miệng bình no lửa, già sùi lên mà bên dưới vẫn chưa chín! Một chiếc lò kích cỡ dài rộng 3m, cao 6,5m như cái Ngọc định xây cho chiếc bình đang làm hoàn toàn khác những lò nhỏ khác.

Lê Minh Ngọc tâm sự: "Tôi chỉ học hết lớp 12. Tự thấy mình không ứng dụng được khoa học vào trong công việc. Chỉ là kinh nghiệm, tự thân mày mò. Tôi đã đi được gần nửa chặng đường. Còn chặng cuối thì phải đợi đến lúc ra lò mới nói được, vì xương bình qua lửa có thể bị biến dạng".

Chàng trai trẻ sinh năm 1972 này đã trải qua kinh nghiệm đau đớn ấy mấy năm trước, khi anh làm chiếc bình cao 3,2m, cũng nổi tiếng không kém. Bốn chiếc đem nung, đến phút cuối cùng khi lấy ra, bị sập lò, vỡ mất hai. Cái lò trị giá 200 triệu bạc, ấy vậy mà vẫn gọi là "chưa đảm bảo về chất lượng nguyên liệu" (nhiều phụ liệu đốt lò phải nhập ngoại).

Người ta gọi tôi là ... "Ngọc lọ"!

Ấy là bởi vì anh chỉ làm lọ lục bình. Trong nhà nhìn đâu cũng thấy lọ, cái to cái nhỏ đứng lô nhô... Chiếc bình cao 3,2m đang trưng bày trong triển lãm Bát Tràng chào SEA Games từ 4-10/12 từng lập kỷ lục chiếc lục bình lớn nhất Việt Nam. Đi hết triển lãm này đến triển lãm khác, cuối cùng chúng lại quay về ngôi nhà của chủ nhân. Không phải vì không có ai hỏi mua. Một người Nhật Bản đã trả 20.000USD/chiếc. Một phụ nữ ở Phú Yên trả 20 triệu/chiếc (bà này mua về để đặt chơi trong tiền sảnh cao 8m của căn

nhà có tới 108 cái cửa của mình - quả là một căn nhà xây để dành cho chiếc bình của anh!). Nhưng Lê Minh Ngọc nhất định không bán, dù chỉ để lấy tiền "nuôi" cái bình cao 5m đang làm. Anh nói: "Tôi không muốn bán cho nước ngoài, cũng không định bán cho tư nhân. Công sức mình bỏ ra như thế hy vọng được đặt ở một nơi nào đó của quốc gia. Tôi làm việc này là vì danh dự, nghề nghiệp. Vì tôi thích!".

Thực ra anh còn làm việc này còn vì một điều, như anh cũng tự nhận, vì cái "thói tật" thích được hơn người! Ý tưởng làm chiếc bình khổng lồ đã đến với anh từ 13 năm nay: "Từ khi tôi được nghe nói về một chiếc bình của Trung Quốc, cao đến 3,6m, tôi đã nung nấu ý định phải làm một cái gì hoành tráng hơn nữa. Chiếc 3,2m chỉ là thử nghiệm. Nói thật, đến bây giờ tôi cũng không biết chính xác cái bình của Trung Quốc có thật hay không, nếu có dịp, cũng muốn đi xem thử một cái!". Nghệ nhân Lê Minh Châu, cha anh, đã làm một chiếc bình cao 1,75m. Đấy cũng là một khởi nguồn hứng thú của Ngọc, và ngày nay quả thực "hổ tử" này đã tiến những bước xa.

Hai chiếc bình "phơ" cao 5m giờ đã đứng sừng sững trong xưởng của Ngọc. Anh sẽ làm thêm 3 chiếc nữa trong năm nay, nung bốn, còn để lại một chiếc mộc để chơi. Sau khi nung, chiều cao bình sẽ giảm đi chút ít. Hoa văn trên bình dự kiến màu chàm cổ và sẽ không phải là phong cảnh chung chung, mà tái hiện lịch sử của dân tộc (nhân kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long HN) hoặc các cảnh đẹp của đất nước. Hiện nay kinh phí chưa đủ (cần khoảng 500 triệu)

nên Ngọc sẽ dời việc xây và đốt lò lại sang năm hay khi nào kiếm đủ tiền.

Ngồi với chúng tôi hơn một tiếng mà Ngọc "vê" đến năm bảy điếu thuốc lào, rồi cười cười nói: "Có người bảo tôi, chưa giàu mà đã đốt tiền. Ấy, tôi hồi nọ có cái tính cũng mê "đỏ đen", lấy vợ rồi cải tà quy chính, bỏ nhưng vẫn thèm, thế là "đánh bạc" bằng cách này vậy! Nếu được thì hay lắm, sẽ làm tiếp đến khi nào không thể làm được nữa thì thôi. Còn nếu thất bại... sợ không bao giờ gượng dậy được nữa".

Ra về, chúng tôi mong chàng quý tử "chưa giàu đã đốt tiền" của nghệ nhân Lê Minh Châu sớm có đủ tiền để xây lò, "nổi lửa". Từ nay đến lúc đó, các họa sĩ của anh sẽ bắc giàn giáo lên quanh bình để vẽ hoa văn!

Nghệ nhân mang 'hồn đất Việt'

Tinh tế trong từng nét vẽ, ấn tượng với những hình trang trí đắp nổi, đặc sắc với men gốm đặc trưng, sản phẩm gốm của anh không chỉ mang đậm truyền thống của làng gốm Bát Tràng hơn 600 năm, mà còn là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Anh là nghệ nhân Vũ Đức Thắng.

Nghệ nhân Vũ Đức Thắng nổi tiếng không chỉ trong làng gốm sứ truyền thống Bát Tràng mà cả trong giới nghệ thuật ở Hà Nội. Anh là nghệ nhân hiếm hoi của làng Bát Tràng từng tốt nghiệp Trường cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.

Hơn 40 năm gắn bó với nghề gia truyền, với anh, nghề luôn cho anh những cơ hội tìm tòi, những sáng tạo mới. Chắt lọc bí quyết kỹ thuật làm nghề truyền thống hoà trộn với phong cách mỹ thuật, tạo hình hiện đại, mang đến những sản phẩm gốm có "gu", có tính nghệ thuật cao.

Gốm mang tên "hồn đất Việt" là mạch nguồn để anh theo đuổi và là cảm hứng sáng tạo. Nhạy bén với sự cạnh tranh khá gay gắt của thị trường, từ cách đây hơn mười

năm, gia đình anh cũng là một trong những gia đình đầu tiên ở Bát Tràng áp dụng công nghệ mới vào nghề gốm, mạnh dạn đầu tư vốn xây dựng lò ga thay thế lò nung bằng than để tăng năng suất cũng như chất lượng sản phẩm.

Nghệ nhân Vũ Đức Thắng đặc biệt say mê sáng tác sản phẩm như lọ hoa, hũ, âu, chum, choé, với nhiều kiểu dáng, những nét vẽ cầu kỳ, những đường diềm tinh tế. Anh hay sử dụng các mô-típ như hoa cúc, hoa sen, nhất là cánh sen, các hoạ tiết tôm, cá, chuồn chuồn, cây rong, cây khoai nước sắp xếp trên bề mặt gốm, tạo nên sự nhẹ nhàng với những nét vẽ khoáng đạt, đầy rung cảm với thiên nhiên.

Những hoạ tiết gốm của nghệ nhân Vũ Đức Thắng không chỉ là sự độc đáo kỳ ảo từ chất liệu đất và men được "hoá" qua lửa mà còn là sự tái hiện nghệ thuật trên chất men nâu, đen, hay những mầu men trầm. Những men gốm đó thể hiện nét đặc trưng gốm mang tên "hồn đất Việt" của nghệ nhân Vũ Đức Thắng.

Hai năm lại đây, nghệ nhân Vũ Đức Thắng khá thành công trong việc sáng tạo các sản phẩm giả cổ, với hình dáng có khi cao ngang mặt người, nặng hàng tạ như lư hương, long đình, đài sen, chân đèn, bình vôi... Cũng với men lam, men xanh dương, men nâu nhưng "chất xương" của những sản phẩm này được nghệ nhân tính toán kỹ về độ co giãn khi nung. Phần lớn các đồ giả cổ được vuốt tay, rặn đắp và chạm khắc mới chỉ trong thời gian "thử nghiệm" nhưng đã được khách hàng nhiều nơi tìm đến đặt hàng.

Đến những ấn tượng của "Hồn đất Việt"

Giữa bộn bề những độc bình mới ra lò, chuẩn bị xuất xưởng, nghệ nhân Vũ Đức Thắng trực tiếp kiểm tra từng sản phẩm trước khi "đóng" hàng theo công-ten-nơ xuất khẩu đi Mỹ. Anh chia sẻ, đây là lô hàng chuẩn bị tham dự một hội chợ thường niên hàng thủ công mỹ nghệ có quy mô lớn ở nước này.

Với nét độc đáo gửi gắm trong từng đường nét, hoa văn, các sản phẩm gốm của nghệ nhân Vũ Đức Thắng được nhiều thị trường trong và ngoài nước chú ý, trong đó có những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và nhiều nước châu Âu.

Anh liên tục được nhận các giải thưởng như Bàn tay vàng (The Golden Hand Award) năm 1999, Giải bạc Ngôi sao Việt Nam tại Ngày hội hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2002, Giải Ngôi sao Việt Nam năm 2006, Giải sản phẩm tinh hoa làng nghề năm 2007...

Sau khi Vũ Đức Thắng được thành phố Hà Nội phong tặng danh hiệu nghệ nhân, đến năm 2007 anh được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam phong tặng Nghệ nhân làng nghề, một phần thưởng cao quý và xứng đáng cho người giàu sáng tạo, gìn giữ và phát triển nghề truyền thống. Những giải thưởng, bằng khen trở thành động lực thôi thúc anh có trách nhiệm hơn với sản phẩm của mình, hướng tới một nghệ thuật đích thực.

Cũng như các nghệ nhân Bát Tràng, nghệ nhân Vũ Đức Thắng đang cố gắng hoàn tất các sản phẩm kịp tham dự vào ngày hội kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đó là những chiếc chum lớn nổi bật với những nét đắp hình, những nét vẽ sắc sảo. Sự tinh tế của tác giả toát lên trên sản phẩm không chỉ ở hình thức mà nét độc đáo hơn là sản phẩm chính là bức tranh nghệ thuật mang hình ảnh quê hương và con người.

Đó là phong cảnh trữ tình của Hà Nội, từ chùa Một Cột đến Khuê Văn Các, từ liễu rủ Hồ Gươm đến đường Thanh Niên, từ cầu Thê Húc đến đảo Hoà Bình trong công viên Thống Nhất; hay những cảnh núi sông, từ sông Hồng đến sông Hương, từ vịnh Hạ Long, thác Bản Giốc đến dãy Trường Sơn; hay hình ảnh về từng giai đoạn lịch sử dân tộc... tất cả hiện lên sống động và lãng mạn trên chất men tự nhiên và sâu lắng.

Từ vài năm lại đây, khu đất rộng với ngôi nhà cổ mới xây, cửa hàng giới thiệu sản phẩm và cơ sở sản xuất của nghệ nhân Vũ Đức Thắng luôn là điểm dừng chân khá yêu thích của du khách trong và ngoài nước khi đến với Bát Tràng.

Năm nay, một vinh dự đến với nghệ nhân tài hoa ấy là khu đất này được Cục Di sản của Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch công nhận là một trong ba điểm đến hấp dẫn dành cho nghệ nhân làng gốm Bát Tràng. Với nghệ nhân Vũ Đức Thắng, những việc anh đã, đang và sẽ làm là giữ gìn nét

đẹp và tinh hoa của làng nghề. Anh được nhân dân làng nghề quý trọng vì những đóng góp cho việc tôn tạo ngôi đình làng khá quy mô và hoành tráng, nhằm tôn vinh truyền thống làng nghề gốm sứ hơn 600 năm của Hà Nội.

Theo Hà Nội Mới

Nghệ nhân năng động, sáng tạo của làng nghề Phú Vinh

Mặc dù sức khoẻ yếu và bị mất một chân do tai nạn bất ngờ từ năm 16 tuổi, ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1953 tại làng Phú Vinh, Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội vẫn trở thành một trong những nghệ nhân làm nghề mây tre đan nổi tiếng nhất cả nước. Không chỉ trực tiếp làm các sản phẩm như những người thợ thủ công khác, ông Vinh còn tích cực mày mò, nghiên cứu để cải tiến kỹ thuật, tìm những nguyên liệu mới thay thế nguyên liệu chính là mây đang ngày càng khó khai thác và đắt đỏ, đồng thời sáng tác nhiều mẫu mã mới phong phú, đa dạng và tiện dụng, được khách hàng nhiều nước trên thế giới ưa chuộng.

Vừa làm nghề, ông Trung vừa theo học Cao đẳng Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội (nay là Đại học Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội). Vốn tâm huyết với nghề, lại được đào tạo bài bản, ông đã tập hợp và biên soạn giáo trình dạy nghề mây tre đan cơ bản, một việc trước đây chưa từng ai làm. Giáo trình nhanh chóng được phổ biến rộng rãi và trở thành tài liệu quí giá trong việc phát triển nghề mây tre đan đến nhiều địa phương trong cả nước. Năm 1980, ông được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trao tặng danh hiệu

Tuổi trẻ sáng tạo và được công nhận là một trong hai nghệ nhân đầu tiên của miền Bắc. Ông Nguyễn Văn Trung cùng những người thợ giỏi của làng nghề Phú Vinh đã tích cực truyền nghề mây tre đan đến nhiều tỉnh, thành trên cả nước, trong đó nhiều người khuyết tật đã được học nghề, thành nghề và ổn định được cuộc sống. Đài Truyền hình Việt Nam (Chương trình VTV2) cũng mời nghệ nhân Nguyễn Văn Trung dạy nghề mây tre đan cơ bản và nâng cao qua truyền hình. Cảm phục tài năng của ông, Đại sứ quán các nước Cu Ba, Lào đã mời ông Trung sang dạy nghề cho nhân dân nước mình. Bên cạnh đó, ông còn mở tổ hợp sản xuất hàng mây tre đan ngay tại làng nghề Phú Vinh. Do hàng của tổ hợp thuộc loại cao cấp, mẫu mã luôn đổi mới nên có sức tiêu thụ lớn, được xuất khẩu sang hàng chục quốc gia trên thế giới, hàng làm không đủ đáp ứng nhu cầu của người mua. Năm 2004, doanh thu của tổ hợp là 1,2 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 120 người với thu nhập từ 600 nghìn đến 1,2 triệu đồng/người/tháng. Nhằm mở rộng qui mô sản xuất, ông Trung đã thành lập Công ty Mỹ nghệ Hoa Sơn. Cuối năm 2005, công ty sẽ đi vào hoạt động, chuyên làm các mặt hàng cao cấp và sẽ giải quyết được việc làm cho hàng trăm lao động.

Thảo Lan

Nghệ nhân nạm bạc

Nguyễn Đức Chỉnh quê ở làng Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sinh năm Mậu Thìn 1928, từ nhỏ Chỉnh đã được gia đình rèn cặp và cho học chữ Hán. Năm 1950, quê hương bị bom đạn giặc san bằng, ông phải long đong đó đây kiếm sống, cuối cùng dừng chân ở đất Hà Nội. Thời kỳ này, ông theo học các vị túc nho Ngô Lập Chi, Trần Lê Nhân, Hoàng Mậu Lâm.

Vào những năm tháng khó khăn, ông Chỉnh vừa học chữ vừa học nghề chạm bạc do một nghệ nhân người làng hướng dẫn. Bản tính chăm chỉ, lại sẵn lòng yêu thích, chẳng bao lâu ông đã học thành nghề. Từ năm 1960 ông nhận làm hàng gia công cho Nhà nước, đồng thời tự trau dồi nghề tinh xảo. Cuối năm 1985, tại Hội chợ triển lãm Kinh tế - Kỹ thuật toàn quốc, sản phẩm chạm bạc của ông được tặng Huy chương bạc. Năm 1986, với bộ "Nậm Rồng" và "Khay cốc nậm rượu", qua xét tuyển, ông đã được Nhà nước phong danh hiệu Nghệ nhân. Do có óc thẩm mỹ và trải quá trình rèn nghề, nhiều sản phẩm do ông sáng tác mẫu, thiết kế và chế tác đã đạt trình độ nghệ thuật. Đó là tráp bạc nặng 1kg, quanh chạm nhị thập bát tú, ở giữa nắp hộp chạm bát quái, tứ quý, tứ dân, ngư tiều canh mục. Gần

đây, ông hoàn thành hộp trang sức hình lục lăng. Trên nắp và chung quanh hộp chạm 6 cảnh mô tả sinh động 6 giai đoạn chính trong cuộc đời chìm nổi của Thúy Kiều.

Để nghề quý của cha ông khỏi bị mai một, trong mấy chục năm qua, ông Nguyễn Đức Chỉnh luôn có ý thức truyền nghề cho lớp người sau, dạy cho 16 người ở HTX Tinh Hoa, bổ túc tay nghề cho 5 người khác.

Kết hợp chạm khắc họa tiết hoa văn và thể hiện chữ Hán - Nôm trên các sản phẩm, ông mở các lớp học chữ này. Mỗi lớp có 8 người, tuổi đời từ 16 đến 70, có cả con gái, dâu, rể của ông.

Với riêng ông Chỉnh, dẫu đã có vốn chữ kha khá nhưng việc rèn chữ, rèn người vẫn không ngơi nghỉ. Mười năm trước, chiều thứ bảy hằng tuần, dù nắng hay mưa, bao giờ ông cũng có mặt đúng giờ cùng đồng môn ở lớp "Kế thuật trường" học cách viết chữ của nhà nho Lê Xuân Hòa. Để chắp cánh cho sự sáng tạo, ông sinh hoạt đều đặn ở tổ thơ Hán - Nôm Hà Nội. Cứ 6 tháng, sáng tác của tổ viên được tập hợp, tuyển chọn và in thành tập. Trong 17 số đặc san, ông nhận phần trình bày, minh họa và viết nguyên văn chữ Hán - Nôm cho 15 tập.

Năm 2000, kỷ niệm 990 Thăng Long - Hà Nội, tổ thơ Hán - Nôm biên soạn và xuất bản Song ngữ Hán - Việt thi tập 1 (NXB Thanh Niên). Năm 2002 kỷ niệm 10 năm thành lập tổ thơ, tập 2 được NXB Lao động ấn hành. Ở cả hai tập, ông Chỉnh không chỉ trình bày mà còn viết nguyên văn chữ

Hán các câu đối, các bài thơ với thể chữ chân ngay thẳng, mực thước.

Tôi đến số 3 ngách 10, ngõ Mai Hương (phố Bạch Mai) tìm hiểu cuộc đời vị nghệ nhân lão thành. Trò chuyện mới biết, với nghề chạm bạc ông cũng trải lắm gian truân. Nhưng dù gặp hoàn cảnh nào ông vẫn cùng con cháu kiên tâm, chăm chút với nghề. Bằng những đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật đặc sắc này, tháng 1-1999 Chương trình nghệ thuật Đông Dương đã tặng ông Giải thưởng Bàn tay vàng. Tháng 10-2000 tại Triển lãm "Nghề thủ công truyền thống Thăng Long - Hà Nội" ông được Bộ trưởng Bộ VHTT tặng bằng khen. Từ năm 2003, ở tuổi 76 ông đã ngơi tay ve, chuyển sang thể hiện nghệ thuật thư pháp trên các chất liệu.

Hơn 20 năm qua, ông đã viết hàng trăm đại tự, câu đối ca ngợi công tích các anh hùng dân tộc, tổ nghề, người có công khai ấp mở làng. Thể hiện lòng hiếu thảo với mẹ kính yêu, vào dịp thân mẫu 70, 80, 90 tuổi ông viết "Trướng mừng thọ mẹ" trên gấm màu hồng. Năm 2000, nhà thư pháp Lê Xuân Hòa 90 tuổi, ông thay mặt các môn sinh viết trướng mừng, được cụ treo ở vị trí trang trọng tại phòng khách.

Với Hà Nội, ông dành sự trân trọng đặc biệt. Đánh dấu mốc son mở đầu sự phát triển diệu kỳ, ông thể hiện bản Thiên đô chiếu 216 chữ của Lý Thái Tổ trên giấy hoa gấm khổ 18 x 110cm. Biết ơn các vị Tổng đốc anh hùng, ông đã dành tâm huyết thể hiện hoành phi câu đối ca ngợi khí tiết Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu (Lời văn của GS Vũ

Khiêu). Hiện câu đối và đại tự đã được khắc lên gỗ sơn son và treo ở nơi thờ các vị ở trong Thành cổ. Cảm mến tài năng và đức độ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ngày 1-2-2001 ông cùng một số thành viên tổ thơ Hán - Nôm Hà Nội đến nhà riêng mừng thọ Võ Đại tướng 90 tuổi. Quà tặng của ông là câu đối viết trên giấy hồng:

Cửu tải lịch gian nguy,
nhất chiến công thành, ưu thắng sử;

Thiên niên tân vận hội,
toàn dân hoan tấu thái bình ca.

Dịch:

Chín năm kháng chiến gian lao,
một trận thành công ngời sử sách;

Thiên kỷ mở đầu vận hội,
toàn dân vui hát khúc thanh bình.

Năm 2004, nghệ nhân Nguyễn Đức Chỉnh đã bước sang tuổi 77 nhưng ông vẫn giữ được tâm hồn trong sáng, nếp sống bình dị. Cốt cách và khí lực ấy được ông hằng ngày thể hiện ra nét chữ, lời văn.

Cùng với thư pháp gia Lê Xuân Hòa, Nguyễn Văn Bách, nghệ thuật thư pháp của Nguyễn Đức Chỉnh tạo được vẻ riêng, góp phần tô thêm nét tinh hoa của văn hóa Hà Nội ngàn năm.

Nghệ nhân Đỗ Đình Được

Làng Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội xưa nay luôn tự hào về những dòng sản phẩm thổ cẩm của mình. Cũng như nhiều thế hệ sinh ra và trưởng thành từ làng nghề truyền thống, nghệ nhân Đỗ Đình Được đã ngấm cái nghề dệt thổ cẩm của cha ông, đeo đẳng mãi với nghề cho đến khi đã qua tuổi "thất thập cổ lai hy"...

Trong căn nhà nhỏ dân dã, giản dị, ông Đỗ Đình Được đã tiếp chúng tôi bằng một câu chuyện rất hấp dẫn về nghề dệt thổ cẩm của làng mình xưa và niềm tự hào đối với những sản phẩm mà tự ông làm ra. Sinh ra và lớn lên trong gia đình có ông bà, cha mẹ đều gắn bó với nghề dệt ở làng Triều Khúc, từ nhỏ, ông đã được làm quen với sợi thô, sợi sần, dệt lĩnh, dệt lụa...

Bước vào tuổi trưởng thành, là sinh viên trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội, sau đó làm giảng viên tại trường, ông quan tâm nhiều đến các dòng thổ cẩm ở khắp các vùng miền trên cả nước. Đặc biệt, tại vùng Tây Bắc, nơi có đồng bào dân tộc Mường, Dao, Tày... sinh sống, những chuyến đi dài ngày, ăn ở cùng đồng bào miền núi đã giúp ông yêu mến thiên nhiên, con người nơi đây, "ngấm" những nét văn hóa truyền thống trên các sản phẩm thổ cẩm của đồng bào các dân tộc.

Ông đã bỏ sức học hỏi, nghiên cứu các phương thức chiết xuất màu nhuộm, nguyên liệu làm sợi, cách dệt thổ cẩm của bà con dân tộc thiểu số.

Ông Được cho biết, sự khác biệt giữa thổ cẩm Hà Nội với các vùng miền khác được thể hiện trong cách pha trộn màu sắc, sự cách điệu, bố cục trình bày và độ bền chắc của tấm thổ cẩm. Đồng bào dân tộc thiểu số thích màu sặc sỡ, các màu gốc như đỏ chói, xanh chói, vàng chói..., còn người Hà Nội thường ưa màu nhẹ nhàng, trầm dịu. Cách bố cục, cách điệu hoa văn trên những sản phẩm thổ cẩm Hà Nội cũng đòi hỏi sự tinh xảo, sống động và có hồn hơn.

Nắm vững những đặc trưng đó, khi nhuộm màu sợi vải, ông không nhuộm nguyên màu gốc mà tìm công thức pha trộn sao ra màu phù hợp với "gu" của người Hà Nội. Ông luôn cố gắng đưa ra những đường nét hoa văn sinh động, độc đáo, lạ mắt. Trong quá trình dệt, ông áp dụng một phần máy móc hiện đại sản xuất ra những sợi tơ chuốt, mềm, đều hơn, khi dệt ít bị lỗi. Ông tâm sự: "Muốn có những tấm thổ cẩm đẹp phải ấp ủ ý tưởng, chọn nguyên vật liệu, tìm công thức pha trộn màu, phối màu, gia công dệt công phu. Mỗi tấm thổ cẩm không đơn thuần là sản phẩm lao động giản đơn mà còn là sản phẩm tinh thần, một sự sáng tạo mang đậm nét văn hóa dân tộc. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống đòi hỏi sự tỉ mỉ, cẩn thận trong từng chi tiết. Hoa văn, họa tiết phải trực tiếp do chính bàn tay con người dệt nên...". Khó khăn, vất vả là vậy nhưng bởi có duyên với nghề và cũng để giữ gìn lấy cái nghề truyền thống của làng, hàng đêm, ông vẫn ngồi bên chiếc bàn nhỏ nghiên

cứu những mẫu thổ cẩm mới. Chính vì vậy, các sản phẩm thổ cẩm của ông ra đời được nhiều khách hàng trong và ngoài nước ưa thích. Các sản phẩm thổ cẩm của ông từng được sử dụng làm đồ trang trí cho các công trình nội thất trong các nhà khách Trung ương Đảng, Bộ Ngoại giao..., tham gia triển lãm hội chợ ở các nước Đức, Ba Lan, Nhật Bản... Mới đây, ông còn tặng Bảo tàng Lịch sử Việt Nam công cụ và sản phẩm dệt thổ cẩm để lưu giữ phục vụ cho Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Ở tuổi 75, nhưng cái hồn nghệ sĩ Hà thành vẫn còn cháy bỏng trong ông. Mỗi sản phẩm thổ cẩm của ông là một tác phẩm nghệ thuật ẩn chứa bao điều.

Theo Báo Ảnh Việt Nam

Nghệ nhân đóng loa đất Hà Thành

Gần 60 tuổi, ông Hiên là một trong số hiếm những nghệ nhân đóng thùng loa đầy đam mê ở đất Hà Thành.

Đến với nghề từ năm 1979, ông đã đưa vào các tác phẩm loa không chỉ kỹ năng, sự tính toán chính xác của một thợ mộc mà còn chất lên đó những ưu tư, trải nghiệm của một nhà văn, họa sĩ.

Ông kể, các tay chơi loa đều là những người có tiền nhưng sau khi họ chơi đến "đỉnh" với những loại loa đắt giá của nước ngoài thì lại tìm đến đây. Thùng loa trầm đóng vai trò rất quan trọng trong một hệ thống loa. Ví dụ, có người bỏ tiền mua bộ loa 68.000 USD, trong đó giá trị của "củ loa" - trung tâm điều khiển âm thanh - khoảng 10.000 USD hay bộ 10.000 USD thì "củ" khoảng 2.000 USD, còn lại là giá trị thùng do nghệ nhân đóng bằng tay. Các hãng sản xuất của nước ngoài thì chỉ làm vài bộ đặc biệt cho một dòng sản phẩm để phục vụ người nghe chuyên nghiệp với thiết kế thùng tỉ mỉ, công phu. Do đó, khách thường mang "củ" đến để nhờ bác gióng thùng.

Mỗi củ khác nhau thì thiết kế thùng lại khác và cũng "củ" đó nhưng thiết kế thùng biến đổi lại cho ra một thế giới âm thanh hoàn toàn mới lạ. Người nghệ nhân này cho biết điều quan trọng trong khi chế tạo loa là làm sao cho các đường âm thanh không bị va đập nhau trên hành trình của chúng rồi tụ lại ở một điểm, khiến loa tái tạo âm chính xác của tiếng người, tiếng kèn, đàn piano, guitar... một cách tách biệt, không nhập nhằng.

Điều tinh túy nhất trong thiết kế chính là ma trận bên trong. Âm thanh sẽ được dẫn đi qua các vách ngăn bằng gỗ dạng zíc zắc rồi ra "lỗ thông hơi" ở mặt sau là nơi thể hiện âm trầm một cách sâu lắng nhất. Nhưng để đạt đến độ sâu lắng này, người nghệ sĩ phải mất 20 ngày để nghe thử và chỉnh thùng, trong khi quá trình đóng trước đó chỉ khoảng 10 đến 15 ngày. "Nhiều đêm tôi mất ngủ, rồi bật tiếng bass lên đánh sầm một cái là biết hỏng hay thành công" ông Hiên bày tỏ. "Người ta có thể thử bằng nhiều thể loại nhạc khác nhau nhưng rồi cũng phải quay về với nhạc cổ điển. Bộ loa nào truyền tải được sự bao la của nhạc Mozart, Beethoven... thì được coi là đạt".

Loại gỗ sử dụng để đóng thùng là dăm bào ép đưa về từ Mỹ, Đức hay Canada, ông không dùng loại khác vì dăm bào có khả năng chịu đựng thời tiết ẩm ở Việt Nam, không cong vênh, không mối mọt. Sau khi được tiện và lắp ghép bằng keo đặc biệt, chúng tiếp tục nhận lớp phủ bằng sơn loại tốt và lưu giữ màu vàng nguyên bản. "Nhiều người mới đầu không thích màu này và muốn bọc bằng gỗ lạng nhưng gỗ đó chỉ sau một năm là bị bong", nghệ nhân cho biết.

"Loa cốt yếu là hay chứ không phải là đẹp, hay là chủ yếu còn đẹp là về sau".

Với tay nghề của một người làm mỹ thuật, bác Hiên có thể đặt lên thùng loa các trang trí đặc biệt bằng sơn mài, gỗ lũa, đưa vào mồm loa kèn màu xanh gỉ đồng và dát vàng 98, 99 lên đó. Nhưng sự tốn kém chỉ dành cho nhà giàu, còn người chơi loa vì yêu âm thanh thì chỉ cần dừng ở mức mộc mạc nhất.

Khi hiểu điều này, các tay chơi loa mới cảm nhận được vẻ đẹp của thùng loa mang chữ ký của ông Hiên "già". Khách của ông đến từ khắp nơi ở Hà Nội, TP HCM, Đà Lạt, Vũng Tàu, Nam Định... và các cặp loa nặng cả trăm cân ông đóng còn được chu du sang Đức, Mỹ... "Điều vui nhất của tôi là loa đóng xong cho khách thì không bị trao đổi trên thị trường, có nghĩa là họ yêu thích thì họ mới giữ lại để thưởng thức", ông tâm sự.

Anh em chơi loa đều trìu mến gọi người nghệ sĩ này là anh, là bác Hiên "già" và luôn tìm đến xưởng loa ở làng Yên Phụ với chén thơ, bầu rượu. "Những người đến với âm thanh chơi với nhau tốt lắm. Người nào chưa tốt khi tìm đến âm nhạc thì trở nên tốt hơn bởi cốt lõi của thú chơi này là hiếu nhạc chứ không phải so đồ với nhau", nghệ sĩ cho hay. "Nếu không có sợi dây loa giá vài nghìn đô thì cứ chơi bằng dây điện, miễn sao cái tai cảm nhận được vẻ đẹp của âm nhạc và thấy tâm hồn mình thánh thiện".

Theo Sohoa.net

Nghệ nhân tranh ghép hoa lá khô và những tác phẩm cho ngày Đại lễ

Hơn 5 năm mới gặp lại ông, nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu đã thay đổi nhiều, duy chỉ có niềm đam mê với nghệ thuật tranh ghép lá và làm hoa khô không hề thay đổi. Ông vẫn nhiệt huyết, say sưa kể không dứt về cách thức giữ màu cho hoa lá, về nét đặc sắc tranh lá khô, về những ý tưởng sáng tạo. Chuẩn bị cho Đại lễ Hà Nội 1.000 năm tuổi, nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu đang ấp ủ dự định triển lãm hàng loạt tác phẩm tranh ghép lá và hoa khô thật độc đáo, cũng là bày tỏ tình yêu với mảnh đất nghìn năm văn hiến này.

Theo dòng hồi tưởng, nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu hào hứng kể cho chúng tôi nghe cơ duyên đến với dòng tranh ghép hoa lá, một niềm đam mê theo đuổi ông từ khi còn là cậu sinh viên Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Tới cuối những năm 90 của thế kỷ trước, dòng tranh lá khô của ông xuất hiện tạo ra một nghệ thuật tranh mới, giản dị nhưng vô cùng đặc sắc, tinh tế, cuốn hút không ít người yêu tranh. Chính bởi thế, người ta gọi ông là ông tổ của dòng tranh hoa lá khô Việt Nam và ông cũng là một trong 14 nghệ nhân Hà Nội đang được đề nghị công nhận nghệ nhân ưu

tú. Ông cho biết: "Tranh ghép hoa lá khô có một giá trị đẹp bởi được làm nên từ chất liệu thiên nhiên, bắt ánh sáng do vậy nhìn vào tranh lá có sự êm dịu, gần gũi".

Từ một kỹ sư nông nghiệp, rồi rẽ sang con đường nghệ thuật, đối với nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu đó không phải là sự trái ngược mà được lý giải khi người ta đạt đến một trình độ nhất định thì mọi nghệ thuật được hòa quyện với nhau. Dù chưa một ngày học qua trường lớp hội họa nhưng các bức tranh hoa lá khô đều có cái "thần" rất riêng, chuyển tải được sức sống của thiên nhiên, con người và cuộc sống. Đó cũng là sự kết tinh từ tình yêu thiên nhiên, yêu nghệ thuật được hun đúc từ nhỏ trong con người nghệ nhân.

Qua hàng chục năm gắn bó với dòng tranh đặc biệt này, trình độ sáng tạo tranh ghép hoa lá khô của nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu đạt đến trình độ hoàn hảo và không có đề tài nào ông phải bó tay. Ví như tranh sáng tạo chân dung, làm thế nào để chuyển tải được tâm hồn nhân vật, những suy tư hay niềm vui ánh trên khuôn mặt họ để thật chuẩn với khuôn mẫu thì người làm tranh phải xử lý thật nhuần nhuyễn trong từng nét cắt dán, pha trộn màu và đó là một công việc đầy gian nan. Đặc biệt là các bức tranh nổi tiếng thế giới như: *Mùa thu vàng* của Lévitan, của Ostrukhok hay *Mùa xuân và con nước* cũng của Lévitan... ông đều sáng tác giống tựa nguyên bản, khiến người xem đều thán phục. Các bức tranh ông sáng tạo về đề tài truyền thống như: *Làng Mông Phụ, Tĩnh Vật, Cô gái và lồng chim, Chơi ô ăn quan, tranh Đông Hồ, phố cổ Hà Nội, hồ Hoàn Kiếm*... là

những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ cao, người xem cảm nhận được cả bề rộng, chiều sâu và cái hồn của bức tranh.

Nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu giảng giải: "Muốn làm một bức tranh phải hiểu bức tranh đó nói gì, hồn ở đâu và có khi phải ngồi trước nó một hai tiếng đồng hồ để tìm ra điều đó. Ngoài việc làm giống nguyên mẫu, tranh lá phải có lối đi riêng, là sự độc lập với các dòng tranh khác, có nghĩa là sự sáng tạo lần hai".

Nghệ nhân cũng cho biết, khi dán lá, không đơn thuần là sự chắp vá thô sơ của những góc lá rách mà phải có sự phối màu chặt chẽ tạo sự mềm mại, sâu lắng cho từng bức tranh. Một bức tranh vẽ màu thì đơn giản nhưng khi xé lá nọ đè lá kia tạo thành màu trung gian và chi tiết từng tranh thì phải nhuần nhuyễn về kỹ thuật và phải hiểu cái thần của lá. Bởi vậy, từ những vết tróc lở của mảng tường, những mảng rêu phủ trong bức tranh *Làng Mông Phụ*, hay hình mây in bóng nước trong bức tranh *Mùa thu vàng*, những gợn sóng lăn tăn của mặt hồ Gươm đều được ông chuyển tải thành công.

Dẫn khách thăm phòng trưng bày tranh lá và các loại hoa khô tại gia, nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu phấn khởi chỉ cho chúng tôi xem những tác phẩm chuẩn bị cho dịp Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đó là các bức tranh thể hiện giá trị văn hóa, lịch sử thông qua các di tích, danh thắng của Hà Nội, ví dụ như bức tranh phố Hàng Bạc năm 1938. Lần này, nghệ nhân sẽ giới thiệu đến công chúng Hà Nội những sản phẩm mới lần đầu tiên xuất hiện như hoa rừng Tây Nguyên, hoa sen, hướng dương, hoa làm

từ hoa vừng... Ông cho biết: các tác phẩm này đều là sự thăng hoa của xúc cảm nên rất mãn nguyện về chúng. Từ nay tới ngày Đại lễ, ông tiếp tục sáng tác để trong dịp triển lãm ông sẽ có một khối lượng phong phú các tác phẩm về hoa lá khô, giới thiệu những tinh hoa văn hóa của nghề thủ công độc đáo ở Hà Nội.

Nghệ nhân Nguyễn Bá Mưu khẳng định: tuổi thọ mỗi bức tranh hoa lá khô của ông là sự vĩnh cửu nhờ kỹ thuật giữ màu ông tự nghiên cứu. "Bộ từ điển sống" về hoa lá, các sắc tố của chúng và kiến thức khoa học về quy trình tách chất đường, bột, mỡ ra khỏi lá, cách nhuộm màu để giữ độ bền đã tạo cho những bức tranh hay lọ hoa ông làm ra đều có sự tự nhiên nhưng không kém phần trang trọng. Hiện nay, nghệ nhân không đi theo hướng kinh doanh do điều kiện sức khỏe mà ông chuyển hướng sang truyền nghề cho thế hệ trẻ. Rất nhiều người trưởng thành từ "lò" dạy làm hoa khô, tranh lá của ông; đặc biệt ông còn tích cực dạy nghề cho đối tượng người tàn tật, câm điếc để tạo một cuộc sống tốt cho họ.

Theo Thông tấn xã Việt Nam

Nghệ nhân Trịnh Thục Bằng: Tươi trẻ mãi cùng hoa

Nếu như rất nhiều sản phẩm hoa lụa trên thị trường chỉ đẹp thì hoa của bà vừa đẹp vừa mang một cái hồn rất riêng. Nếu hoa của nhiều người làm ra có màu sắc rất rực rỡ thì hoa của bà càng nhìn càng thấy ấm áp, man mác chiều sâu của cảm xúc. Những người yêu nghệ thuật hoa lụa đều có chung cảm nhận như vậy khi đã một lần được chiêm ngưỡng các sản phẩm hoa nghệ thuật của nghệ nhân Trịnh Thục Bằng.

Tốt nghiệp ngành kinh tế chế tạo máy nhưng theo nghệ nhân Thục Bằng đó chính là lợi thế để sau này bà theo đuổi nghệ thuật làm hoa lụa. Bởi vì nhờ những hiểu biết căn bản về kỹ thuật lắp ghép và hoá màu nên bà có thể dễ dàng hình dung được một bản vẽ trừu tượng. Vì vậy mà những ngày được UBND quận Hoàn Kiếm giao nhiệm vụ mở trường giáo dục trẻ em lang thang hư hỏng dù không trực tiếp đứng lớp giảng dạy nghề làm hoa lụa, thêu và may cho các em nhưng bà đã rất chú ý và yêu mến nghệ thuật độc đáo này. Mãi tới khi về hưu (năm 1980), bà mới thực sự được giành tất cả tâm huyết cho nghệ thuật làm hoa lụa. Để có kiến thức căn bản về nghề làm hoa lụa, bà đã đi lang thang khắp các cửa hàng sách cũ trong thành phố để tìm mua các cuốn sách dạy làm hoa và cắm hoa của các nước về mày

mò, nghiền ngẫm. Của đáng tội, những cuốn sách này lại toàn viết bằng tiếng Nga, Nhật và Pháp nên hầu như phần thuyết minh không giúp gì cho bà. Nhưng sự nhạy cảm của người say mê hoa nghệ thuật đã chỉ dẫn cho bà có thể hiểu được những hình ảnh minh hoạ. Từ những hình ảnh này, bà đã ngày đêm cắt tỉa, tạo dáng để cuối cùng cho ra những cành hoa thật ưng ý. Đem vận dụng những chất liệu có sẵn ở trong nước như giấy, lụa, sa tanh, xoa, nhung... làm hoa, bà tìm thấy một vẻ đẹp thật quyến rũ của hoa lụa nghệ thuật. Bà tâm sự rất thật: "Cũng chỉ vì cái tội mua quá nhiều sách mà có những lúc gia đình tôi đã phải... treo niêu".

Đất nước Việt Nam có muôn hồng nghìn tía thì ngần ấy loài hoa đã qua tay nghệ nhân Trịnh Thục Bằng để thành những bông hoa mãi mãi không tàn. Những loài hoa vương giả mà độc đáo ít phổ biến như hoa phăng xê, hoa lan vũ nữ.... được bà dành cho một tình cảm đặc biệt. Tuy nhiên, những tác phẩm hoa nghệ thuật đã đem về cho bà 18 huy chương vàng, bạc, đồng tại các kỳ hội chợ đều được cách điệu từ những loài hoa gần gũi và giản dị nhất như hoa bươm bướm, cúc tím, vông vang, trinh nữ, rạng đông, hoa giấy... Mỗi loài hoa được làm từ một chất liệu vải thích hợp, nhưng khó nhất theo nghệ nhân Trinh Thục Bằng là làm hoa hồng, thược dược, hài vệ nữ ... bằng chất liệu nhung. Đây là chất liệu dày, khó hồ do đó người thợ phải thật khéo léo để miếng vải vừa dày mà không cứng, bông hoa được tạo nên không đơn điệu, vô hồn. Bí quyết để làm được những bông hoa lụa nghệ thuật đẹp mà nghệ nhân Thục Bằng thực sự tâm đắc là phải hiểu rõ màu sắc, đặc điểm, ý nghĩa ... của mỗi loài hoa. Chẳng thế mà, trước khi

bắt tay vào làm một loài hoa mới, bà đã ngồi hàng giờ để ngắm và "bắt" cho được hồn vía của cây hoa. Tuy nhiên, khi tái hiện mỗi loài hoa bà thường cách điệu để thân, thế cây hoa khác bông hoa thật một chút, để bông hoa duyên dáng hơn, gần gũi con người hơn. Chính vì thế mà để luôn có được cảm xúc khi thể hiện tác phẩm, nghệ nhân Thục Bằng đã giành mọi thời gian rảnh rỗi đi khắp các nẻo đường đất nước để thoả thích ngắm nhìn các loài hoa. Địa điểm du lịch yêu thích nhất của bà là thành phố Đà Lạt, nơi cho bà nguồn cảm xúc vô tận về vẻ đẹp của ngàn hoa.

Điều dễ nhận thấy ở người nghệ nhân 77 tuổi này là một con người rất vui tính và luôn luôn vui cười. Bà nói rằng, khi làm hoa lụa dù buồn đến mấy cũng thấy vui vì tâm hồn luôn hướng đến cái đẹp. Bởi thế mà bà luôn giành mọi thời gian có thể để đến các trường học, câu lạc bộ truyền dạy nghệ thuật làm hoa lụa. Mỗi khoá học là một lần bà truyền thụ tới học viên tình yêu thiên nhiên và cái đẹp. Bà luôn mong muốn nghệ thuật làm hoa lụa được gìn giữ để truyền lại cho các thế hệ kế cận. Hoa lụa Việt Nam phần lớn được làm bằng tay nên có vẻ đẹp độc đáo, mềm mại hơn hẳn hoa lụa làm công nghiệp của các nước. Đó là ưu thế vượt trội của hoa lụa Việt Nam. Cũng theo bà, nghề làm hoa lụa rất thích hợp với những người khuyết tật, các phạm nhân vì nó là cách ngắn nhất để đưa con người đến với cái đẹp, cái thiện, nâng đỡ con người trong cuộc sống, đồng thời đem lại công ăn việc làm cho họ nhằm giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Theo Hà Nội mới

Người nghệ nhân tâm huyết đan tranh Bác Hồ

Hình ảnh Bác Hồ đã được các hoạ sỹ trong và ngoài nước thể hiện rất nhiều; các nghệ nhân cũng đã từng thể hiện chân dung Bác trên nhiều chất liệu truyền thống như tranh tre, thảm len, gốm sứ...

Nhưng thể hiện chân dung Bác bằng đan mây thì mới chỉ có ở làng nghề Phú Vinh, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội mà nghệ nhân Nguyễn Văn Trung có lẽ là người thành công nhất.

Đã ở tuổi 56, có thâm niên mấy chục năm với nghề đan tre mây này nhưng ông Trung cho rằng, những bức tranh Bác Hồ đan bằng mây mới là tài sản lớn nhất của đời ông. Những sợi mây thô cứng qua bàn tay tài hoa của ông trở nên óng chuốt và tạo thành các tác phẩm mang tính nghệ thuật cao với những đường nét rất tinh tế.

Nghệ nhân Nguyễn Văn Trung cho biết, gần 200 bức tranh chân dung Bác do chính tay ông thể hiện đều vào thời gian sau khi Bác mất. Nhiều người đến đặt ông đan chân dung Bác để đặt lên bàn thờ hoặc tặng cho người thân.

Ông Trung tâm sự: "Thể hiện chân dung Bác rất khó, mà khó nhất là thể hiện đôi mắt của Bác. Làm sao vừa thể

hiện đúng đôi mắt sáng, tinh anh của Người nhưng lại phải phù hợp với từng hoàn cảnh.

Chân dung Bác để thờ thì đôi mắt hiền từ, sâu thẳm, tình cảm. Nhưng vẫn hình ảnh Bác, trong bức tranh đang hành quân thì đôi mắt lại nhìn thẳng phía trước, thể hiện một một tinh thần kiên quyết, cương nghị, một ý chí không gì lay chuyển; còn với bức chân dung Bác ngồi trên chiếc ghế mây thì ánh mắt lại xa xăm nhớ đến đồng bào miền Nam...

Trước khi đan chân dung Bác, tôi phải thật tập trung nghe những yêu cầu của khách hàng. Lại còn phải tìm đọc những bài báo viết về xuất xứ những bức ảnh làm mẫu đó. Những yêu cầu đặt hàng rất cao, nhưng cao hơn hết là tấm lòng thành kính đối với Bác nên cứ mỗi lần được thể hiện hình ảnh Bác bằng chất liệu truyền thống của quê hương mình là tôi cảm thấy có cái gì đó thật khó tả, thật thiêng liêng. Vì vậy, khách hàng nào cũng hài lòng với bức chân dung mà tôi dành hết tâm huyết hoàn thành".

Đến tận bây giờ ông Trung vẫn còn xúc động khi nói về kỷ niệm lần đầu tiên được thực hiện bức tranh "Bác Hồ trên đường đi công tác ở Pác Bó" với kích thước 60x80cm. Ông kể: "Lúc đó, nhận được đơn đặt hàng, tôi lo lắm, không biết mình có hoàn thành được không. Tự tay tôi chọn từng sợi mây, chẻ, chuốt, phơi sấy... Chỉ cần một sơ suất nhỏ trong kỹ thuật phơi sấy là sẽ làm hỏng cả tác phẩm.

Suốt hai năm trời miệt mài suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, cuối cùng tôi đã hoàn thành và thành công vượt quá sự mong đợi. Bức tranh đó đã được trao Huy chương Vàng tại

Hội chợ kinh tế kỹ thuật Việt Nam năm 1980. Và tôi vinh dự được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (cũ) công nhận là nghệ nhân".

Sinh năm 1953, lên bảy, tám tuổi Nguyễn Văn Trung đã được các cụ trong làng khen khéo tay, hay làm. Chẳng may năm 14 tuổi, Nguyễn Văn Trung bị một cơn bạo bệnh phải nằm liệt giường 3 năm liền. Với nghị lực phi thường, Trung đã tự tập luyện để tự ngồi dậy được.

Mẹ ông mừng rơi nước mắt khi thấy con mình lại bắt đầu chập chững tập đi sau những năm ròng vừa chăm cho con vừa nuốt nước mắt vào trong. Chẳng được lành lặn như chúng bạn, chân phải của ông đã bị co rút lại nên đi lại rất khó khăn.

Nhưng vượt qua mặc cảm, tự ti, Nguyễn Văn Trung lại ngồi đan được những chiếc rổ, chiếc rá, làn mây truyền thống như trước đây. Anh vẫn đau đáu phải làm gì đó để báo đáp lại công ơn người sinh thành ra anh hai lần.

Cứ thế, ngày này sang tháng khác, mỗi sản phẩm của ông làm ra đều mang tính nghệ thuật cao. Bước ngoặt đầu tiên hướng cuộc đời ông gắn bó với những sợi mây óng chuốt là vào năm 1973, khi ông giật giải nhất trong cuộc thi tay nghề của làng tự tổ chức mỗi năm một lần.

Sau đó, ông được bầu vào Ban quản lý Hợp tác xã mây tre đan Phú Vinh phụ trách kỹ thuật. Vị trí này giúp ông có nhiều cơ hội truyền nghề không chỉ cho người trong làng mà bất kể người xã nào đến học.

Thế nhưng mãi đến năm 2007, sau nhiều năm ra nước ngoài làm chuyên gia cũng như tự đi tiếp thị, tìm thị trường, bán hàng, ông mới thực hiện được ước mơ của mình, đó là thành lập Trung tâm dạy nghề tư thục mây tre đan Phú Vinh. Đến nay, hơn 500 học viên đã được đào tạo qua Trung tâm, trong đó có nhiều em khuyết tật.

Ông tâm sự: "Bản thân mình cũng là người khuyết tật nên rất thông cảm với những người có số phận không may mắn. Vì vậy những người khuyết tật đến đây học đều được miễn phí. Nếu họ có nhu cầu ở lại công ty làm việc, mình sẵn sàng tiếp nhận".

Giới thiệu bức chân dung Bác kích thước 2,1x1,6m đặt nơi trang trọng trong nhà xưởng của mình, ông Trung cho biết, đây là bức chân dung Bác lớn nhất do tự tay ông làm, hoàn thành vào đúng dịp 115 ngày sinh của Bác (tháng 5/2005) và được Bộ Văn hóa - Thông tin lúc đó mượn để rước diễu hành quanh Bờ Hồ nhân dịp kỷ niệm ngày sinh nhật của Người.

"Với tôi, bức chân dung này rất có ý nghĩa. Tôi muốn mỗi công nhân của công ty tôi lúc nào cũng như thấy Bác ở bên" - ông xúc động nói.

Theo Thông tấn xã Việt Nam

Người đúc tượng Bác Hồ nhiều nhất Việt Nam

Dân trong làng Ngũ Xã, Ba Đình (Hà Nội), nói nhiều đến ông Nguyễn Văn Ứng vì cái tài đúc tượng danh nhân bằng đồng, đặc biệt là tượng Bác Hồ. Ông đã táo bạo giữ lửa cho làng nghề ấy bằng cách thế chấp nhà để lấy tiền đầu tư vào việc đúc các sản phẩm bằng đồng.

Vực dậy một làng nghề

Nghề đúc đồng làng Ngũ Xã đã có từ hơn bốn trăm năm về trước (ngày 1/11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ tổ của làng). Ông tổ nghề đúc đồng là Quốc sư Nguyễn Minh Không, do tài cao đức trọng, giỏi về đúc đồng và tinh thông nghề thuốc để cứu dân độ thế nên đã được vua Lý Thái Tổ phong là Lý Triều Quốc Sư.

Thời gian qua đi cùng với bao thăng trầm biến cố, làng Ngũ Xã đã ít dần đi những người đúc đồng. Ngày nay, chỉ còn lại vài hộ giữ nghề bằng cách đúc những đồ thờ cúng như tượng phật, chuông, lư hương, đỉnh, nến, lọ... sự mai một ấy như một tổn thất lớn của làng những năm gần đây. Ông Ứng lớn lên đã nghe ông bà cha mẹ kể về nghề. Thời gian qua đi cùng với bao binh biến loạn lạc nhưng cái nghề ấy đã thấm vào ông lúc nào không hay và ông chỉ biết đón nhận nó như một cơ duyên vậy.

Còn nhớ năm 1968 khi trận Mậu Thân đang diễn ra ác liệt, những lúc tạm ngưng tiếng súng, anh bộ đội Nguyễn Văn Ứng lại nhớ về Hà Nội, nhớ về cái nghề đúc đồng truyền thống của làng mình. Anh mang chuyện ấy kể cho các bạn cùng nghe một cách rành rọt, có đồng đội thấy thú vị liền nói vui rằng bao giờ đất nước thống nhất cho mình về Hà Nội học nghề này nhé. Sau khi rời quân ngũ ông trở về làng với mong muốn bằng chính đôi tay của mình sẽ tạo ra những sản phẩm có giá trị đích thực.

Ông vào nghề với hai bàn tay trắng, khó khăn cứ thế nối tiếp nhau, ông phải quay sang đúc nhôm để lấy vài chục ngàn nuôi gia đình sống qua ngày. Mặt bằng nhà xưởng chỉ có 40m2. Nhưng rồi trong cái khó ló cái khôn, ông đã tính chuyện "giật gấu vá vai" bằng cách nhận những hợp đồng nhỏ như đúc lư hương, tiền đồng, đỉnh đồng, tượng Phật cỡ nhỏ... lấy tiền trang trải trước mắt, bên cạnh đó ông có thời gian đào tạo đội ngũ thợ trở thành những đôi tay tài hoa sau này. Đó là công tác chuẩn bị cho một kế hoạch lâu dà.

Ông mạnh dạn tham gia các triển lãm, hội thảo... để giới thiệu các tác phẩm của mình. Minh chứng cho thành công đó là việc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tặng giải thưởng "kỹ năng thủ công tinh xảo" với tác phẩm lọ củ tỏi đúc đồng khảm tam khí do cơ sở đúc đồng Hoa Mai của ông làm. Như được tiếp thêm sức mạnh, lần lượt những tác phẩm quy mô ra đời tại xưởng của ông. Số tiền vay được lo thế chấp nhà, ông đầu tư thêm vào việc thuê 1000m2 đất ở Yên Phụ, Tây Hồ, đầu tư máy mài, máy tiện, xây lò nung, mua

vật liệu... và bắt đầu nhận những hợp đồng lớn với trị giá hàng trăm triệu đồng.

Cái thần, cái hồn ở mỗi chi tiết

Ông lẳng lặng bước về phía những người thợ đang hoàn thiện những pho tượng Bác Hồ với vẻ mặt không hài lòng khi thấy thợ hơi mạnh tay ở chi tiết chòm râu. Đối với những bức tượng danh nhân mà đặc biệt là tượng Bác Hồ thì không được cẩu thả, phân tán tư tưởng. Cần phải tập trung cao độ, sao cho phải toát lên vẻ uy nghi, phong thái mà lại gần gũi từ chòm râu, ánh mắt. Mẫu mang đến mà xấu thì ông không làm dẫu công có cao đến mấy. Cẩu thả, ẩu là mang tiếng cả đời.

Nghề này làm hết đời cũng không thấy mình giỏi, có thợ theo nhà ông làm nghề gần 20 năm vậy mà cũng đành giải nghệ. Còn Long, người con nuôi của ông thì từng nghiện ma tuý, đến với ông đã cai nghiện thành công, giờ đây Long trở thành thợ giỏi.

Khi nhận được yêu cầu đúc tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh cao 1,7m lần đầu tiên dát vàng để Đảng bộ và nhân dân Thủ đô kính dâng lên kỳ đại hội Đảng ông vừa thấy vinh dự vừa lo lắng nhiều, đêm nhưng cuối cùng đã hoàn thành tốt đẹp. Năm 2003, tiếp tục hoàn thành và kính dâng tượng Bác tại Khu di tích lịch sử Ba Đình. Năm 2004, Ban Giám đốc khu di tích tiếp tục đặt hàng 200 pho tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh để kính biếu các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các vị khách quốc tế nhân dịp 35 năm ngày Bác đi xa... Ông không nhớ nổi mình đã đúc bao nhiêu tượng Bác

Hồ nữa, chỉ biết rằng nhiều lắm nhưng lần nào đúc ông cũng thấy niềm vinh dự và cứ hồi hộp như mình đúc pho tượng đầu tiên.

Cơ sở của ông vừa hoàn thiện 2 đơn hàng của chùa Đông và chùa Phố tỉnh Hưng Yên, tác phẩm tượng Phật có khối lượng 2 tấn với giá 300 triệu đồng. Trong năm nay, ông đã mang hai quả chuông nặng 30kg/quả sang Australia để trưng bày, mọi người kể cả người Việt định cư tại đây cũng lấy làm thích thú gửi thư về khen ông và mong muốn được mua những chiếc chuông đó làm quà tặng cho các nhà chùa. "Tôi mong sản phẩm của mình ra nước ngoài, sẽ tạo đà cho làng nghề vươn vai sau kỳ nghỉ dài" - Đó là mong muốn của ông.

Tiến tới 1000 năm Thăng Long Hà Nội, UBND Thành phố Hà Nội đã cấp cho gia đình ông 82,4m^2 đất để xây dựng phòng trưng bày các sản phẩm làng nghề. Dự kiến đầu xuân này sẽ trưng bày những sản phẩm làng nghề để giới thiệu cho du khách trong và ngoài nước. Tiền thế chấp nhà ông chủ yếu dồn vào việc xây dựng phòng trưng bày. Khó khăn cũng đã qua, 15 thợ luôn có việc làm ổn định với mức lương từ 1 triệu đến 1,5 triệu đồng một tháng, tay nghề họ ngày càng vững chắc.

Nguyễn Đông Hà

Người thương binh giữ 'hồn' cho nón Chuông

Gian nan không khuất phục được ý chí của người cựu chiến binh Trần Canh.

- Trở về quê nhà sau chiến tranh, ông luôn trăn trở với ý định khôi phục nghề nón thúng quai thao cổ truyền vốn có ở làng Chuông - nơi ông sinh ra và lớn lên. Trải qua biết bao gian khổ, nhiều lúc tưởng chừng ông phải bỏ cuộc, nhưng rồi thành công đã đến.

Chính ý chí không ngại gian khổ của "anh bộ đội Cụ Hồ" đã thôi thúc ông đạt được thành công đó.

Làng Chuông hôm nay

Mới sáng sớm, lá nón đã được phơi khắp các triền đê. Nắng rọi đến đâu, những chiếc lá trong trẻo ra đến đó, hân hoan khoe những đường gân ngang dọc. Không khó khăn lắm, chúng tôi tìm được đến nhà cụ Trần Canh - người làm nón giỏi nhất làng Chuông (thuộc xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Hà Nội).

Chiến tranh đã cướp đi của ông một chân. Gần 50 năm qua, ông đi lại nhờ vào chiếc nạng gỗ. Không để ông phải đứng dậy tiếp đón, chúng tôi cùng ngồi bệt xuống đất để

vừa được nghe ông kể chuyện, vừa được xem ông khâu nón. Đôi mắt ông vẫn luôn dõi theo những ngón tay chai sần thoăn thoắt đưa mũi kim lên xuống, mềm mại từ vòng trong ra vòng ngoài gần như chính xác tuyệt đối.

Ông tâm sự: "Nghề làm nón đòi hỏi sự kiên trì, tỉ mẩn. Đã bắt tay vào là phải khâu từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc, bởi nếu không, mũi khâu sẽ không đều, nón sẽ không đẹp".

Khắp làng Chuông, đâu cũng thấy cảnh từ trẻ con đến người già khâu nón. Những đứa trẻ lên 5 tuổi đã được dạy khâu và biết khâu nón. Lớp học nghề miễn phí của ông Canh luôn rất đông, thu hút cả người dân từ tỉnh khác đến học. Trung bình một ngày, làng Chuông làm được 7.000 chiếc nón các loại.

Nón làng Chuông không chỉ được tiêu thụ trong nước, mà còn được rất ưa chuộng ở các nước như Trung Quốc, Nhật Bản và các nước châu Âu. Nhờ có nghề phụ nên cuộc sống của người dân trong làng được cải thiện rất nhiều.

Nhìn lũ trẻ đang chơi đùa ngoài ngõ, bỗng nhớ chiếc nón khổng lồ được trưng bày tại triển lãm "Hình ảnh APEC và di sản văn hoá Việt Nam" 2007 (đường kính 3,6m) do chính lớp trẻ làng Chuông làm, khuôn mặt ông Canh lộ rõ nét phấn chấn: "Đúng là hậu sinh khả uý, lớp trẻ làng Chuông giờ giỏi giang lắm, năng động lắm. Tôi nghĩ, nếu có đơn đặt hàng những chiếc nón to hơn nữa, dân làng Chuông vẫn sẽ làm được!".

Gian nan tìm "hồn" cho chiếc nón cổ

Nghề làm nón quai thao cổ vốn là nghề truyền thống của người dân làng Chuông; song, sau hai cuộc chiến tranh kéo dài, các cụ làm nghề nón quai thao cổ đều đã qua đời, lớp trẻ lớn lên đã đi bộ đội nên không biết làm. Từ đó, ở làng Chuông không còn ai làm nón cổ nữa...

Sau chiến tranh, ông Trần Canh trở về quê với mức thương tật 2/4, với tâm trạng tiếc nuối trước tình cảnh thất truyền của nghề làm nón. Hình ảnh làng quê với những triền đê phơi đầy lá nón, cậu bé Trần Canh hàng ngày ríu rít quanh nội xem bà khâu những chiếc nón đã in đậm trong ký ức tuổi thơ ông. Tình cảm đó đã hun đúc trong ông quyết tâm khôi phục nghề nón cổ làng Chuông.

Đến năm 1998, nhân một đoàn khách nước ngoài đến đặt mua 2 chiếc nón, với đường kính 2m để mang đi dự Hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống tại 2 nước Czech và Đức, không do dự, ông đã nhận lời, dẫu biết rằng sẽ rất nhiều khó khăn.

Quả thật, công việc này đối với một người lành lặn đã rất khó, với một người mang thương tật nặng như ông khó khăn còn gấp bội, nhất là khi ngay cả nguyên vật liệu và khuôn mẫu cũng đã bị thất truyền.

Song với suy nghĩ: "Đây là cơ hội để khôi phục lại nghề truyền thống, cần phải chớp lấy. Nếu làm được, rồi đây cả thế giới sẽ lại biết đến thương hiệu nón làng Chuông quê mình". Nghĩ thế, nhưng nhận rồi, ông Canh lại vừa mừng, vừa lo.

Ông nói: "Bao đêm tôi không ngủ, cứ nghĩ đến là lại chẳng nuốt được miếng cơm. Nếu mình không làm được là có lỗi với tổ tiên". Đó cũng chính là lý do ông từ chối đến nghỉ tại Trung tâm Điều dưỡng thương bệnh binh Thuận Thành (Bắc Ninh) để ở lại làng.

Bao nhiêu gian nan, đã đến với ông Canh trong những ngày đi tìm lại chiếc nón cổ làng Chuông. Ông cùng với chiếc xe 3 bánh lặn lội khắp nơi, từ Hưng Yên, Thái Bình, Bắc Ninh đến Đoan Hùng... để tìm cho bằng được chiếc nón, dù là cũ.

Ông tâm sự: "Vất vả lắm. Ngày đó, cầu phà nhiều, mỗi khi xuống bến phà khổ lắm. Đi cái chân gỗ lại phải dắt cái xe xuống bến phà khó và khổ vô cùng. Nhưng ngày nào chưa tìm ra, là ngày đó còn ăn không ngon, ngủ không yên".

Trời không phụ người tốt

Trong những lần lang thang đi tìm mẫu, ông mua được một chiếc nón quai thao ở chợ Đồng Xuân, Hà Nội. Ông mang về tháo rời ra để nghiên cứu kích cỡ, kiểu dáng, cách khâu rồi ghi chép lại một cách tỉ mỉ. Bằng trí nhớ của mình, ông hình dung lại cách làm nón mà ngày xưa bà nội từng làm. Để làm chiếc nón "khổng lồ" đó, ông treo lên trần nhà để khâu.

Những ngày đầu, chưa quen, kim đâm loạn xạ, khắp người chỗ nào cũng có vết trầy xước của tre nứa và kim đâm. Thấy ông đánh vật với những đường kim mũi chỉ, không ăn, không ngủ; lo lắng cho sức khoẻ của bố, các con

ông đều khuyên ngăn, nhưng ông một mực không chịu dừng. Ông tự nhủ: "Đời lính Cụ Hồ, đánh giặc khó vậy còn làm được, thì có gì không làm được...".

Sau 20 ngày đêm nỗ lực, cuối cùng 2 chiếc nón đường kính 2m đã được hoàn thành trước sự thán phục của dân làng cũng như du khách quốc tế. Bởi đoàn khách nước ngoài này đã thử đi khắp nơi để đặt làm, song không ai dám nhận.

Phần thưởng dành cho 2 chiếc nón khổng lồ là 100USD (khi đó tương đương 1,4 triệu đồng). Dù vậy, số tiền đó cũng chẳng thấm vào đâu. Số tiền đó ông chẳng giữ cho bản thân, mà phần lớn dành ủng hộ xây nhà trẻ. Nhiều người bảo "ông hâm", nhưng ông chỉ cười: "Cái mà ông được lớn lắm chứ... cả thế giới bây giờ đã biết đến làng Chuông rồi...".

Bích Hường

Người trở về

Đứng trên bến, anh Cam lặng nhìn xuống dòng Sông Hồng đỏ nặng phù sa đang êm đềm trôi xuôi. Dòng sông đáng yêu biết bao, nhờ có nó mà thuyền bè các nơi tấp nập đến làng Bát Tràng quê anh để chuyên chở đồ gốm sứ đi khắp mọi miền. Nhưng cũng con sông ấy vào mùa lũ, sóng nước cuồn cuộn dâng lên làm xói lở đất, nhiều gia đình phải chuyển đi nơi khác, làng gốm của anh thu hẹp dần. Dưới sông, thuyền bè đậu san sát. Người ta nhộn nhịp lèn rơm khô vào các sọt đựng sản phẩm để tránh cho hàng bị va đập, nứt vỡ khi chuyên chở. Cảnh tượng vẫn thế, chẳng khác mấy so với tám năm về trước khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, 17 tuổi anh ra đi, vào bộ đội chiến đấu ở Chiến khu Việt Bắc và giờ đây, khi trở về, 24 tuổi anh là thương binh cụt một chân. Chống nạng đi vào làng, các lò gốm lửa vẫn đỏ hồng, khói tỏa mù mịt. Nhà nhà san sát, tường cao, ngõ hẹp. Trước kia, nhiều người ở nơi khác đến đều có cảm giác lạc vào "trần đồ bát quái", đường ngang ngõ tắt không biết đây mà lần. Họ nghĩ thế có lẽ có phần đúng. Đêm qua mưa, đường lầy lội, đâu đâu cũng đen sì ngập ngụa bùn than. Nắng sớm đang lên, các nhà ơi ới gọi nhau chạy ra "dán" những bánh than lên tường ngõ, tường lò. Còn sân là chỗ để dành cho việc phơi sản phẩm vừa mới tạo hình. Cảnh

tượng vừa thân quen vừa như lạ lẫm cứ lâng lâng trong anh. Thoảng như tiếng ông bố vẫn văng vẳng đâu đây, mung lung trong sương khói của thời gian và quãng đời thơ trẻ ngày nào bỗng lại hiện về sống động.

*

* *

Hồi đó, những năm đầu thập kỷ 40, quân đội Nhật vào Đông Dương. Một buổi sáng, ông bố gọi con đến, xoa đầu bảo:

- Bố mẹ không có tiền cho con đi học ở tỉnh thì con đi học chữ nho ở làng vậy!

Cam học được hai năm thì ông thầy đồ chết. Thế là chữ nghĩa cũng chẳng được bao nhiêu. Ông bố lại bảo:

- Bố cho con theo ông Thiệu, một ông thợ giỏi để học nghề. Bố đã thưa chuyện với ông ấy rồi. Ông ấy bảo: Nếu thế ông cho cháu làm với tôi ba năm, không có lương gì đâu. Bố gật đầu luôn: Bây giờ cháu nó mười ba. Làm ba năm nó mới mười sáu tuổi thì có gì mà đòi hỏi. Ông cứ vui lòng cho cháu nó theo học ông!

Cam theo ông Thiệu đi làm và là một học trò rất chuyên tâm, ham học. Là cậu bé đã ít nhiều được học chữ nho nên cậu hiểu việc đầu tiên là học lễ. Cam rất có lễ. Sáng sớm nào cũng quét dọn nhà cửa, đun ấm nước. Khi thầy đến hoặc bạn bè, anh em của thầy đến, Cam đều mời xơi nước. Thầy chỉ bảo điều gì, Cam "vâng" rồi làm theo nghiêm chỉnh và để mắt kỹ vào các việc thầy đang làm. Học hết ba năm, một hôm thầy gọi Cam đến, bảo:

- Mai con nói với bố con xuống đây, thầy cho con ra làm riêng, con thạo nghề rồi đó!

Bố Cam đến chào, cám ơn thầy dạy nghề con mình rồi bảo con trai:

- Bố cho con tiền may quần áo để con đi làm!

Hai hôm sau Cam tìm được hai người bạn phụ việc cho mình rồi đến nhận việc của một ông chủ. Theo thông lệ, cái nghề này chỉ có người thợ cả mới có quyền nhận việc. Còn thợ phụ thì người ta không coi ra gì. Anh em làm với nhau được hơn một năm. Hàng của họ làm ra, ai nhìn cũng thích và cuộc sống dễ chịu hơn trước nhiều. Rồi Cách mạng tháng Tám thành công. Toàn dân sôi nổi cuốn theo các phong trào chống giặc dốt, giặc đói, đi tập quân sự. Cam đi học bình dân học vụ, mười sáu tuổi ra học với bọn trẻ con. Học ba tháng Cam đọc thông viết thạo và rất ham đọc sách. Đi làm cũng mang theo sách để đọc. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, lúc đó Cam mới bỏ nghề. Cam hoạt động du kích địa phương. Địch ngày càng khủng bố dữ dội. Một thời gian sau ông bố bảo:

- Con hãy ra vùng tự do, đi bộ đội, Tây dạo này lùng sục dữ lắm, lỡ ra sa vào tay chúng thì khổ.

Cam rủ bốn anh em nữa cùng ra vùng tự do để vào bộ đội. Nhưng ông anh họ của Cam giữ họ lại, không cho đi.

- Anh chị em du kích trong làng cũng có nhiều người nhưng năm thằng chúng mày là trụ cột của địa phương, bây giờ chúng mày đi tao trông vào ai?

- Ở đâu cũng là đánh Pháp cả, bộ đội tuyển người, cứ để chúng em đi mau giải phóng quê hương.

Những chàng trai rất trẻ rời làng ra vùng tự do tham gia quân đội. Cam được tuyển vào Tiểu đoàn 428 Khu Việt Bắc, tham dự các trận đánh ở Lạng Sơn rồi đánh về Tiên Yên, Đình Lập rồi lại trở về Lạng Sơn. Máy bay Pháp ném bom dữ dội. Cam bị thương, cụt một chân, phải nằm lại điều trị. Còn đơn vị hành quân về Thất Khê thành lập Trung đoàn 141, Đại đoàn 312. Sau đó đơn vị hành quân qua Văn Mịch. Một cán bộ giao cho Cam giấy sinh hoạt Đảng và bảo: Đồng chí ở lại đây rồi sẽ được chuyển về hậu phương. Một thời gian sau, Cam được đưa về Ty Thương binh Thái Nguyên. Buồn quá, đang sống sôi nổi cuộc đời người lính nay phải chấm dứt rồi ư? ở trong trại thương binh, Cam thấy gò bó quá. Anh xin ra với ý định mua đất, thành lập trang trại rồi nhắn vợ lên. Đến lúc này nghĩ vẫn buồn cười. Lấy vợ lúc mười bảy tuổi, chỉ biết bố bắt lấy thì phải lấy chứ chẳng có tìm hiểu gì cả. Biết thì có biết nhưng chưa bao giờ nói với nhau một câu. Trước khi ra đi chỉ bảo vợ: "Mình ở nhà với thầy u, tôi đi". Đến lúc ấy mà vẫn còn ngượng. Sau sáu tháng, Cam xây dựng được một trang trại khá đẹp ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chuối, khoai, rau đã bắt đầu có thu hoạch. Một hôm ông anh đỡ đầu vào thăm, thấy Cam làm lụng vất vả quá, anh bảo: Anh nghĩ em học may sẽ nhàn hạ hơn". Cam nghe theo nhận và bán cái trại được một khoản tiền, gửi bà chị cũng tản cư gần đấy. Sáu tháng học tự túc, mỗi tháng bà chị trích số tiền đó đong gạo rồi gánh đến để em nộp cho thầy. Anh học rất nhanh, được thầy quý, giao việc cho làm đều. Đang làm việc với nhau thân quen, Cam cũng đã thạo nghề xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ nhận được giấy chuyển Đảng chính thức do đơn vị bộ đội chuyển về cho Cam nên gọi Cam ra nhận công

tác. Xã phân công Cam làm ở Văn phòng Đảng ủy rồi làm ủy viên Thường vụ, phụ trách Đảng, Đoàn. Người trong xã ai cũng thân quen Cam. Công tác được hơn một năm, lại có nghề may tốt rồi, lúc đó cũng là lúc vợ Cam ở vùng địch chiếm khó khăn lắm mới tìm cách ra được với chồng Cán bộ trong xã họp lại, bảo Cam:

- Cấp cho cậu 9 sào ruộng. Anh chị em trong chi bộ, mỗi người cho tre pheo, cho lá gồi lợp và huy động thanh niên đến làm nhà cho vợ chồng cậu.

Từ đấy vợ chồng Cam có cuộc sống vừa ổn định, vừa khá sung túc. Nhưng khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết, anh đã trả lại đất cho xã. Anh nói: "Tôi nhớ nghề gốm, nhớ quê lắm. Tôi không ở lại được. Tôi xin trả tất, không lấy một cái gì cả". Rồi Cam bán hết thóc lúa lấy tiền cùng vợ về quê. Và giờ đây anh đang đứng bên con sông Hồng, bên lò gốm đang nhả khói của làng Bát Tràng thân yêu quê anh.

*

* *

Trở về thấy làng xơ xác. Treo pheo chẳng còn gì mấy. Mẹ ốm gầy còm nằm ở góc nhà tranh vách đất. Bố nhiều tuổi rồi, chẳng có ruộng nương gì vẫn còm cọm đi làm thuê. Cam mở hiệu may quần áo được hơn một năm. Anh em biết Cam giỏi nghề gốm từ trước nên đến mời Cam đi làm hợ cả thì họ mới có việc làm. Cam lại bỏ nghề may trở về nghề gốm. Làm được vài tháng, anh em bàn nhau:

- Chúng mình gom góp mỗi người ít tiền để sản xuất chứ không đi làm thuê nữa! Họ hình thành tổ sản xuất rồi

vào làm xã viên hợp tác xã sứ Hợp Thành. vì có nghề giỏi nên ông Cam được bầu làm Phó Chủ nhiệm. Năm sau, vì biết cách làm ăn tốt, ông được bầu làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, được bầu đi bầu lại suốt 20 năm liên tục. Hà Nội có 350 Hợp tác xã nhưng Hợp tác xã sứ Hợp Thành do ông Cam làm Chủ nhiệm, ba năm liền được công nhận là lá cờ đầu (1976-1977-1978). Riêng ông Cam 10 năm liền được bầu là Chiến sĩ thi đua. Năm 1977 Hợp tác xã Hợp Thành được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và người thương binh, chủ nhiệm Lê Văn Cam cũng được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Ông đã dày công nghiên cứu và phát triển hàng mỹ nghệ từ năm 1971. Ông am hiểu, đi sâu vào loại hàng mỹ nghệ một phần cũng do có phong trào sản xuất hàng phục vụ trong nước và xuất khẩu sang các nước Đông Âu, Liên Xô, kể cả cho tư nhân như xuất cho anh Lăm be, người Đức. Riêng đối với anh này, Hợp tác xã đã cộng tác trong ba năm, mỗi năm bán được cho anh ta vài trăm hòm, toàn bát chiết yêu phi 12 đến phi 30 và các loại đĩa có vẽ hoa chanh. Cái hoa này vẽ trong bát chiết yêu từ đời nào thì cũng không biết nữa, nhưng người ta chỉ thích vẽ hoa chanh. Đến năm 1979 ông Cam xin nghỉ vì thấy sức đã yếu. Bà con tín nhiệm nên không cho về. Đến năm 1981 lại bầu ông làm Bí thư một năm nữa để cho một người khác làm chủ nhiệm. Năm 1982, vì sức khỏe yếu nên ông được bà con xã viên giải quyết cho về nghỉ.

Đứng trước căn nhà cũ rích, bốn gian ọp ẹp, hai bố mẹ đã già yếu, hai vợ chồng, năm đứa con cùng chui rúc trong đó, ông Cam phải nghĩ đến việc xây dựng cơ ngơi sản xuất ở nhà để kiếm sống. Phải chuẩn bị vốn liếng làm lò vì con

cái lớn rồi. Ông Cam bán cái nhà đi, được sáu trăm đồng. Bán tiếp cái giường nằm, được bốn trăm đồng nữa. Ông Cam rải dát giường xuống nằm đất. Có một nghìn đồng, ông mua gạch, mua đất, xây một cái lò chỉ đủ nung một trăm cái ấm. Thoạt đầu ông cứ làm ấm, chén để bán và có việc cho vợ con cùng làm. Ông cứ suốt ngày nghiên cứu rồi chế thử. Đặc biệt là chuyên nghiên cứu mặt hàng cổ. Nhưng hàng cổ lấy đâu ra? Ông đi tìm ở các gia đình trong xã những sản phẩm cổ của Bát Tràng. Sau đó lại đến các bảo tàng Mỹ thuật, bảo tàng Lịch sử. Mỗi lần từ làng quê, với cái chân giả, ông ra Hà Nội, bên mình kè kè bi đông nước và ổ bánh mì, vừa ngồi ăn trưa, vừa nhìn hàng cổ bày trong tủ kính. Ông nhìn đến mức như "chụp" vào mắt ông từ kích thước đến hình dáng. Hôm sau ông nặn luôn. Họa tiết thì chưa nhớ hết ngay được, ông lại đi nữa. Nhìn thật kỹ các họa tiết cho nhập tâm rồi khi về cứ thế thể hiện ra, tất nhiên có cải biên đi chút ít về hình dáng và hoa văn nhưng vẫn giữ đúng chất cổ của Bát Tràng. Vào các dịp Hà Nội tổ chức triển lãm, ông mang sản phẩm ra tham dự. Có lần sản phẩm này được thưởng Huy chương Bạc. Lần sau sản phẩm khác được thưởng Huy chương Vàng. Cứ thế ông đi chuyên về đồ cổ, say mê nghiên cứu và sản xuất. Và một lần ông Cam và hai ông nữa trong hợp tác xã được nhận Huy chương của Hunggari. Ông Cam kiên trì nghiên cứu và sản xuất sản phẩm mang dáng dấp cổ, men cổ. Ông được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân và Huy chương Bàn tay Vàng. Khách nước ngoài vẫn luôn đến thăm làng cổ Bát Tràng. Họ biết rõ ở đây làm bát, làm đĩa, làm ấm và các đồ dùng trang trí nội thất khác. Nhưng họ cứ hỏi thăm ở đâu làm hàng mỹ nghệ và nhà nghệ nhân Lê Văn Cam.

Một ông Tây đi xe máy vào tận nhà ông Cam. Đứng xem các tủ kính bày hàng một lúc rồi tươi cười tự giới thiệu:

- Tôi là....., đại sứ..... ở Việt Nam!

- Vâng, ông là đại sứ nhưng hôm nay ông đi với tính chất một người tham quan nên tôi tiếp ông như đã tiếp thân mật các khách du lịch.

- Tôi rất thoải mái được như thế.

Chủ và khách trao đổi về các mặt hàng gốm của Bát Tràng. Khách nước ngoài đến với ông rất nhiều. Các vị lãnh đạo cao cấp nhất trong nước cũng đã đến thăm và tham quan hàng của ông. Ai đến ông cũng tiếp thân mật. ở nhà ông chỉ trưng bày một ít sản phẩm để bán làm kỷ niệm cho người ta thôi. Đặc biệt là có đến vài chục người bạn chiến đấu cũ của ông ở sư đoàn 312 cũng về thăm, ở chơi với ông hẳn một ngày. Khách châu Mỹ thì hai, ba năm họ lại đến mua hàng. Ông làm ăn khá giả, cơ ngơi khang trang khi tuổi đã cao, sức đã yếu, ông giao cho con trai lớn đảm nhận. Anh Lê Văn Thụ làm ăn khá, khách đến nhiều và làm hàng xuất khẩu đã nhiều năm nay, từ một lò đến hai lò rồi ông lại giao cho anh một lò nữa. Bây giờ vợ chồng anh có hai phân xưởng, chuyên làm hàng xuất khẩu cho các nước. Ông Cam cứ nghĩ, sở dĩ ông thành công cũng là từ năm 1969, ở vị trí chủ nhiệm hợp tác xã ông đã ra sức tìm hiểu nhiều về sản xuất hàng mỹ nghệ. Lại được họa sĩ Lê Quốc Lộc và đồng chí Hà Huy Giáp góp ý, phân tích nên ông càng đi sâu vào hàng cổ Bát Tràng. Giờ đây có nhiều người buôn đồ theo dáng cổ đến mua của ông rồi về làm giả cổ. Có lần họ đến mua của ông một cái tước - thứ bát có chân dùng để uống

rượu, được làm theo dáng tước cổ sưu tầm được ở vùng văn hóa Hòa Bình bằng đất nung màu gạch. Sau này ông biết họ đem về Hà Nội đục cho hơi vỡ, hơi sứt ra. Họ cho một chất nước vào cho nó phá hủy mặt men đi, trông rất cổ và bán được giá rất cao. Nhưng sản phẩm của ông lại làm theo dáng cổ, có cải biến hơi khác đi, vẫn nặn con rồng đất ở trong rồi dấn men bên ngoài, men C. Theo ông, cái men là bí quyết. Người ta pha men dấu ở trong buồng, người làm thuê đến chỉ có nhiệm vụ múc cái đó đem ra mà làm thôi. Thế còn người xem lò, xem lửa, tất cả cái đó từ ngày xưa, nhất nhất vẫn là ông chủ. Không ai biết bí quyết của ai. Cái men rạn cũng vậy. Ông cha ta làm được nhưng bí mật quá, các cụ chết mang theo đi mất. Vả lại các cụ làm theo kinh nghiệm mà pha chế, chứ không ghi ra thành công thức gì cả. Từ lâu, nhiều người đã dày công nghiên cứu để làm sống lại loại men này nhưng không thành công. Ông Cam cũng vậy, không thành công. Sau này, khi ông về nghỉ rồi, ông đốt ở cái lò hộp rất nhiều lần, nhanh lắm. Cho nên một tuần ông có thể có 10 công thức. Cứ hết công thức này đến công thức khác, cuối cùng cũng thành công. Có công thức rồi, ông cứ làm và chỉnh dần. Và đến bây giờ ông thấy nó có phần hay hơn men rạn ngày xưa nữa. Ông càng sản xuất sản phẩm theo lối cổ, tạo ra các mẫu cải tiến khác mà vẫn giữ được chất cổ truyền thống của Bát Tràng. Bây giờ trong gia đình ông có đến vài chục loại đồ cổ, có thể có thứ nghiêm chỉnh, có thể có thứ bị vỡ nhưng ông cũng sưu tầm về. ở nhà, ông có một cái tủ nhỏ chuyên bày các thứ cổ thật sự của Bát Tràng, có thứ của đời nhà Mạc, của châu Nam Sách và một số đồ cổ của văn hóa Hòa Bình. Từ đó ông

nghiên cứu ra các loại men của nó và cứ phát huy dáng cổ và cải tiến cho nó đẹp thêm. Có người thắc mắc:

- Nhưng ông cải tiến thêm thì có còn giữ được cái chất cổ xưa kia không?

Ông mỉm cười:

- Ông cha ta ngày xưa cũng từ ông này chuyển sang ông kia. Ông này nặn cái này. Ông kia thêm một tí rồi dần dần mới hoàn chỉnh. Vậy thì bây giờ mình bổ sung cho hoàn chỉnh thêm thì có vấn đề gì đâu. Lớp trẻ ngày nay may mắn hơn chúng tôi trước kia, được học hành, thông minh, năng động hơn, có cơ hội giao tiếp rộng trong nước cũng như nước ngoài. Con tôi đấy, nó làm giỏi, xuất khẩu hàng ra nước ngoài. Bây giờ chúng nó đun lò ga, vừa bảo đảm độ nóng vừa tránh làm ô nhiễm môi trường. Ngày xưa chúng tôi làm gì có. Rồi cháu tôi, Lê Quang Chiến đấy, khi đất nước có chiến tranh đã ra đi đánh Mỹ, cũng tham gia đoàn quân giải phóng Sài Gòn và khi trở về đã trở thành một nghệ sĩ tạo hình đầy triển vọng của Bát Tràng, vừa dạy học ở khoa gốm trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp vừa sáng tác mẫu ở nhà và sản phẩm mới mang đậm truyền thống Bát Tràng đã có mặt ở nhiều nước. Thế hệ trước, thế hệ sau chúng tôi ra đi cầm súng để bảo vệ Tổ quốc và cũng để gìn giữ truyền thống của làng gốm Bát Tràng khi trở về - ai cũng thế - góp hết sức mình làm cho quê nhà càng thêm giàu, thêm đẹp.

Bát Tràng tháng 8 năm 1999

Nguyễn Thọ Sơn

Nguyễn Kim Xuân và niềm đam mê nghệ thuật tranh tre

Tóc đã nhuốm màu bạc nhưng đôi mắt của người đàn ông này luôn sáng lên khi nói về tranh tre. Những mảnh tre đơn sơ, qua bàn tay khéo léo, tài hoa của ông, đã trở thành các tác phẩm nghệ thuật mới mẻ và độc đáo.

Năm 1997, khi ông Nguyễn Kim Xuân mở xưởng tranh ngay tại nhà mình (Đông Anh, Hà Nội), người ta đã cho rằng đó là ý tưởng điên rồ. Ông cũng nghĩ "hay mình điên thật" khi lặng lẽ ngắm những đường nét thô kệch, ngây ngô và vụng dại hằn trên bức tranh đầu tiên. Nhưng nó như có ma lực khiến ông không sao rời bỏ, đó là "nét duyên thầm, càng nhìn lâu càng bị cuốn hút".

Vẻ đẹp tự nhiên của tranh tre được thể hiện ở màu sắc, chất liệu. Đó là màu nguyên thủy, không nhuộm không sơn. Màu sắc ở ngọn khác màu ở thân, gốc. Màu của cây hướng ra nắng khác màu của cây trong bụi rậm. Tre non có màu xanh, tre già màu vàng, loại tre gác trên bếp, bị ám khói cho màu nâu sẫm. Đặc biệt không có một công nghệ nào tạo được sắc độ màu kỳ ảo như ma tre (do những con bọ măng tạo thành). Tranh tre có độ bền màu, càng để lâu càng bóng đẹp và thể hiện được nhiều đề tài của cuộc sống như: phong cảnh thiên nhiên đất nước, di tích văn hóa lịch sử, phong tục tập quán, đời sống sinh hoạt, khắc họa chân dung...

Điểm thú vị của loại hình nghệ thuật này là sự kết hợp và kế thừa những sáng tạo của hội họa truyền thống. Trên nền của khảm trai, sơn dầu, sơn mài, nhung thêu, mành, chất liệu của tre nổi bật hơn lên mà vẫn hài hòa màu sắc. Hiện nay, ông Xuân đang cho thử nghiệm làm tranh tre trên nền lá, cây cỏ nhằm khai thác hết vẻ đẹp sẵn có trong thiên nhiên.

Ông Xuân cho biết để tạo một bức tranh tre hoàn chỉnh phải qua rất nhiều công đoạn tỉ mỉ, công phu như vẽ hình bổ mảng trên giấy, cắt hình làm mẫu, mài tre, dán lắp ghép tạo hình. Các thao tác này đòi hỏi thật chính xác, khéo léo và thành thạo.

Tâm huyết với loại hình nghệ thuật này, ông Xuân đã cất công lặn lội đi tìm những họa sĩ có tiếng ở Hà Nội sáng tác cho mình mẫu vẽ ưng ý. Vì đam mê, đồng cảm, hoạ sĩ Nguyễn Nghiêm, Xuân Tiến, Lê Liên, Đặng Minh suốt mấy tháng trời đã miệt mài nghiên cứu, để thể hiện làm sao trên cùng khổ giấy, cùng là tre nhưng phải cho người xem cảm nhận được sự chuyển động rõ rệt của bốn mùa.

Vẫn đang trên con đường tìm tòi, thể nghiệm, nhưng người nghệ nhân này đã được nhiều người yêu tranh tìm đến. Khi tham quan xưởng, những đoàn khách nước ngoài thực sự ngạc nhiên vì họ chưa từng thấy tranh tre bao giờ. "Đứng trong gian phòng tranh tre, tôi như đứng giữa một Việt Nam với những nét đẹp đơn sơ nhất", Natalie Shaw, một lưu học sinh, đã nhận xét như vậy.

Khát Chân

Nhất nghệ tinh...

Nguyễn Ngọc Nghiên sinh năm 1938 tại làng nghề gò đồng Đại Bái, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh. Ngay từ năm 13 tuổi do làng bị giặc chiếm, cậu bé theo cha ra Hà Nội học nghề chạm bạc. Do cần cù và chịu khó, 18 tuổi, Nghiên đã tự mình gò liền và chạm bộ khay, ấm, chén bằng bạc. Năm 1958, ở tuổi 20 anh vào làm ở HTX mỹ nghệ Bắc Sơn. Hàng ngày, cùng 100 xã viên, anh làm các sản phẩm bạc xuất sang Liên Xô và các nước Đông Âu.

Để có thể làm nhanh các sản phẩm với giá thành hạ. Nghiên mày mò nghiên cứu và chế ra bộ khuôn rập chuôi thìa, chuôi dĩa rồi sau đó gắn vào các mảng chạm. Trước đấy, mỗi ngày một người chi chạm được 18-20 mảnh thì sau khi áp dụng sáng kiến này đã nâng lên 250-300 mảnh.

Trong quá trình làm hàng xuất khẩu, mỗi người chỉ làm chuyên một công đoạn, điều đó khó có thể hướng tới một sự phát triển lâu dài và toàn diện. Từ đó, ông Nghiên tự học hỏi ở người thân và các thợ giỏi, từ kỹ thuật gò liền, hàn, làm trơn sản phẩm đến chạm nổi chạm chìm các hoạ tiết hoa văn. Trải theo năm tháng, tay nghề thuần thục dần và từ hơn 10 năm nay, ông Nghiên đã làm được nhiều sản phẩm đạt trình độ nghệ thuật cao.

Năm 1996, tại triển lãm hàng thủ công - mỹ nghệ tại Giảng Võ, ông bày sản phẩm lọ độc bình và bát đựng hoa quả. Độc bình làm theo kỹ thuật gò liền, mang dấu ấn độc đáo của làng nghề Đại Bái, quanh thân chạm bát tiên, chạm nhấn cánh sen, chỉ viền nhị cấp, tam cấp. Một bát đựng hoa quả chạm nhấn cánh sen, thân chạm tứ dân. Với hai sản phẩm này, ông Nghiên đã được BTC triển lãm tặng Giải thưởng Bàn tay vàng. Năm 2003, tại triển lãm hàng Thủ công - mỹ nghệ do Bộ NN & PTNT tổ chức, ông bày ba hộp chạm bạc, mỗi hộp một kiểu dáng với những hoạ tiết hoa văn phong phú. Trong số này có hộp chữ nhật tròn góc cỡ 15,5 x 10,5 cm. Thân hộp chạm tứ quý, nắp chạm cảnh hồ Hoàn Kiếm, ở giữa có cảnh rùa đội cuốn thư, bên trên là kiếm thần. Mai rùa và kiếm thần được nạm bằng một chỉ vàng.

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, lời đúc kết của người xưa thật đúng với thời gian hơn 50 năm gắn bó với nghề chạm bạc của ông Nguyễn Ngọc Nghiên.

Đầu năm 2005, trời rét ngọt, tôi đến nhà riêng ông ở 31 ngõ Hậu Khuông, phố Bạch Mai. Trong câu chuyện cởi mở và chân tình, ông cho biết, vào thời kỳ kháng chiến, nhờ có nghề tổ mà gia đình ông đã qua được giai đoạn khó khăn. Từ tiền tích góp nhiều năm, ngôi nhà cấp 4 đã được thay bằng nhà tầng. Tại tầng một, ông đặt tủ kính, bên trong có bày một số sản phẩm tiêu biểu tự tay ông chế tác: các hộp trang sức và đỉnh hương bằng bạc. Mặt trước của đỉnh chạm nổi rồng chầu; mặt sau chạm chim phượng. Hai tai là rồng, nắp có con nghê. Ở vị trí trang trọng trên tường nhà,

treo tác phẩm Bác Hồ đọc báo tại Phủ Chủ tịch, được ông thể hiện bằng nghệ thuật chạm thúc nổi, hoàn thành dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác. Để khỏi ảnh hưởng đến thu nhập của gia đình, toàn bộ các sản phẩm này, ông dành thời gian làm vào buổi trưa và buổi tối. Cảm hứng sáng tạo và tâm huyết của một nghệ nhân yêu nghề được thể hiện qua các nét chạm mềm mại và uyển chuyển. Ông hết sức ưng ý với các sản phẩm này và dành tặng cho con cháu.

Để nghề quý khỏi bị mai một mấy chục năm qua, ông dành thời gian truyền nghề cho ba con trai, hai người con của anh và em ruột, một người cháu họ...Các cháu được học toàn diện trơn, chạm, gò, hàn hiện đã tự làm được một số sản phẩm, có thể sống bằng nghề.

Do đã có những đóng góp tích cực trong việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống chạm bạc, ngày 21-11-2003, ông Nguyễn Ngọc Nghiên được Chủ tịch UBND TP phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội.

Theo Hà Nội mới

Những người giữ ánh trăng Rằm

Một mùa Trung thu nữa lại đến, nhiều người nô nức tìm mua đồ chơi để các em nhỏ được đón ánh trăng Rằm. Thị trường đồ chơi năm nay, bên cạnh những đồ chơi ngoại nhập vẫn có không ít đồ chơi dân gian truyền thống như lồng đèn kéo quân, đầu rồng, lân, chong chóng, tò he... Có được điều đó là nhờ những nghệ nhân vẫn còn tâm huyết với nghề, quyết tâm lưu giữ ánh trăng Rằm trong mắt trẻ thơ.

"Thần đèn" thắp sáng đêm trăng

Những ngày cuối thu tháng 8, khi các ngõ phố Hà Nội bắt đầu tràn ngập bánh Trung thu và đồ chơi phục vụ trẻ thơ phá cỗ đêm Rằm, chúng tôi tìm đến nhà ông Vũ Văn Sinh, nghệ nhân cuối cùng của làng Đàn Viên, xã Cao Viên (Thanh Oai - Hà Nội), ngôi làng trước đây vốn nổi tiếng với nghề làm đèn lồng. Khi chúng tôi đến, ông đang mải miết làm đèn lồng phục vụ Trung thu. Biết chúng tôi về tìm hiểu làm đèn lồng, ông hồ hởi tiếp chuyện.

Sinh ra và lớn lên trong gia đình có truyền thống làm đèn lồng, từ nhỏ, ánh đèn lồng ấm áp trong đêm Rằm đã ăn sâu vào máu thịt ông. Đến bây giờ, ông Sinh cũng

không thể nhớ được nghề làm đèn lồng có mặt ở làng từ khi nào, chỉ biết rằng, khi còn nhỏ, năm nào ông và chúng bạn cũng rước đèn ông sao và các loại đèn đồ chơi khác. "Mấy năm trở lại đây, người làng không ai còn mặn mà với nghề, họ chuyển sang làm thuê ở các khu công nghiệp. Thấy đồ chơi Trung Quốc tràn lan trên thị trường, đồ chơi truyền thống mất đi bản sắc, năm 2006, tôi quyết định làm chiếc đèn kéo quân khổng lồ cao 7m, đường kính 3,2m. Không ngờ, trong chương trình "Những chuyện lạ Việt Nam", chiếc đèn kéo quân ấy được vinh danh", nghệ nhân Vũ Văn Sinh tâm sự.

Vừa mải miết cắt giấy quấn lên đèn, ông Sinh vừa cho biết, ngày trước đèn kéo quân cháy nhờ hạt bưởi nhưng giờ chủ yếu là dùng nến. Công đoạn làm đèn không hề đơn giản. Làm đèn kéo quân vừa dễ lại vừa khó bởi nó hoạt động theo nguyên lý đối lưu. Trong đó, chong chóng là bộ phận quan trọng nhất, nếu xếp không đúng chiều thì cánh quạt không quay và quân đèn không chuyển động.

Không chỉ được biết đến bởi đèn lồng, "thần đèn" Vũ Văn Sinh còn nổi tiếng với nghề làm pháo hoa và tổ chức các màn bắn pháo bông trong các sự kiện lớn. Tuy bận rộn quanh năm nhưng mỗi dịp Trung thu, ông lại cùng vợ con làm đèn kéo quân, đèn ông sao phục vụ trẻ em. Bởi theo ông, trong ánh trăng Rằm, đèn lồng, đèn ông sao, đèn kéo quân, đèn cá chép... có thể tương hỗ ánh sáng với trời đất, mang lại sắc màu và niềm vui trọn vẹn trong ánh mắt trẻ thơ.

Đêm Rằm không thể vắng rồng, lân

Trong mỗi độ trăng Rằm, ngoài đèn lồng, cá chép, trống quân không thể thiếu cảnh con rồng bay lượn, những chú lân ngộ nghĩnh nhảy múa. Những ngày cận Tết Trung thu, chúng tôi đến thăm nhà ông Lê Ngọc Nguyện, nghệ nhân cuối cùng sản xuất đầu rồng của làng Đa Sỹ (phường Kiến Hưng - quận Hà Đông - Hà Nội).

Làng Đa Sỹ từ lâu đã được biết đến như là cái nôi sản xuất rồng Việt Nam. Người Đa Sỹ làm rơm con cúi giữ lửa, sau khi bện rơm đốt lên giống như rồng phun. Thấy vậy, nhiều người nghĩ cách làm rồng để chơi trong các lễ hội làng. Lúc đầu, người làng làm bằng rơm, sau đó, biến rồng rơm thành rồng giấy. Sau nhiều biến cố lịch sử, nghề làm rồng làng Đa Sỹ dần bị quên lãng. Trước nguy cơ đó, ông Nguyện đã nung nấu quyết tâm phục dựng nghề sản xuất rồng Việt.

Vừa vót nan tre thoăn thoắt ông Nguyện vừa chia sẻ kinh nghiệm: "Làm rồng phải thành thục bốn thao tác: Đan, may, vẽ, gò và phải có con mắt thẩm mỹ. Làm rồng khó nhất là làm đầu rồng vì phải thể hiện sự uy nghi, oai phong và cái hồn của rồng Việt. "Mỗi dịp Tết Trung thu về, nhiều người ở các địa phương khác tìm đến nhà đặt rồng vải cho các cháu đón Trung thu, tôi rất vui. Mỗi khi nhìn các cháu múa rồng, lân, tôi thấy mình đã làm được điều gì đó để gìn giữ văn hóa truyền thống của dân tộc", ông Nguyện tâm sự.

Sau khi con rồng đầu tiên dài 18m, có 9 khúc, 10 chân uốn lượn tung bay một cách linh hoạt mà vẫn giữ vẻ oai

linh, tiếng tăm ông Nguyện vang xa khắp chốn. Nhiều người ở địa phương khác tìm đến nhờ ông giúp. Không muốn làm theo những mẫu cũ, ông lần mò tạo mẫu rồng theo các tranh vẽ, hình đục đẽo, mẫu rồng cổ ở cung điện. Từ đó, năm nào ông cũng cho ra đời trên chục sản phẩm, rồng của ông bay khắp cả nước.

Không chỉ để múa vui trong dịp lễ Tết, "rồng ông Nguyện" còn bay sang cả trời Tây, mang hồn Việt đến với bạn bè năm châu.

Dạo qua thị trường đồ chơi dành cho trẻ em những ngày này, có đến 80% là đồ chơi ngoại, chủ yếu nhập từ Trung Quốc. Trong đó có không ít đồ chơi độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em. Hơn thế nữa, các loại đồ chơi này còn mang tính bạo lực, ảnh hưởng không tốt đến việc hình thành nhân cách của trẻ. Trong khi đó, nhiều đồ chơi dân gian đang có xu hướng mai một, thậm chí mất đi. Các nghệ nhân mong muốn, cộng đồng hãy tổ chức nhiều trò chơi dân gian cho trẻ em, thu hút giới trẻ tìm đến đồ chơi dân gian, để lưu giữ bản sắc văn hoá truyền thống.

Hải Ninh

Sức sống của nghệ thuật hoa lụa đất Hà Thành

Nổi tiếng vào bậc nhất về nghề làm hoa lụa ở đất Hà thành phải kể đến nghệ nhân Mai Hạnh. Ngôi nhà nhỏ chưa đầy 10 mét vuông của bà tại số 5, phố Chả Cá, Hà Nội thật giống như một rừng hoa. Là con gái đất Hà Thành chính gốc, bà từng được biết đến dưới danh hiệu "Nữ hoàng hoa lụa". Khi tiếp tôi, vừa kể chuyện, tay bà vẫn thoăn thoắt quấn những bông cúc vàng rực...

Nghề "cha truyền con nối"

Được phong danh hiệu nghệ nhân từ khi còn rất trẻ (năm 1986), khi mới có 35 tuổi, đến nay bà đã sáng tác hàng trăm mẫu hoa lụa trông chẳng khác gì những bông hoa thật. Có được thành công đó, bà đã phải bỏ rất nhiều công sức, tìm tòi, suy nghĩ và thể hiện dưới bàn tay tài hoa của mình.

Khi đất nước còn đang thời chưa mở cửa (năm 1979), hoa lụa Mai Hạnh đã có tên tuổi trong các cuộc trưng bày hàng thủ công mỹ nghệ trên toàn quốc. Bà đã tâm sự về con đường đến với nghề làm hoa của mình. Thực ra, nghề làm hoa lụa đã có từ đời mẹ bà là nghệ nhân Đoàn Thị Thái. Cụ Đoàn Thị Thái đã học nghề cắt hoa giấy, và làm nữ công gia chánh từ khi còn nhỏ. Vì vậy, nhà bà không chỉ có nghề

làm hoa lụa mà còn làm chả cá – món ăn nổi tiếng của đất Hà Thành. Năm 1999, Nghệ nhân Đoàn Thị Thái cũng đã được Hội Mỹ Thuật Việt Nam, Hội đồng TW Liên minh các Hợp tác xã trao tặng giải thưởng "Đôi bàn tay vàng" (1999) vì những đóng góp to lớn trong việc bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật dân tộc đặc sắc này.

Bà Hạnh cho biết, mẹ bà thực sự là mẫu người phụ nữ làm hết sức mình hy sinh cho chồng và con. Một tay bà tần tảo, vừa làm hoa, vừa bán chả cá nuôi 9 người con ăn học. Tất cả 8 người con khác của cụ Đoàn Thị Thái đều học hành thành đạt và giờ đây đều là những người có địa vị trong xã hội. Duy chỉ có cô em út Mai Hạnh là theo nghề của mẹ. Cũng là bởi, năm 1964, khi máy bay Mỹ bắn phá Hà Nội, trong lúc chạy vào hầm trú ẩn, không may bà Hạnh bị tai nạn, ngã và ngất đi. Vết thương ở chân rất nặng, những tưởng bà Hạnh sẽ không còn đi lại được. Hơn 6 tháng nằm điều trị trên giường, thương con, cụ Thái đã dạy cho bà Hạnh biết cắt dán các loại hoa bằng giấy và bà đã yêu cái nghề này từ lúc nào không hay.

Say mê sáng tạo

Cái khéo tay của mẹ truyền lại, cùng năng khiếu sáng tạo bẩm sinh, bà Mai Hạnh không ngừng suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để làm nên những bông hoa lụa tuyệt đẹp như hiện nay. Bà Hạnh đã từng nói với mẹ mình "Con mơ thấy mình làm được những bông hoa giả mềm mại như hoa thật". Thế rồi bà cùng mẹ lặn lội đến rất nhiều hiệu may để kiếm những mảnh vải vụn đem về giặt là, phơi, cắt, dán uốn, kết,

ghép...Dần dần bà đã sáng tạo nên những bông hoa mềm mại, duyên dáng như hoa thật với màu sắc rất sống động. Năm 28 tuổi, nghệ nhân Mai Hạnh đã đoạt Huy Chương Vàng của cuộc trưng bày hàng thủ công mỹ nghệ toàn quốc với bông hoa lụa dâm bụt. Sau này, bà Hạnh còn trăn trở ý nghĩ làm cho bông hoa lụa không chỉ có sắc mà còn có "hương". Riêng hoa sen lụa của bà Hạnh là có cả đài nhuỵ và phấn hoa. Để bông hoa lụa của mình trông thật hơn, bà Hạnh đã nghĩ ra lấy bột thạch cao để chấm lên nhuỵ hoa cho giống những hạt phấn hoa li ti. Chất bột này rất hiệu quả bởi nó vừa kết dính lại vừa giống y hệt phấn hoa. Cách nhuộm cánh hoa bà Hạnh làm cũng khác, không chỉ nhuộm thông thường mà còn làm các tông màu cho thật chuẩn. Cánh hoa sen không chỉ nhuộm riêng một màu hồng, mà càng lên trên gần đài sen càng nhạt dần.

Cũng với phong cách làm tỉ mỉ, công phu, kỹ lưỡng như vậy, bà Hạnh không chỉ sáng tạo mỗi hoa dâm bụt hay hoa sen, bà còn làm ra các loại hoa: mai vàng, sen hồng, hoa cúc vàng, hay lay-ơn, hoa phong lan...với những cánh hoa lụa giống hệt với thiên nhiên.

Đi đến đâu, bà Hạnh cũng để ý kỹ lưỡng các loài hoa đặc trưng của đất nước đó để về thực hiện bằng hoa lụa cho thật giống như hoa Tulip của Hà Lan, hoa Hồng xanh của Nga, phong cách cắm hoa của Nhật...Những bông hoa lụa được làm từ bàn tay của nghệ nhân Mai Hạnh đều đẹp và rất có hồn. Bà Hạnh cho rằng, hoa là quà tặng của thiên nhiên nên không thể làm dập khuôn, đồng loạt bằng máy được.

Chính bởi nghệ thuật làm hoa lụa rất độc đáo của bà mà bà đã từng được mời đi Mông Cổ giảng dạy cách làm hoa lụa thủ công. Sau này bà còn được mời sang dự thi và triển lãm nghề truyền thống dân gian 12 nước châu Á tại Fukuaka - Nhật Bản. Sau đó bà còn được mời đi giao lưu và quảng bá hoa lụa Việt Nam ở rất nhiều nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ...

Kiên quyết không để thất truyền

Với suy nghĩ, nghề làm hoa lụa sẽ ngày càng phát triển, bà Hạnh đã không ngần ngại truyền nghề cho rất nhiều lớp học sinh. Khi nói về việc truyền nghề cho các cháu trong trại trẻ mồ côi, hay các cháu bị chất độc da cam, giọng bà Hạnh trầm hẳn xuống: "Kinh nghiệm làm hoa lụa là do nhiều đời chắt lọc, nếu không truyền nghề cho ai mà để thất truyền thì phí lắm. Tôi nghĩ mình đi truyền nghề cho nước ngoài, tội gì không truyền nghề cho người Việt Nam ta. Trông thấy các cháu bị chất độc da cam và mồ côi tôi rất thương. Đi dạy từ những năm 1985 ở khắp mọi nơi, đến giờ số học sinh học nghề tôi lên đến hàng trăm em, đa phần là các học sinh câm điếc, nhiều em ra nghề đã nuôi sống được bản thân. Có bao nhiêu kỹ thuật tôi truyền hết, không hề giấu nghề với mong muốn phát triển nghề này một cách rộng rãi, giúp ích cho xã hội là đã thích rồi".

Đúng là "tre già măng mọc", người học trò đặc biệt nhất của bà Mai Hạnh lại chính là cô con gái Đặng Thị Minh Hằng. Ở Minh Hằng dường như có sẵn những tố chất của một nghệ nhân. Được mẹ tận tâm truyền nghề, tác

phẩm đầu tiên của Hằng là một lẵng hoa bé tí hon, kích thước chỉ bằng đốt ngón tay với đầy đủ hoa, lá, cành...Tố chất con nhà nòi ấy còn được Minh Hằng phát triển hơn khi chị vừa tốt nghiệp Đại học Mỹ Thuật. Tác phẩm "Hoa chuối" của chị đã đoạt giải nhất cuộc thi "Tinh hoa Việt Nam" ở Festival Huế 2004. Chắc chắn, con đường sáng tạo của chị sẽ còn phát triển hơn nữa. Nhất là bên cạnh chị còn có mẹ chị luôn hỗ trợ - nghệ nhân Mai Hạnh, người đã có công đưa hoa lụa Việt Nam lên vị trí xứng đáng trong làng thủ công mỹ nghệ khu vực và thế giới.

Yêu nghề và thành công đến vậy nhưng để phát triển cơ sở làm hoa lụa lớn hơn nữa thì vẫn chưa đủ điều kiện. Nghệ nhân Mai Hạnh chỉ mong muốn được nhà nước quan tâm, hỗ trợ về cơ sở sản xuất như đất làm nhà xưởng để bà có thể mở rộng sản xuất, đủ điều kiện đáp ứng các các hợp đồng lớn, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho các cháu trẻ mồ côi cũng như phát triển một nghề truyền thống rất đặc sắc của Hà Nội.

Tuyết Minh

Thăm nhà nghệ nhân đã thiết kế chiếc giầy da lớn nhất Việt Nam

Đó là một gia đình nghệ nhân ba thế hệ, ông Lê Văn Thịnh và bà Đỗ Thị Oanh cùng con cháu ở làng nghề giầy da Phú Yên. Khi tôi vào thăm, bà Oanh đang chơi với cháu trong sân nhà. Gia đình ông bà vẫn theo nếp cũ, "tam đại đồng đường", sống chung trong một ngôi nhà 03 tầng khang trang ở Giẽ Hạ, Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội.

Là người sinh ra và lớn lên ở làng nghề, bà Oanh rất am hiểu về nghề làm Giầy. Bà cho biết, khâu quan trọng có tính quyết định của giầy thời trang là kiểu dáng, người thiết kế kiểu dáng thường là nghệ nhân có tay nghề cao. Trước tiên kiểu giầy được nghệ nhân nghiền ngẫm vẽ ra trên giấy. Những mảnh ghép của đôi giầy tương lai được người thiết kế thể hiện trên mặt giấy sẽ quyết định hình khối, kiểu dáng của đôi giầy tương lai. Công đoạn tiếp theo là chế tác các bộ phận của đôi giầy mẫu với các bộ phận như mũ, đế, lưỡi gà...cùng các chi tiết hoa văn ra kích thước thật, các bộ phận này được chế bằng bìa cứng, gọi là "dưỡng".

Khi đã có "dưỡng" việc làm giầy được tiến hành qua các khấu.

- Chế tạo các bộ phận cấu tạo của đôi giầy bằng nguyên vật liệu thật. Người thợ đặt dưỡng trên tấm da thật, dùng bút tô theo đường biên của dưỡng để có hình các bộ phận của giầy. Các bộ phận rời được gia công trên máy khâu, máy ép, máy đục lỗ... thành mũ giầy, đế giầy. Để giảm giá thành, ngày nay người ta hay sử dụng đế giầy nhựa hoặc gỗ phíp thay cho đế da.

- Chế tạo "phom" là tạo cốt cho chiếc giầy tương lai. Trước kia phom được làm bằng gỗ, do các xưởng mộc trong làng sản xuất, nay phom được chế tạo bằng nhựa vừa nhẹ vừa bền hơn phom gỗ.

- Người thợ sẽ gò da trên phom qua các công đoạn khâu, ép, đóng đế, mài, phun, đánh bóng, dập đinh khóa.... sẽ được sản phẩm hoàn chỉnh.

Hàng chục công đoạn để hình thành sản phẩm được chuyên môn hóa về nhiều tổ hợp, từng gia đình. Cả làng như một cỗ máy khổng lồ đã được lập trình, hoạt động liên tục ngày đêm không nghỉ.

Là người ít nói, ông Thịnh rất ít kể về thành tích của mình, kể cả khi truyền hình đưa tin về chiếc giầy da khổng lồ do hội da giầy Phú Yên chế tác dài 2,7 m được ghi vào kỷ lục Ghinet Việt Nam, báo chí tìm gặp phỏng vấn nhiều người, nhưng chưa ai gặp tác giả chính của kỷ lục. Khi được hỏi về làng nghề, về kỹ thuật chế tác giày mắt ông như sáng lên. Ông lẳng lặng mở tủ lấy cho tôi xem nhiều bằng khen, giấy chứng nhận của nhiều tổ chức trong ngoài nước còn giữ nguyên trong vỏ bọc và ảnh chụp bộ sưu tập

giầy thời trang ông đã thiết kế. Chiếc giầy được ghi trong kỷ lục Ghinet Việt Nam được lấy nguyên mẫu từ kiểu giầy mũ bướm trong bộ sưu tập của gia đình và lớn gấp 10 lần chiếc giầy mẫu. Để chế tạo chiếc giầy này các thợ giỏi trong làng đã làm trong 02 tháng, dùng hết 40m^2 da bò, 300m chỉ, 30kg keo dán và ... 3 khối bê tông để làm phom. Sau khi tham gia cuộc thi Thiết kế giày Việt Nam lần thứ 2 năm 2007, do Tạp chí Thời trang trẻ và Hiệp hội Da giầy tổ chức (chung kết và trao giải diễn ra tại Hội chợ Triển lãm Giảng Võ vào đêm 23/12) chiếc giầy được mang về trưng bày ở trụ sở Hiệp hội da giày Phú Yên.

Ông tâm sự, người giỏi nghề nhất thường chỉ được giới trong nghề biết đến và chưa hẳn đã kiếm được nhiều tiền hoặc lên đài lên báo. Nhưng các cụ đã dạy "Hữu xạ tự nhiên hương", "Ăn ở có đức thả sức mà ăn". Nghề giầy làng ta đã có lịch sử hàng trăm năm, việc mình làm trước hết phải theo đạo đức nghề nghiệp, để giữ gìn truyền thống không bị mai một, khiêm tốn học hỏi, phát huy tinh hoa nghề nghiệp của các cụ lớp trước. Sau là truyền lại kinh nghiệm, đào tạo lớp trẻ kế nghiệp. Để "tiếng lành đồn xa", tinh hoa làng nghề không chỉ trong nước mà còn được bạn bè quốc tế công nhận. Điều ông tâm đắc nhất hiện nay là đã đào tạo được cháu nội kế tục nghề Tổ. Bố mẹ đi làm ăn xa, Lê Văn Hải được ông bà nuôi dạy từ tấm bé, mới 24 tuổi nhưng Hải đã trở thành nghệ nhân có tay nghề cao. Anh mới mang về huy chương bạc Cuộc thi thiết kế giầy nam dành cho cá nhân, do Hiệp hội da giầy quốc tế IFC tổ chức ở Hongkong tháng 6/2009.

Khi được hỏi, có thể làm một chiếc giầy vượt kỷ lục vừa lập không ? Hải cho biết hoàn toàn có thể được nhưng phải dùng mẫu giầy khác, vì mẫu giầy mũ bướm đòi hỏi sử dụng da bò nguyên tấm. Một cái khó khi làm chiếc giầy kỷ lục ít người biết là việc chọn da, da bò sản xuất trong nước mình không đủ lớn nên phải chọn từ hàng trăm tấm da bò nhập từ Mỹ, Úc mới được 04 tấm đạt tiêu chuẩn. Sau khi cùng ông và các bác trong Làng chế tác chiếc giầy lớn nhất Việt Nam, anh đang tranh thủ thời gian rảnh rỗi làm bộ sưu tập riêng những chiếc giầy tí hon, khâu tay, mà chiếc bé nhất hiện có chỉ bằng đầu chiếc bút chì.

Chào ông bà ra về tôi tặng gia đình bản Thông tin việc họ Đỗ Việt Nam số mới nhất và chúc mừng ông bà đã có công nuôi dạy cho họ hàng - làng nước một chuyên gia thiết kế giầy nam có tầm cỡ Quốc tế, và hy vọng sẽ có dịp được viết về kỷ lục ghinet Việt Nam dành cho chiếc giầy da nhỏ nhất Việt Nam.

Đỗ Quang

Vĩnh biệt Nghệ nhân Bàn tay vàng Vũ Đức Trọng

Cụ Vũ Đức Trọng, Nghệ nhân Bàn tay vàng của Hà Nội đã ra đi vĩnh viễn đúng vào giờ Hoàng đạo ngày 29-9-2007.

Cụ Vũ Đức Trọng tên thật là Vũ Đức Uynh, sinh ngày 4-10-1910 trong một gia đình nông dân nghèo thuộc vùng chiêm trũng cuối tỉnh Hà Đông cũ. Gia đình có 3 chị em, bố mất sớm, phận nghèo, Trọng phải đi ở, làm thuê cho một gia đình có nghề thêu, nhưng không hề dính dáng gì đến thứ nghệ thuật thủ công này, bởi phận đi làm thuê là mò cua, bắt ốc... Nhưng vốn có chí, ham học và một tình yêu nghệ thuật thêu âm thầm nhưng cháy bỏng, Vũ Đức Trọng được người chủ thương yêu giao cho cái kim và những sợi chỉ màu để bắt đầu i tờ nghề thêu. Đó là một bước ngoặt trong cuộc đời thời trai trẻ của Trọng, để rồi sau đó anh như con chim của đồng nội khi đủ lông, đủ cánh thì tự mình bay đi xa, kiếm tìm, khám phá vẻ đẹp của nghề thêu.

Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, trong vùng địch hậu Phú Xuyên, Vũ Đức Trọng hăng hái hoạt động du kích chống giặc, phá tề và được dân làng yêu mến.

Hoà bình lập lại sau thời 9 năm trận mạc, khoảng năm 1955-1956 Vũ Đức Trọng trở lại với nghệ thuật thêu cùng thời điểm Trường Mỹ thuật công nghiệp Việt Nam ra đời, Vũ Đức Trọng được mời vào làm giảng viên khoa Nghệ

thuật thêu thủ công rồi trở thành vị Trưởng khoa của khoa Trang trí nghệ thuật Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp Việt Nam.

Kim chỉ chính là ngôn ngữ cao nhất, hoàn thiện nhất của nghệ thuật thêu, mà ở đó tất cả vẻ đẹp thần tiên nhất cũng được toát lên lắm lúc hút hồn từ ngôn ngữ của kim chỉ, chỉ kim. Biết tận dụng một cách khôn ngoan và đầy tài năng lợi thế của nghệ thuật thêu, Nghệ nhân họ Vũ đã thành công đến mức hoàn hảo nhất bức thêu chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1967. Kế đó, ông đã thêu thành công tác phẩm chân dung các vị Tổng Bí thư, Chủ tịch nước các nước XHCN Đông Âu được dùng làm tặng phẩm trân trọng trao tặng đồng chí và bạn bè quốc tế.

Sát cánh với đội ngũ giảng viên của trường Mỹ thuật công nghiệp, thầy giáo họ Vũ không chỉ tận tâm truyền nghề cho sinh viên mà còn hết lòng bồi dưỡng tâm hồn, lý tưởng sống, lao động cho họ, để họ trưởng thành và cống hiến cho đất nước bằng chính sự sáng tạo của nghệ thuật thêu, nghệ thuật truyền thống của văn hoá Việt Nam.

Giới mỹ thuật Việt Nam nói chung, nghệ thuật thêu thủ công nói riêng đều đánh giá cao tài năng, cống hiến của Vũ Đức Trọng, nổi lên trong số đó là tác phẩm thêu *Đoàn bè ra khơi, Suối ngàn Việt Bắc*... đã chiếm giải nhất và nhì trong Triển lãm Nghệ thuật toàn quốc vào những năm 60, 70 của thế kỷ trước. Nhiều học trò của thầy Trọng ở Trường Mỹ thuật công nghiệp Việt Nam cũng như học trò kèm cặp sau ngày nghỉ hưu nay là những nghệ nhân thêu giỏi.

Nghệ thuật thêu, thứ ngôn ngữ thông qua đường kim mũi chỉ đã gắn bó cuộc đời của cụ, theo cụ suốt cả cuộc đời, kể cả lúc vui cũng như lúc buồn, lúc hoà bình cũng như lúc bom rơi đạn nổ. Thật là quý giá vô cùng, bởi khi tuổi đã ngoài 90, sức yếu, đôi mắt đã giảm thị lực, nhưng cụ Trọng vẫn mải miết thêu trong khi vẫn say sưa chuyện trò với cụ bà cũng đã ở tuổi 90 xưa nay vốn hiếm.

Ghi nhận công lao của Vũ Đức Trọng, ngày 5-6-1986, UBND TP Hà Nội đã trao tặng cụ danh hiệu Nghệ nhân Bàn tay vàng mà cả nước vốn không phải là nhiều người, bên cạnh là Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và nhiều huân, huy chương khác.

Cuộc đời của cụ Trọng, không chỉ in đậm dấu ấn và ký ức của mình đối với cơ quan, nhà trường trong cương vị là giảng viên lâu năm, là hội viên cao tuổi của Hội Mỹ thuật Việt Nam, với phố phường là một công dân gương mẫu, với gia đình là một người chồng, người cha, người ông... đầy kính trọng và yêu thương, nhất mực thuỷ chung, trọn vẹn gần như tất cả đối với vợ con, cháu chắt và bầu bạn với đầy đủ ý nghĩa của từ này.

Nghệ nhân nổi tiếng - Nghệ nhân Bàn tay vàng, cụ Vũ Đức Trọng không còn nữa. Bài viết nhỏ này là lời thành kính vĩnh biệt cụ với sự tiếc thương chẳng có gì nói hết được. Xin với nén hương và lòng thành này, cầu mong trời đất phù hộ, độ trì để cụ yên giấc nơi suối vàng.

Theo Hà Nội mới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Nội mới online
2. Tour Dulich.com
3. Tạp chí Quê hương
4. Món ngon Việt Nam
5. Báo Tiền phong
6. Báo Đất Việt
7. Báo Người Hà Nội
8. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia
9. Tạp chí Văn nghệ quân đội
10. Cinet gov.vn
11. Vietnam net
12. Du lịch Á châu.com
13. Du lịch Hà Nội
14. Hà Nội ngàn năm

Mục lục

Trang

- *Doanh nhân - Nghệ nhân Đỗ Văn Thuân và cả đời với nghề sơn thếp* 9
- *Độc đáo làng gỗ Sơn Đồng* 13
- *Nỗi niềm nghệ nhân làng mộc* 17
- *Gặp người giữ hồn chèo Tàu* 20
- *Khảm trai Chuôn Ngọ sống mãi với thời gian* 24
- *Làm giấy sắc: Nghề "độc nhất vô nhị" đất Hà Thành* 28
- *Làng nghề tò he Xuân La - Một nét văn hóa dân gian* 32
- *Làng nghề Vạn Điểm vượt khó* 38
- *Lê Công Hành - Ông tổ nghề thêu* 42
- *Nghệ nhân bàn tay vàng Nguyễn Ngọc Trọng: vui vì "cha truyền con nối"* 44
- *Nghệ nhân được Chính phủ " đặt hàng"* 48
- *Nghệ nhân và bài học của chữ " Thành công"* 52
- *Nghệ nhân ca trù Nguyễn Văn Khôi và mối duyên nợ tiền kiếp* 59
- *Nghệ nhân cuối cùng của dòng tranh Hàng Trống* 63
- *Nghệ nhân làng lụa* 67
- *Nghệ nhân làng nghề Đại Bái ở Hà Nội* 72
- *Nghệ nhân Lê Hữu Quyết và quá vãng làng hoa Nghi Tàm* 76

- *Nghệ nhân Lê Khang, "Đôi bàn tay vàng" của Thủ đô* 81
- *Nghệ nhân Lê Minh Ngọc và ước mơ kỷ lục thế giới* 84
- *Nghệ nhân mang "hồn đất Việt"* 89
- *Nghệ nhân năng động, sáng tạo của làng nghề Phú Vinh* 94
- *Nghệ nhân nạm bạc* 96
- *Nghệ nhân Đỗ Đình Dược* 100
- *Nghệ nhân đóng loa đất Hà Thành* 103
- *Nghệ nhân tranh ghép hoa lá khô và những tác phẩm cho ngày Đại lễ* 106
- *Nghệ nhân Trịnh Thục Bằng: Tươi trẻ mãi cùng hoa* 110
- *Người nghệ nhân tâm huyết đan tranh Bác Hồ* 113
- *Người đúc tượng Bác Hồ nhiều nhất Việt Nam* 117
- *Người thương binh giữ "hồn" cho nón Chuông* 121
- *Người trở về* 126
- *Nguyễn Kim Xuân và niềm đam mê nghệ thuật tranh tre* 136
- *Nhất nghệ tinh...* 138
- *Những người giữ ánh trăng Rằm* 141
- *Sức sống của nghệ thuật hoa lụa đất Hà Thành* 145
- *Thăm nhà nghệ nhân đã thiết kế chiếc giầy da lớn nhất Việt Nam* 150
- *Vĩnh biệt Nghệ nhân Bàn tay vàng Vũ Đức Trọng* 154